

hiện đại

tháng bảy - 1960

SAIGON BAN ĐÊM

MẶC ĐỖ

HOÀNG ANH TUẤN

NGUYỄN THỨC

GRAHAM GREENE

TẠ TỴ

THANH NAM

BÌNH NGUYỄN LỘC

NGUYỄN SA

SẦU RIÊNG

VŨ QUÁN

BAN ĐÊM THÀNH PHỐ

PHƯỢNG

MÀU SẮC SAIGON

ĐÊM DÀI THÀNH PHỐ CŨ

QUẢ ĐÊM TRÊN RẠCH TÀU HỦ

BÓNG TỐI

với những bài của :

Đình Hùng : CHÓP BỂ MƯA NGUỒN * **Mặc Thu** : CÔ BA *
Huy Quang : MỘT ĐÊM VUI * **Lưu Trung Khảo** : BÀ
HUYỆN THANH QUAN * **Song Linh** : MƯA VỀ CHIỀU * **Thái**
Thủy : BUỒN PHỐ RỘNG * **Thái Khương** : TÌM HIỂU LỊCH
SỬ SÂN KHẤU * **Trường Duy** : MÂY TRẮNG * **Vũ Hoàng**
Chương : MỘNG NGÀY XƯA * **Hoàng Anh Tuấn** : NHỮNG
MẮT TRONG ĐÊM * **PHỤ BẢN**: Tạ Tỵ

4

Chủ trương biên tập :

NGUYỄN SA

Tòa soạn : 35, Trương Công Định - Saigon

Tạp chí
Hiện Đại
số 4

tháng bảy - 1960



Paris * 09.2025

Phục dựng : *Ban Tuyển đọc TVTL*
Nguồn : *Thư viện Tiểu Lùn*

Hiện Đại số 4

SAIGON BAN ĐÊM

HIỆN ĐẠI số 4
Saigon * tháng 7-1960

NỘI DUNG SỔ NÀY

1. Hiện Đại	11
Trình bày Hiện Đại 4	
2. Nguyễn Sa	15
Hịch	
3. Thanh Nam	20
Đêm dài thành phố cũ	
4. Đinh Hùng	38
Chớp bể mưa nguồn	
5. Vũ Hoàng Chương	42
Mộng ngày xưa	
6. Hoàng Anh Tuấn	45
Những mắt trong đêm	

7. Thái Thủy	52
Buồn phố rộng	
8. Nguyễn Thức	56
Ban đêm thành phố	
9. Bình Nguyên Lộc	92
Quà đêm trên rạch Tàu Hủ	
10. Tạ Tỵ	104
Màu sắc Sè-Goòng	
11. Song Linh	123
Mưa về chiều	
12. Huy Quang	155
Một đêm vui	
13. Mặc Thu	178
Cô Ba	
14. Trường Duy	192
Mây trắng	

15. Mặc Đỗ	216
Sầu riêng	
16. Graham Greene	238
Phượng * Huyền Phụng dịch	
17. Hoàng Anh Tuấn	254
Vũ quán	
18. Nguyễn Duy Diễm	273
Dưới chân Saigon	
19. Nguyên Sa	298
Bóng tối	
20. Thái Khương	320
Tìm hiểu lịch sử sân khấu	
21. Lưu Trung Khảo	366
Bà Huyện Thanh Qaan có phải là thi sĩ hoài Lê không	
22. Nhìn bảy chân trời	391
Sĩ Mộc – Thy Liên – Lý Tú – Trần Linh	

Trình bày Hiện Đại 4

Bốn số Hiện Đại chắc hẳn đã nói lên được với bạn đọc đường đi của tờ báo. Mỗi số Hiện Đại, bạn đọc đã nhận thấy, bao giờ cũng hướng về một đề tài duy nhất. Đề tài chọn lựa hàng tháng, như chúng tôi đã hoạch định, có thể là đề tài cho phần biên khảo hay cho phần sáng tác. Khi đề tài là đối tượng chung của phần biên khảo thì những bài văn sáng tác được thể hiện không lệ thuộc vào một khuôn khổ nào cả. Ngược lại trong những số báo mà đề tài dành cho phần sáng tác thì những tác giả biên khảo sẽ trình bày những vấn đề, những ý nghĩa

riêng của mỗi người không quy vào một đề tài cố định nào cả. Đó là trường hợp Hiện Đại 4.

Ba số báo trước, bạn đọc đã cùng chúng tôi « truy niệm những nhà văn đã từ trần », đi thăm « những cánh cửa mở vào văn chương Việt Nam », yêu mến « những khuôn mặt đàn bà trong văn chương ». Hiện Đại 4 đến tay các bạn với hình ảnh « Sài Gòn ban đêm ».

Thủ đô – một thành phố bao giờ cũng hiện ra trong tâm tưởng những con người ngang dọc trên khắp các nẻo đường đất nước với hình ảnh của một viên ngọc quý. Nó chói sáng, nó có một hào quang, một sức điện hấp dẫn ghê gớm. Người đi trong cuộc đời quay cuồng trong không gian thành phố với những con đường lớn, nhỏ đan vào nhau, những ngôi nhà lớn, bé dựa vào nhau, những âm thanh, những

sinh hoạt, đổi thay liên tục, cũng như người đứng nhìn thành phố ấy từ đồng rộng, núi cao đều dành cho thành phố này những tình cảm thân yêu, sâu mạnh. Chính vì lý do đó mà chúng tôi chọn « Sài Gòn ban đêm » cho Hiện Đại 4.

Những bài văn làm thành số báo này không phải là những bài phóng sự về ban đêm thành phố. Những người viết chỉ mượn Sài Gòn ban đêm làm bối cảnh để diễn đạt những tình cảm chủ quan, những ý nghĩa riêng tư, những xúc động riêng biệt. Do đó bối cảnh không phải là thành phố cố định trong thời gian hiện tại. Có 'người nhắc nhở đến cuộc đời riêng tư xa cũ của mình trong cánh tay những đêm Sài Gòn 53, 50... Có người nói về cuộc sống nhỏ bé của mình nằm trong cuộc sống rộng lớn, bát ngát của thành phố bây giờ.

Hãy nhận lấy « Sài Gòn ban đêm » với cặp mắt bao quát và soi thẳng.

Hãy nhìn thẳng vào tâm tư của những người viết bằng cặp mắt bao quát thu gọn được cả những khoảng thời gian khác nhau..

Hãy nhìn « Sài Gòn ban đêm » bằng cặp mắt của tâm hồn.

Hiện Đại

Hịch

Nguyễn Sa

Bằng hơi thở thiên thần

Bằng giọng nói đam mê

Bằng ngón tay màu nhiệm

Ta truyền:

Hỡi Sài Gòn ban đêm mở cửa!

Ta truyền:

Hãy rộng mở bốn cửa thành Đông
Tây Nam Bắc để thơ ta uả vào từ bốn
phía chân trời và thân thể ta vào theo lối
mặt trời đi.

Hỡi bóng tối hãy cất lên doanh trại.

Hãy trấn đóng những nơi hiểm yếu,
những mạch máu kinh thành những đại
lộ công trường, ghế đá công viên

Ta sẽ đi thanh tra những mái tóc
bâng quơ, những cánh tay buồn, những
mối sầu thơ dại.

Ở trong mỗi mỗi sâu nhỏ bé ta sẽ
nhìn thấy hình ảnh nỗi sầu địa ngục của
lòng ta.

Lúc ta đi, phải tắt hết những đèn
xanh đèn đỏ trật tự cuộc đời cho rộng
mở trùng trùng cánh cửa hư vô.

Những cột đèn phải thấp lên tinh tú.
Và theo những khuôn mặt bơ vơ những
mắt cô đơn những ngón chân buồn phải
nhớ soi đường bằng mắt hải đăng.

Ta truyền:

Để cuộc nghênh đón ta được thêm phần trọng thể.

Những người con gái ngây thơ hãy trở về nhà đi ngủ sau khi đánh răng rửa mặt chải đầu và đọc kinh cầu nguyện ban đêm,

Những nhà phê bình văn nghệ rẻ tiền, những thầy giáo chạy điểm trong kỳ thi trốn ngay vào bóng tối.

Không khí ma quái ấy hãy nhóm lên bằng lửa kiêu sa bằng ánh sáng vũ trường bằng phấn son hoang dại

Cho ta đi vào với tâm hồn đau niềm kinh thành bỏ ngõ. Cho ta đi giữa những phố rộng cây cao những vườn hoa đóng cửa nhìn những lá cành run rẩy mà nghe buồn thảo mộc thấm vào xương.

Cho giữa những nghi lễ ban đêm dành cho ta như một đấng uy quyền tuyệt đích ở dương gian ta nghe tiếng. ta truyền sang sáng.

Ta nghe ở đáy hồn ta cất lên tiếng nói:

Sao không mang nặng cặp mắt Trần Dần, cánh tay Phùng Quán với thân hình vạm vỡ tình yêu?

Sao chỉ về đây nằm gối đầu lên dòng sông lớn, dang tay dài đại lộ mà nghe kinh thành thổi hơi buồn trompette ban đêm.

Nghe đại lộ nổi dài bằng giọng hát Bích Chiêu?

Và tiếng ta truyền phụt tắt.

Những xiềng xích quán lấy thân ta

Trong bóng đêm của tâm hồn nổi loạn.

NGUYỄN SA

Đêm dài thành phố cũ

Thanh Nam

Buổi tối hôm đó ở nhà Mạnh Bra, Thùy đang đứng chờ xe thì nghe có tiếng người gọi. Từ trong bóng tối của một ngôi nhà, một bóng người khập khiễng bước ra.

– Cậu Hai.

Thùy nhường mắt tìm kiếm. Cái bóng người khập khiễng đó bước tới gần chàng. Trên tay y mang một sợi dây có những miếng sắt nhỏ xếp lại.

– Cậu Hai quên tôi rồi sao?

Sợi dây buộc những miếng sắt nhỏ trên tay y reo lên. Thùy đợi cho y tới sát bên mình, nhìn kỹ cái bộ mặt sần sùi của y nhưng vẫn không sao nhận được một nét quen thuộc nào trên cái bộ mặt kỳ dị đó. Y cười, hàm răng vàng khè và lởm chởm:

– Sáng đây mà. Bộ cậu quên tôi thật rồi.

Thùy lắp lại:

– Sáng?

– Dạ. Sáng ở nhà ông Xuân ngày xưa đây mà, cậu nhớ ra chưa?

Lúc đó thì Thùy đã nhớ thật rồi.

Thùy nhớ rằng anh chàng này là một gã bồi tiêm cho một tiệm hút ở chợ Cũ ngày xưa mà chàng vẫn thường lui tới.

Thùy cười khẽ:

– Bây giờ chú làm cái nghề này?

Thùy chỉ chùm giầy sắt trên tay y.

– Dạ.

–Chú có thường lại chỗ ông Xuân nữa không?

– Tôi vẫn tới luôn.

– Dễ có tới sáu năm rồi tôi không lại đó. Bây giờ ông Xuân ra sao?

Cặp mắt gã bồi tiêm tròn xoe:

– VẬY, cậu không hay tin gì sao?

– Tin gì?

– Ông Xuân chết đã hai năm rồi, cậu.

Y nói bằng một giọng buồn bã thật tình và tiếp:

– Nếu ông còn thì tôi đâu có làm cái nghề này?

Cánh cửa nhà Mạnh hé mở. Đứa con trai lớn của Mạnh thập thò nhìn ra. Sự đứng lâu ở đó bất tiện, Thùy kéo tay Sáng đi ngược lại phía bờ sông.

– Lại đằng kia ngồi nhậu một chút rồi nói chuyện tôi nghe. Ông Xuân chết vì bệnh gì?

Bóng Thùy ngả dài xuống mặt đường chông lên gĩa bồi tiêm. Y ho xù xụ một hồi rồi lắc đầu:

– Tôi cũng không rõ ông chết vì bệnh gì. Buổi tối hôm trước tôi còn nằm làm thuốc cho ông, sáng hôm sau không thấy ông dậy nữa. Tưởng ông ngủ, tôi cũng không đánh thức ông, nào ngờ đến trưa hôm đó thì cô Sáu vào kêu ông dậy ăn cơm mới hay...

Hai tiếng cô Sáu mà Sáng vừa nhắc lại gọi cho Thùy nhớ lại cả một thời đoạn lạc của mình ngày trước. Sáu là người vợ nhỏ của lão Xuân. Hồi đó, bọn chàng kéo tới nằm ở tiệm Xuân phần lớn là vì có Sáu ở đó. Hình ảnh căn gác tối mù những khói hiện trở lại trong trí nhớ Thùy. Cái giường của lão Xuân kê ở cuối cùng căn gác. Bọn Thùy lần nào cũng cố đến sớm để chiếm lấy cái giường cạnh đó. Sáu ngồi phụ giúp chồng “đong thuốc” cho khách. Nàng không nghiện nhưng không bao giờ Thùy thấy nàng rời khỏi cái giường đó. Suốt cả đêm. Những ngón tay trắng muốt của Sáu làm cái công việc đong thuốc ra những chiếc ngao đồng mới khéo léo làm sao. Bọn Thùy vừa hút vừa ném những cái nhìn tổng tình sang cho Sáu. Nàng chỉ cúi mặt xuống những ngao thuốc. Có lần, một người bạn của Thùy liều lĩnh hơn. làm bộ say thuốc, đưa hẳn

một bàn tay sang chỗ Sáu đặt lên đùi nàng. Sáu không tỏ một vẻ gì giận dữ, chỉ lẳng lặng nhặt lấy bàn tay hôn xước đó, gửi trả lại cho chủ nó. Thùy vẫn thường thắc mắc mỗi lần nhìn thấy Sáu nằm bên cạnh chồng vào những giờ tiệm thuốc vắng khách. Cái bàn tay xương xẩu già nua của lão Xuân đặt lên người Sáu như hình ảnh một cây củi mục đặt trên một trái cây mọng chín. Sáu vuốt ve cái bàn tay ấy một cách âu yếm. Bọn Thùy lẳng lẽ chứng kiến cảnh đó và dần dần nguội hết hy vọng được Sáu để ý tới. Lúc đầu, chàng cho rằng Sáu miễn cưỡng phải sống chung với lão Xuân. Nhưng về sau, Thùy thấy mình lầm. Trước chàng, đã có rất nhiều người khách tới hút cũng nghĩ như vậy. Họ còn đi xa hơn chàng. Thừa dịp lão Xuân ngủ say, họ sang tận chỗ Sáu ngồi và tán tỉnh nàng. Có kẻ mang hẳn tiền ra để mua chuộc Sáu. Phần đông

những kẻ ao ước Sáu hồi đó đều trẻ hơn lão Xuân. Nhưng tất cả đều thất vọng. Và đêm nào bọn Thùy kéo tới cũng thấy Sáu ngồi ngoan ngoãn bên chồng làm cái công việc bán thuốc cho khách. Thuở đó, các tiệm hút được mở công khai. Giờ vui nhất trong tiệm hút là khoảng gần sáng. Những kẻ rã rời sau những giây phút hành lạc, những bộ mặt mệt nhọc từ sông bạc Kim Chung, giờ đó thế nào cũng chui vào tiệm hút. Không khí ồn ào lên độ hai tiếng đồng hồ, với mọi thứ chuyện nở ran bên tiếng kéo thuốc, sau đó chìm dần vào sự im lặng thoải mái. Thùy là một trong số những tay hút tài tử, chàng mê không khí tiệm hút nhiều hơn là mê hút. Những giờ mà mọi người đã say ngủ, Thùy nằm yên lặng, ngó từng nét mặt những người khách nằm bên, trông rõ sự mãn nguyện sung sướng của từng người. Và cuối cùng, Thùy ngừng

lại trước nét mặt xinh đẹp và bình thản của Sáu. Lúc đó, tiệm đã hết khách ra vào, công việc của Sáu không còn bận rộn nữa. Nàng nằm nghiêng, cả người gần như lọt vào trong lòng ông chồng già, vắn lớn ngọn đèn dầu lạc rồi đem sổ sách ra tính toán. Cây viết chì trên tay hí hoáy biên chép. Có khi nhàn rồi hơn, Sáu mang báo ra coi những tiểu thuyết dài ở trang trong hoặc đoán những hình vẽ xổ đề. Một đôi khi Thùy thấy nàng ngủ thiếp đi trong cái công việc đó. Cặp mắt với những hàng mi dài và cong vút khép lại, Sáu cười cả ở trong giấc ngủ. Nụ cười hiền dịu trên làn môi phớt hồng là hình ảnh quyến rũ Thùy nhất. Không đêm nào nằm ở tiệm lão Xuân mà Thùy quên ngắm Sáu. Thành ra Thùy thấy mình nghiện Sáu hơn là nghiện thuốc phiện. Tình trạng ấy kéo dài một năm liền cho tới lúc Thùy phải đổi đi xa. Chàng chưa

nghiện hẳn nên bỏ thuốc phiện không mấy khó khăn. Chỉ có hình ảnh Sáu là ở lại sâu đậm nhất trong lòng chàng. Thùy vẫn nghĩ nếu có dịp trở lại Sài Gòn thế nào chàng cũng tìm đến Sáu trước nhất. Nhưng Thùy không thực hiện được điều mơ ước đó. Trong khoảng thời gian Thùy xa Sài Gòn thì có lệnh cấm thuốc phiện, đóng cửa các tiệm hút. Lúc trở về Sài Gòn, Thùy lảng vảng đến tiệm lão Xuân nhưng không dám vào. Chàng dò hỏi những người bạn cũ thì họ cũng đều e ngại như chàng. Không ai biết tin tức Sáu ra sao nữa. Rồi chuyện đó quên dần. Thùy chạy theo những thú vui khác.

Tiệm bán rượu đã hiện ra ở đầu đường. Thùy dừng lại bảo người bồi tiêm:

– Chú có mắc công chuyện gì không?

Y lắc đầu và hỏi:

– Cậu Hai định mời tôi vô đó nhậu phải không?

Thùy chưa kịp đáp thì người bồi tiem đã ghé sát vào tai chàng:

Dạo này, cậu còn chơi cái đó không? Tôi có một chỗ này hay lắm. Lại có cả...

Y nháy mắt ra hiệu rồi cười. Thùy cũng cười:

– Tôi không chơi cái trò đó nữa. Bỏ lâu rồi. Nhưng chú muốn dẫn tôi đi đâu?

– Cậu Hai theo tôi rồi sẽ biết. Điều lắm mà cậu!

– Có xa không?

– Gần đây thôi. Đi bộ tới cũng được.

Thùy đi theo người bồi tiem, một

phần vì tò mò một phần vì muốn hỏi y về chuyện Sáu.

Qua một vài dãy phố vắng, người bồi tiêm dẫn Thùy vào một đường hẻm nhỏ. Những con chuột đen và lớn hốt hoảng chạy đâm cả vào chân hai người. Thùy lấy thuốc lá ra hút để khỏi phải ngửi thấy mùi tanh tươi cống rãnh. Tới trước một căn nhà gỗ nhỏ hai tầng, người bồi tiêm dừng lại. Y nói nhỏ:

– Cậu Hai chờ tôi ngoài này nghe. Tôi vô coi có cổ ở nhà hay không.

Nói xong, y lách mình như một con chuột đi nhanh vào bên trong, Thùy nghe rõ tiếng chân bước của y ọp ẹp trên thang gỗ. Một lát, ngọn đèn xanh bật sáng nơi cửa sổ căn lầu. Y trở xuống.

– Hên cho cậu Hai quá. Cô Sáu vừa đi coi hát bóng về.

– Cô Sáu?

Thùy giật mình hỏi lại. Nét mặt người bồi tiêm vẫn còn nguyên vẻ hờn hờ.

– Dạ, cô Sáu, chắc cậu Hai còn nhớ?

Thấy Thùy ngẩn mặt nhìn mình, người bồi tiêm vội dục:

– Thôi, cậu lên đi. Đứng đây lâu rồi xóm họ biết bất tiện.

Như một cái máy, Thùy bước theo người bồi tiêm. Điều thuốc tắt ở trên môi chàng lúc nào không hay. Cúi người bước qua khung cửa, Thùy nhìn thấy một người đàn bà mặc đồ mát từ phòng trong đi ra. Thùy đã nhìn thấy Sáu. Vẫn nụ cười hiền dịu hồi nào và cặp mắt với riềm mi cong vút. Nàng ngượng ngập chào Thùy và bảo chàng ngồi xuống

ghế. Thùy không rời mắt khỏi Sáu. Lúc đó nàng đang thì thầm nói chuyện với người bồi tiêm. Không hiểu y giới thiệu với Sáu ra sao mà lát sau, Thùy thấy nàng quay lại nhìn trộm chàng. Chàng làm bộ bật quẹt châm tiếp điếu thuốc bị tắt hồi nãy. Câu chuyện giữa Sáu và người bồi tiêm kéo dài không đầy hai phút. Rồi nàng chậm chạp bước vào phòng trong. Người bồi tiêm tiến lại phía Thùy. Y xin chàng năm chục và bảo chàng muốn trả Sáu bao nhiêu tùy ý. Giá của nàng mọi khi là hai trăm. Thùy lấy năm chục ra đưa cho y và tỏ ý ngần ngại. Y bắn khoăn:

– Cậu không ưng cô Sáu hay sao?

Thùy muốn cắt nghĩa cho y nghe sự ngần ngại của mình nhưng lại thôi. Và chàng chỉ nói:

– Thôi được, chú cứ về đi.

Rồi chàng bước nhanh vào phòng trong.

*

Sáu luôn những ngón tay vào tóc Thùy. Chàng để yên cho nàng chiều chuộng. Suốt từ lúc ôm Sáu trong tay, không một phút nào Thùy quên được cái hình ảnh Sáu sáu năm về trước. Tiệm hút của lão Xuân. Mười ngón tay trắng muốt của Sáu đơm thuốc, gạt thuốc một cách khéo léo. Nụ cười màu hồng và cái dáng điệu ngoan ngoãn của nàng nằm gọn trong lòng người chồng già. Và lúc này. Thùy nhìn xuống nét mặt không mấy khác xưa của Sáu. Căn phòng trang hoàng nghèo nàn. Mùi nước hoa rẻ tiền. Chiếc ảnh phóng đại hình Sáu cầm nón đứng trong vườn Thù, năm ngón tay búi lấy cành cây. Một cuốn tiểu thuyết đang coi dở. Một dãy áo dài treo trên

đầu giường. Thùy bỗng thở dài. Chàng xoay nghiêng người Sáu lại nhìn thẳng vào mắt nàng.

– Sao vậy anh?

Thùy cười buồn bã:

– Không. Em đẹp lắm.

Những ngón tay của nàng xoa xuống lưng Thùy. Chàng lại nghĩ đến những chiếc ngao đựng thuốc phiện sành đặc ngày nào, những ngón tay ấy đã ngoan ngoan vét những gợn thuốc còn dính lại trên ngao. Chàng bỗng nghe thấy giọng nói khàn khàn của lão Xuân vọng lên. Những chiếc giường gỗ đen bóng chạy dài trên hai lối đi và những chiếc gối bằng sành. Chàng cúi xuống gần mắt Sáu thêm. Ở trong hai đồng tử đen láy của nàng, Thùy nhìn thấy một ngọn đèn

dầu lạc rồi nhiều ngọn đèn leo lét cháy. Sáu vít đầu chàng xuống, vẻ nũng nịu và thì thầm bên tai chàng:

– Ở lại đây với em nghe anh!

Thùy không trả lời, giấu mặt mình trong mái tóc lâu không gội của Sáu. Sáu nói:

– Không cho anh nhìn nữa!

Và nàng nhoài người lên phía đầu giường, tắt đèn. Thùy bỗng hốt hoảng vùng dậy:

– Đứng.

Chàng tìm được nút contact và bật đèn sáng. Sáu giận dữ nằm úp mặt xuống gối. Thùy trở dậy, lấy thuốc lá hút.

Tiếng Sáu hốt hoảng:

– Anh về sao?

Thùy kéo tấm chăn mỏng đắp cho Sáu rồi thông thả:

– Không. Anh chưa về đâu. Anh sẽ ở lại đây với Sáu suốt đêm nay. Nhưng Sáu phải ngủ đi.

Sáu mở mắt nhìn Thùy. Chàng đọc thấy sự lo ngại, bối rối trong cái nhìn đó và mỉm cười, mở ví lấy tờ giấy năm trăm nhét vào dưới gối Sáu.

– Bây giờ thì Sáu ngủ đi – chàng nói
– Anh sẽ ở lại đây trông cho Sáu ngủ.

Và, chàng bỏ ra nhà ngoài. Sáu cũng đứng dậy, theo ra. Nàng ôm lấy vai Thùy, hỏi lại câu hỏi hồi nãy:

– Sao vậy anh?

Thùy trả lời, nhưng không nhìn Sáu:

– Không.

Chàng đợi Sáu hỏi thêm nữa nhưng nàng im lặng. Một lát, Thùy có cảm giác như Sáu đang khóc trên vai chàng.

THANH NAM

Chớp bể mưa nguồn

Đinh Hùng

*Có kẻ nghe mưa, tránh mối sầu,
Vắt tay chờ mộng suốt đêm đầu.
Gió từ sông lại, mưa từ biển,
Không biết người yêu nay ở đâu?*

*Tôi ngủ bang khuâng một gối buồn,
Giường lênh đênh nổi giữa băng sơn.*

*Xoay mình, giận mảnh chắn hồ hững,
Tuyết phủ, sương dâng một nửa hồn.*

*Người ta xa lánh cả tôi rồi!
Trở gối, nghe hồn động biển khơi,
Xa bạn, xa lòng, xa mắt đẹp,
Gió mưa dòng tóc đấng vành môi.
Dĩ vãng dầm mưa lén bước về,
Áo trùng, mây tỏa, mặt sâu che.
Run tay ấp nửa bàn chân lạnh,
Thương những con đường mưa cuốn
đi..*

Gió táp ba canh mộng thở dài,

*Lùa mây bên gối, suối bên vai.
Cô đơn, tay níu trời khung cửa,
Đèn phố nhòa trong nước mắt ai?*

*Lác đác trong mê rừng tiếng đàn,
Hồn ai khóc rợn bốn dây oan?
Gót chân thừa ấỵ vào mưa gió,
Còn thoảng hơi sương đậu cánh màn.*

*Có lẽ Tình đi lạc mất nhà,
Lặng nằm tưởng đến một tên hoa.
Ngẩn ngơ thương mãi vầng trăng lặn,
Hoài vọng nghe rung một tiếng gà.*

Ai đến đây buồn chơi với ta?

Ngọn đèn tâm sự thấp trong nhà.

Trời gần mái ngói hay xa nhỉ?

Truyện nở ân tình, đêm nở hoa.

ĐINH HÙNG

Mộng ngày xưa

Vũ Hoàng Chương

Bỗng hồi sinh một thời xưa

Nụ hé say chàng bướm dại

Êm đêm giấc mộng ngày mưa

Ta đã cùng nhau gặp lại

Giòng máu từng bùng ân ái

Đôi lòng một ước trăm năm

Tình chớm duyên đầu mê mãi

Hào quang rờ rờ trắng rằm

Xuân vừa kịp chín mười lăm

Cô bé vai còn tóc sòa

Hồ thu sóng biếc nghiêng nằm

Gợn chút đào tươi cặp má,

Giậu trúc gò cương tuần mã

Song the nét gấm dừng thoi

Kìa bức tranh nào phong nhã

Sắc tài muôn thuở xứng đôi

Gần nhau trọn sáu năm trôi

Bên ngóng bên chờ khao khát

Này đêm tỏ mặt Nàng Thôi

Yếu điệu bàn chân dấu cát

Ôi trăm bức mái Tây hiên dào dạt!

*Nhưng trăm tan, tan cả mộng ngày
mưa,*

Giậu trúc song the đều loăng nhạt;

Vó câu chìm với tiếng thoi đưa

Bụi thời gian xóa giàn dụa,

Nhòa theo đến cả chút hương thừa.

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Trích “Trời Một Phương”

Những mắt trong đêm

Hoàng Anh Tuấn

.

Em về đi trời sửa soạn mưa đêm

Lưu luyến mãi e hàng mi sẽ ướt

Em ở lại? – Thôi để anh về trước

Tình của ai giữ lấy vốn tư riêng

Có sợ buồn gối biếc, tóc nhòa đen

*Anh cho mượn những ngày xưa tiểu
thuyết*

Thôi đừng khóc. Đây bàn tay tiền kiếp

*Lau mắt đi cho ướn ngón vụng về
Rồi khi nào bỗng nhớ thuở xưa kia
Anh cũng vậy dùng tay này lau mắt
Em đừng khóc! Thôi em ơi đừng khóc
Kẻo rồi anh cũng hờn tủi rưng rưng
Kẻo rồi anh cũng thấy ngón tay chùng
Mềm như lụa của khăn mềm trao
tặng*

*Từ thuở ấy đến giờ môi vẫn mặn
Nên anh quên có phút lặng nhìn nhau
Nên anh quên còn những phút thương
đau
Cùng ước hẹn về thăm đường kỷ niệm
Em ở lại, anh đi cho đúng hẹn*

Bài thơ khuya đang thấp nển chờ anh

Nhạc đỏ, xanh rồi điệu nhạc tắt đèn

*Hoài Phương khóc bằng những dòng
tóc rối*

Rượu đã cạn, lòng chưa vơi giả dối

Mẫu áo vàng chưa cởi hết bơ vơ

*Bước chân nghiêng rót xuống nhạc
tình cờ*

Một bóng tối ôm lấy cảnh ánh sáng

Ngực đã ấm nhưng tình còn lẻ bạn

Vòng tay ôm dư một quăng gần nhau

*Hoài Phương ơi! Sao chẳng mỗi tình
đâu*

*Cho điên loạn mang thêm mẫu êm
dịu*

Sao câu nói khăn khăn và nũng nịu
Vẫn vương vương nhiều quá vũ
trường đêm
Đến tìm em như kiếm bản thân mình
Để trao hết cả ngàn lần say đắm
Anh vẫn nói: Hoài ơ! Yêu em lắm!
Em cười buồn gởi gắm trọn đôi môi
Chúng mình đi như hai đứa mồ côi
Mà hạnh phúc vẫn nửa chừng đau
đớn.

Ly rượu đầy. Mộng nghe chừng đang
lớn:

Chuyến tàu đêm sẽ chở chúng mình
đi

Phúc và tôi không tâm sự sẻ chia

Không xây đắp lâu đài bằng cát biển
Chỉ một đêm những nhà ga ẩn hiện
Phúc ngả đầu thiếp ngủ trên vai tôi
(Tôi chỉ cần gặp Phúc một đêm thôi,
để đeo nhẫn cho bài thơ gửi tặng)
Sao ở đây chẳng bao giờ thật vắng
Để tôi yêu qua ly rượu gần say
Để ban đêm tôi yêu Phúc ban ngày
Để buổi sáng tôi mê người buổi tối
Để gần nhau không lo giờ quá vội
Để xa nhau không đợi lúc xa nhau
Để bài thơ đừng chua chát ghen
ngào
Để vũ quán thành ngân hàng có nhạc
Những gửi gắm, những để dành, đổi
chác

*Mang tình yêu cân nhắc với tình yêu
Cho tới khi thơ phung phí quá nhiều
Ký ầu yếm không ân tình bảo chứng*

*Đã bắt đầu mắt nhìn xanh từng vũng
Tôi mê em qua những vì sao điên
Tóc em nhung vì gọi mãi ánh đèn
Chân em điệu vì trèo lên đêm tối
Ngón tay cong như lưng người phạm
tội*

*Chưa gần anh đã vội bỏ đi xa
Gọi tên em trắng lạnh thuở hôm qua
Tuyết đan áo cho ngàn pho tượng rét
Paris đẹp với tên em từng nét
Anh nghe buồn thành chuỗi nhớ
Pigalle*

*Tuyết có rơi ướt đầm tấm khăn choàng
Những cô gái dựa cột đèn châm thuốc?*

Em Saigon vẫn chờ anh như trước?

*Vẫn yêu anh trong mỗi bước trời
mưa?*

*Vâng! Chiều em anh kể chuyện ngày
xưa:*

*Có một thuở hai người yêu nhau
lắm...*

HOÀNG ANH TUẤN

Buồn phố rộng

Thái Thủy

Anh: trán nhỏ hằn niềm đau tuổi đại

Anh: mắt đong tràn kỷ niệm thơ ngây

Gió đường dài thao thức giữa lòng tay

*Cành lá rơi thoáng tiếng hồn động
nhẹ*

*Thành phố đêm mang nét sâu hoang
phế*

Thùng rác, cột đèn, chó đói và anh

*Người bơ vơ làm một chuyến viễn
hành.*

Thái Thủy

*Trong cuộc sống toàn chuyện buồn ga
nhỏ*

*Hành lý mỗi giờ nặng thêm thương
nhớ*

*Mắt quay nhìn chiều hun hút đường
rầy*

Em yêu anh cho khăn tóc choàng vai

Hơi thở ấm chảy tan hồn băng thạch

Trời tình yêu sáng tươi màu ngọc bích

Mùa xuân in trên tà áo em Hồng...

Đỉnh đồi xa thoáng hiện giữa mi cong

*Tóc em xõa thấy mây chiều xuống
thấp*

Bài thơ làm trên giấy màu xanh nhạt

Đẹp như hồn của hai đứa tin yêu

*Anh ngáp ngừng, thời khắc ngáp
ngừng theo*

Bước rất chậm về môi em suối ngọt

Về mắt lửa sưởi hồn anh tê buốt

Về hải đăng soi thuyền lạc trong đêm

Mở hồn anh mời ngự trị hồn em.

Ôm niềm vui chặt vòng tay nhỏ bé.

Tuổi hai mươi sao đại khờ quá thế

Chuyến tàu đi không dừng lại ga nào

Cuộc hành trình mình ở đây, trên cao

*Mắt ngoảnh lại, gửi nỗi buồn xuống
thấp*

Mái ga nhỏ có bao giờ biết được.

Tàu xa đi kỷ niệm chất toa đầy.

Như người đi đếm bước nhỏ đêm nay.

Đem dĩ vãng rải trên buồn phố rộng.

THÁI THỦY

Ban đêm thành phố

NGUYỄN THỨC

Tôi đi trên đường phố ban ngày. Cuộc sống xô bồ hối hả kéo tôi đi như một dòng thác lũ. Tôi gượng chân muốn đi chậm lại, và đi riêng theo một lối của mình, nhưng đành thua thiệt và phải bước những bước chân của mọi người. Tôi ngờ ngác không biết mình đi đâu, làm gì đây, để đến đâu, và được gì? Những bước chân quá hấp tấp, những chen lấn quá vội vàng và tàn nhẫn giết chết mọi lo nghĩ vẩn vơ đó ngay lúc chúng nó chưa thành hình những suy tư. Quanh tôi, người, sự vật, tất cả một cuộc

sống xô đẩy nhau rồi trôi đi mà không ai cưỡng lại được lấy một bước nhỏ sai lệch. Những giờ tàn lụi của buổi chiều thành phố Saigon diễn ra gấp gáp như cố gắng vớt vát những hư hao của 10 giờ có ánh nắng. Tôi bước đi theo những bước chân đang trước, mà không hiểu gì nữa...

Bỗng nhiên vào một lúc nào mà tôi hoàn toàn không ghi nhận giờ giấc, phố xá lên đèn. Tất cả thay đổi đột ngột như do quyền phép của một chiếc đũa thần tiên nữ. Những con người, những sự vật, không còn là những con người những sự vật của một phút trước đây. Tất cả khoác lên mình một lớp áo dạ hội quý phái và mỹ miều không liên hệ gì đến vẻ sống sượng của ban ngày. Sự thay đổi xảy đến đột ngột, toàn vẹn đến nỗi ý thức của tôi không kịp ghi nhận, đành bỏ ngỡ trước một việc đã rồi...

Thành phố Saigon ban đêm có một khuôn mặt đặc biệt và đáng yêu. Nó không mang một chỉ danh hay một hình dung từ nào cả, nó hoàn toàn mới mẻ, một sự mới mẻ không bao giờ mất mát. Tôi gọi đó là vẻ nặc danh. Bởi vì nặc danh nên người ta có thể gán ép cho nó mọi chỉ danh và hình dung từ mà người ta ưa thích. Nó không bao giờ từ chối và phản kháng. Nó đáng yêu vì đó.

Mỗi đêm, thành phố Saigon lại đổi mới. Dầu có sống vạn triệu ban đêm Saigon thì người ta cũng không thể gặp hai đêm giống nhau. Nó đổi mới, và nó khác xa với ban ngày Saigon. Nhất là ở một vài góc thành phố như nơi này... cuộc sống chỉ hiện lên về đêm chân thật và thừa thãi. Tuy nhiên trong sự chân thật và thừa thãi đó lại tàng ẩn một sự che giấu kín đáo mà ít ai nhận ra. Con

người lúc này ở đây, sống mãnh liệt và táo bạo, gạt bỏ ra ngoài mọi ràng buộc luân lý đạo đức hẹp hòi: nhưng trong hành vi phóng túng đó, con người đã gian trá với mình nhiều nhất, dù cho cứu cách tốt đẹp là thể hiện một hình ảnh lý tưởng về mình.

Hắn – con người thức giấc mà sống về đêm – làm một cuộc lột xác lạ lùng. Nếu ban ngày hắn là một chân cạo giấy, một tên lính, một thư sinh, thì về đêm hắn sẽ khoác áo hoàng tử mà đi về những góc thành phố Saigon như thế này. Từ quần áo cho đến dáng dấp, vẻ mặt, màu da, tất cả biến đổi dưới ánh điện phong phú màu đỏ huyền ảo mông lung. Khung cảnh thay đổi – Saigon ban đêm không còn là Saigon ban ngày và tất nhiên trong khung cảnh mới lạ đó, con người có quyền tạo lấy một thiên đường,

một bông lai, một thế giới thần tiên cho những cuộc sống mộng tưởng. Trong thế giới ảo tưởng đó, một cô gái đón khách ở hè phố có thể thành một nàng tiên Giáng Hương, Giáng Kiều, Giáng Tiên... mà không sợ bị ai trả về mặt thực.

Hắn thức giấc mà sống về đêm. Ban ngày hắn không phải là hắn; hắn là một cái máy làm những động tác máy móc, đều đặn như quả lắc đồng hồ. Hắn ngồi trước bàn viết mắt lim dim, cả con người bơ phờ, da mặt hắn phản ánh màu giấy mực bẩn thỉu. Và góc thành phố này ban ngày xấu xí tồi tàn. Người và xe cộ vắng vẻ thưa thớt. Có đi qua mà không ghé lại. Một vài hàng quen mở cửa thì cũng chỉ có một hai cô gái hầu bàn nằm ngồi hờ hênh ngáp bằng cả một thân thể mệt mỏi rã rời. Những khoảng đất trống

phơi bày trở trêu tất cả những rác rưởi
bẩn thỉu của nó.

Nhưng khi thành phố lên đèn, tất cả
thay đổi như đảo lộn một khung cảnh,
và một vẻ mặt khác của thành phố được
trình bày lên cho những người chỉ thức
dậy về đêm.

Hắn – Con người thức giấc mà để về
đêm – đi vào Sài Gòn-ban-đêm một cách
hãnh diện và vinh quang. Mắt hắn nhìn
lên cao. Người hắn đi thẳng. Gót giày
hắn nện vững vàng lên mặt đường. Tất cả
dáng mặt mỗi khúm núm của ban ngày
biến mất tất cả. Giờ này hắn là hoàng tử,
là hiệp sĩ, là anh hùng...

✱

Tôi gặp hắn người hoàng tử chỉ sống
một ban đêm – vì một chuyện ngẫu

nhiên. Tất cả mọi gặp gỡ đều là một chuyện ngẫu nhiên. Tất cả mọi sự góp mặt và xuất hiện đều là tình cờ. Và sự góp mặt vào cuộc sống, và sự xuất hiện trên mặt đất là một chuyện ngẫu nhiên và tình cờ thứ nhất mở đầu cho tất cả những chuyện tình cờ và ngẫu nhiên khác sau. Trước đây tôi tưởng mình biết hẳn vì có biết rằng tên đó, khổ người đó, lý lịch đó mỗi ban ngày 8 giờ chia làm hai buổi đến một công sở, ngồi trước bàn giấy mà mân mê những con số và những chồng giấy vàng bản, gõ nhịp lên những nấc thang của chiếc máy đánh chữ. Tôi nhầm, tên đó, khổ người đó, lý lịch đó không thuộc về hẳn – đúng hơn không thuộc về con người hoàng tử của hẳn – mà chỉ là một sự gán ép của một hình thù khách quan bên ngoài mà thôi. Hẳn xuất hiện như một vì sao lạ, như một vì hoàng tử, một công tử phong lưu

quý phái, một hiệp sĩ hào hùng, ở giữa ánh sáng màu đỏ huyền ảo. Hắn đến với tôi bằng tất cả sự bao dung và niềm nở của một bậc người trên đối với kẻ dưới. Tôi cảm thấy mình bé nhỏ, đê tiện, tầm thường, lạc lõng trong cái thế-giới-Sai-gon-ban-đêm không phải là của tôi đó. Và rụt rè, khiêm tốn bước theo sau hắn, dưới sự che chở độ lượng của hắn.

Hắn đi đến đâu, những ca kỹ tươi cười chào đón hắn. Những cô chiêu đãi viên niềm nở mời mọc hắn. Tôi tưởng chừng tất cả mọi sự mong chờ chào đón đều dành cho hắn. Thiếu hắn thì thế giới ban đêm Sài Gòn sẽ trống đi một khoảng? Hắn đi chững chạc oai nghiêm, chân bước nhịp nhàng như khai hội vũ mùa vui. Tôi nhìn hắn say sưa như nhìn một tác phẩm thành hình trong tay một nghệ sĩ linh thiêng bí nhiệm. Hắn giờ

này không còn là khổ người, tên họ, lý lịch mà tôi biết; mặc dầu nhờ khổ người, tên họ, lý lịch của ban ngày đó mà tôi để ý đến hấn và được hấn chiếu cố. Thật khó hiểu. Tôi đang chứng kiến một cái gì phức tạp nhất trong đời người. Tôi đang được vinh dự biết hai mặt của cuộc sống, mà mặt nào cũng là mặt thực. Hai mặt tương phản nhau, trái ngược nhau mà vẫn hiện diện ở trong một con người ngày này qua năm khác. Bộ mặt ban đêm của mỗi con người đẹp rực rỡ, oai hùng như một chiến tướng, quyền phép như một nghệ sĩ đang sáng tạo.

Câu chuyện giữa tôi và hấn lần gặp gỡ đó, không bao giờ tôi nhớ hết mà cũng không bao giờ tôi quên được. Tôi chỉ nhớ rằng mọi câu chuyện đều là những câu chuyện quan trọng. Và trong câu chuyện đó, qua câu chuyện đó, hấn

là chủ động. Thiếu hấn thì trật tự hoàn vũ lung lay, thế quân bình quốc tế bị đảo lộn, hòa bình nhân loại bị đe dọa. Hấn là thần linh, hấn là chúa tể, hấn là tất cả trong thế giới của câu chuyện. Và tôi thành thực tin như vậy. Tôi nghe một cách thành kính như một tín đồ nghe giảng thánh giáo yếu lý.

Nhưng khi nắng ban ngày lên, và đèn phố tắt đi, thì không còn gì nữa. Tất cả biến mất như do một sức trù yểm của một mụ phù thủy độc ác nào đó đã đến phá mất công trình xây cất vĩ đại của ban đêm.

Hấn đi vào công sở, và hấn không còn là hấn nữa. Đáng người ngái ngủ phờ phạc của hấn làm tôi ghê tởm. Giọng nói nhót nhảo làm tôi lộn mửa, Và những nàng tiên của thế giới Saigon-ban-đêm cũng biến mất, chỉ còn lại

những đứa con gái đầy đặn, tro trên, bắn thiu như một miếng thịt thiu. Nếu phải gặp lại hần, gặp lại những nàng tiên của ban đêm trong ánh sáng ban ngày này chắc hẳn tôi sẽ ăn không ngon và ngủ không yên. Nàng công chúa vào dạ hội vương giả trẻ giờ biến mất và chỉ còn lại con bé Lọ lem mà thiếu đức hạnh, thiếu phúc hậu; nghĩa là chỉ còn lại một cái xác nhầy nhụa làm cho người ta kinh tởm.

Hần chỉ thức giấc mà sống về đêm. Ban ngày hần ngủ đi trong sự đờ đẫn của những động tác máy móc.

✱

Hần đó — con người thức giấc để sống về đêm — là chúng ta, là tôi, là anh, là chúng nó, là tất cả những con người

thầm kín ở trong chiều sâu của thức giấc. Con người của chúng ta bao giờ cũng có một con người ban ngày và một con người ban đêm, một cuộc sống ban ngày và một cuộc sống ban đêm, một thế giới ban ngày và một thế giới ban đêm.

Cái gì thuộc về đêm thì phong phú hơn, rục rĩ hơn, tốt đẹp hơn, quyến rũ hơn. Chỉ những lúc đi vào ban đêm một cách cố tình thì đời sống mới có một hương vị ngậy ngất. Chỉ với ý thức về cuộc sống vụng trộm đó thì cuộc đời mới bớt nhạt nhẽo. Chỉ với những ảo tưởng của ban đêm đó thì thế giới mới không quá buồn tẻ, và con người mới đủ can đảm sống suốt một ban ngày.

Bao giờ con người cũng đi vào thế giới ban đêm với bước chân oai dũng của kẻ chinh phục. Bởi thế giới ban đêm chưa thuộc về ai, chưa có chúa tể, nên mỗi

người có thể chiếm đoạt và làm chúa tể thế giới ảo mộng đó. Và con người sống hân hoan, cõi mở ở trong thế giới ban đêm. Con người sống rộng rãi và phung phí. Ban ngày con người ngủ, mọi con người đều ngủ trong sự đồng đưa nhịp nhàng của những động tác máy móc. Bởi con người chán ghét sự máy móc, và chỉ có sự ngái ngủ là một thái độ từ chối thượng sách và hợp pháp hợp đạo.

Có những ban ngày tôi có dịp đi vào một xưởng làm việc: tất cả những con người trong đó đều ngái ngủ, mắt lơ đãng, các bắp thịt nhão và loãng, dáng điệu là dáng điệu của một con bệnh mộng hành (somnambule). Tôi ra đường, những bước chân, những khuôn mặt, những nụ cười, tất cả đó như đông lại trên một bức tượng. Đông lại và tách rời ra. Con người làm những động tác đó vì

tập quán, mà không có một ý thức nào cả, bởi thế những động tác đó không phải là động tác của một con người, chỉ là những động tác của một cái máy, cái máy mà Descartes gọi là cơ thể.

Nhưng mỗi ban đêm, khi ràng buộc cưỡng chế được nói ra, thì chiều sâu của con người trôi lên và sống mãnh liệt, sống liêu lĩnh, hình như chỉ còn mỗi một đêm nay. Ngày mai không có, đêm mai không có. Rượu không bao giờ vừa, gái không bao giờ dư, bạn không bao giờ thừa.

Đây là một hiện trạng lạ lùng của xã hội ngày nay, cái xã hội đô thị lớn lao chiếm mất hơn 50% dân số. Con người trong xã hội đô thị bao giờ cũng có hai cuộc sống trái ngược, xem như thù nghịch, mà thực sự là để cân bằng và điều hòa cho nhau. Nếu cuộc sống

ban ngày càng xô bồ với những động tác máy móc càng nhiều, thì con người lại càng cố tạo cho mình một cuộc sống ban đêm phóng túng và thoải mái. Biểu thị của hai hiện tượng này trên một đồ thị đi lên theo chiều thẳng đứng và đi lên đồng đều. Tất nhiên trong cố gắng tìm thoải mái và phóng túng ở ban đêm, thế nào cũng xảy ra những va chạm, những xâm phạm vào quyền sống và cuộc đời của người khác. Đó là nguyên nhân của những tội ác thường diễn ra ban đêm.

*

Hắn đó – con người thức giấc để sống về đêm – là tôi, là anh, là chúng nó, là tất cả mọi người, ở mỗi một người, bao giờ cũng có hai phần, hai bộ mặt, hai cuộc sống, hai con người.

Một cuộc sống bên ngoài — cuộc sống ban ngày – hời hợt, gồm – những tập quán, những khuôn mẫu, những động tác, những ý nghĩ có sẵn, những suy đoán từ đâu lại. Chúng ta hờ hững với cuộc sống này và coi nó như một điều bất đắc dĩ. Cuộc sống này hướng vào xã hội, với xã hội, và nhiều lúc vì xã hội. Kiểu mẫu lý tưởng của cuộc sống này là người lính đi duyệt binh: mọi ý thức cá nhân, mọi phản kháng chủ quan, mọi suy tư độc đáo bị dồn nén xuống vì một hình tượng tập thể, về bốn phận chiến sĩ, về trách nhiệm công dân, về sứ mạng xã hội. Không thể bảo rằng cuộc sống này giả trá và hèn mạt. Nó có một vẻ cao quý và hữu ích của nó. Không có nó xã hội không thể tồn tại, và tất nhiên cá nhân cũng không thể sống sót. Nó đóng vai trò một sự nương tựa và bảo vệ. Tuy nhiên lắm lúc nó trở nên độc đoán cưỡng chế

và xâm phạm quá nhiều vào cá nhân. Chính vì lo sợ như thế, nên bao giờ ở chiều sâu của mỗi người cũng mang sẵn mầm mống của một sự dấy loạn và phản kháng cho một cuộc sống bên trong trời lên và sống hùng hậu.

Và cuộc sống bên trong – cuộc sống ban đêm – thường nằm ẩn kín dưới chiều sâu một cách miễn cưỡng, lúc nào cũng âm ức đòi trời lên. Nó là một sức lực không chịu sự ngăn rào giới hạn nào được. Nó có tác dụng phá phách để mà xây dựng lên từ một nền đất trống. Nó vươn đến vô cùng tận và không bao giờ thỏa mãn. Nó đi từ một cơ thể hữu hình mà đòi hỏi thành đạt một cuộc sống linh thiêng và vĩnh cửu. Nó muốn phá biên giới của hình thể để lan rộng và chiếm đoạt không gian. Nó là một tiềm lực chinh phục mãnh liệt hướng về mọi

phương trời. Được một cái gì, tức khắc nó than! “Chỉ có thể thôi sao?” và nó bỏ vật đã bắt được đó để đi tìm một thế giới mới, một bầu trời mới. Nó là sáng tạo và thể hiện thường xuyên và liên tục.

Một đứa trẻ ném món đồ chơi mới có đi, mặt hờn giận, u buồn, ngạc nhiên, khao khát. Khi đứa bé đòi món đồ chơi, nó đặt rất nhiều kỳ vọng vào đó: chiếc xe hỏa xinh đẹp kia mang nó vào một vùng đất lạ; cái phản lực cơ đó sẽ chở nó lên một thế giới thần tiên; và con ngựa cho nó làm một hiệp sĩ dùng cảm “không sợ ai và không ai trách cứ được”. Nhưng khi cầm món đồ chơi trong tay, thì món đồ chơi chỉ là những mảnh kim khí vụn, hay một nắm đất sét. Thực tế đã làm tan nát mộng ảo. Nhưng mà đứa trẻ vẫn không bao giờ chịu mất mộng ảo. Nó lại xây mộng ảo đó lên những nền

tảng mới: những món đồ chơi còn trong thế giới tử kính.

Chúng ta phân đồng suốt đời làm những đứa trẻ đó, không biết đặt chân vững chắc lên thực tế, mà chỉ sống trong một thế giới mộng ảo. Những món đồ chơi trong tử kính của chúng ta gọi là Ái-tình, Say-mê, Cuồng-vọng. Đối tượng của Ái tình, Say mê, Cuồng vọng không cần thiết. Con người theo đuổi những thứ đó vì khả năng mộng ảo của chúng nó mà thôi. Những món đồ chơi đẹp là thế ở trong tử kính, mà đem ra ngoài, cho bụi bặm vương đến, thì nước sơn trầy mất, hình dáng méo mó, và chúng trở nên những thứ tầm thường nhất: những mảnh vụn kim khí, những khối đất sét, những hình thể dơ dáy. Mộng vỡ thì một con người đã chết. Nếu không phải tất cả chết và chịu an táng. Nếu còn lại

một phần sống sót nào, thì chỉ là hình thức, chỉ là gượng gạo, chỉ là bề mặt mà thôi. Và bao nhiêu mộng ảo tan tành, kể cả những mộng ảo tập thể về một xã hội lý tưởng, về một thế giới hoàng kim, về một thiên đàng hoàn mỹ...

Hắn đó — những con người luôn luôn theo đuổi mộng ảo trong thế giới ban đêm của cuộc đời — đã chứng kiến bao nhiêu lần mộng ảo vỡ nát, đã xây dựng lại bao nhiêu lần mộng ảo, đã làm cái công việc đã tròng xe cát tìm ngọc những mấy lần rồi? Nếu hắn chỉ có một đứa thì không sao, nhưng hắn là tất cả chúng ta, những con người, đã cho rằng mình ngủ giữa ban ngày và chỉ thức giấc mà sống về đêm. Làm sao cho hắn đó — tất cả chúng ta, những con người — sống vững vàng hơn trong ánh sáng ban ngày, ánh sáng không dung túng mộng ảo?

Làm sao cho khả năng xây dựng mộng ảo của hần – của những con người – biến thành khả năng xây dựng thiết thực trong một thế giới thiết thực? Làm sao cho hần thức giấc vào giữa ban ngày mà sống hồn nhiên chân thành, và hãnh diện? Làm sao cho những công việc ban ngày thường thường thi máy móc, miễn cưỡng, trở nên đẹp đẽ, trở nên những công việc của con người?

Đêm thành phố đẹp, quyến rũ vì nó huyền ảo mông lung trong ánh đèn màu, trong hơi lạnh thoang thoảng. Nhưng đêm thành phố nguy hiểm vì nó là khung cảnh của mộng ảo. Mà mộng ảo thì tự số phận của nó không bao giờ hữu ích và xây dựng được một cái gì. Làm sao cho ban đêm dẫn đến một bình minh và ban ngày có một hoàng hôn? Nghĩa là làm sao cho giữa đêm và ngày có một

đoạn chuyển tiếp dẫn nhập nhẹ nhàng thích ứng, để con người không ngỡ ngàng từ ban đêm ra ban ngày, và từ ban ngày vào ban đêm như một kẻ làm một cuộc tự vận với dòng sông đen? Làm sao cho giữa mộng ảo chủ quan với thực tế tập thể khách quan có một sự liên lạc, một sự ràng buộc cân đối, mà không phải chỉ là ràng buộc thời gian? Nói một cách khác, làm sao cho mộng hóa nên thực, và thực đẹp như mộng?

Thế giới hiện đại, với đời sống đô thị càng ngày càng lấn át đời sống miền quê, đã đem đến một sự cách biệt đột ngột giữa ngày và đêm, giữa mộng ảo khát vọng với thực tế sáng tạo. Tôi bước vào đời sống đô thị từ những ngày thơ ấu nhưng không bao giờ để ý đến điều đó: bỗng mới đây tôi nhận thấy rằng thành phố không có bình minh và hoàng hôn. Ánh sáng ban

ngày đến đột ngột, và bóng tối tan biến đột ngột. Ở giữa không có một biên địa để tránh va chạm và xâm lấn. Con người của nền kinh tế nông tang dự vào công cuộc sáng tạo và thực hiện thường xuyên của thiên nhiên; lúa lên hoa, cây trở trái, một nông cụ thành hình, tất cả đó do sự góp công của thiên nhiên và con người, một sự góp công hòa hợp và đẹp đẽ. Con người biết mình là một thành phần quyết định trong công trình sáng tạo và thực hiện đó. Điều này không mấy khi có trong đời sống đô thị. Ở đây giấc mơ thực hiện và sáng tạo cách biệt gần như hoàn toàn với cuộc sống thực tế. Giấc mơ thực hiện và sáng tạo nằm trong chiều sâu ban đêm của mỗi người, trong lúc cuộc sống thực tế diễn ra sống sượng dưới ánh sáng ban ngày của xã hội. Một hóa phẩm kỹ nghệ nào cũng được thực hiện bằng những giai đoạn,

những thành phần riêng rẽ và cách biệt, làm cho người thợ góp công vào việc chế tạo hóa phẩm không thể hãnh diện nói rằng: “Chính tôi làm ra cái này”. Một chiếc xe hơi có ít nhất 10 ngàn mảnh rời, từ một tấm sắt bọc ngoài cho đến một cái đinh vít. Và ngay như cái đinh vít cũng được chế tạo qua hàng bao nhiêu giai đoạn, bởi bao nhiêu máy móc và nhân công thợ thuyền, đốc công, chuyên viên, kỹ sư, giám đốc...? Bởi đó không một ai có quyền nói một cách hãnh diện: tôi là tác giả của cái này hay vật nọ. Tất cả mọi người chỉ là một thành phần nhỏ bé của một guồng máy vĩ đại, nặc danh, xê dịch theo những định luật khắc nghiệt không bao giờ đếm xỉa đến sáng kiến của con người. Và xê dịch mà không biết đi đến đâu, làm gì, vì ai?

Năm 1954 tuần báo Life ở Mỹ đăng tải một tin kỳ dị: Ông Lawrance Walstrom ở Los Angeles chế tạo một cái máy gồm 700 bộ phận, và hoàn toàn không dùng vào việc gì cả, cho đến phát ra một tiếng động cũng không. Cái máy chạy và ngừng lại tùy ý người điều khiển, nhưng hoàn toàn không dùng được gì cả. Sau đó ông Walstrom chế tạo một máy tính tối tân.. nhưng mỗi lần người ta muốn dùng đến, cho nó chạy, thì tự nhiên nó lại trục trặc và hư hỏng. Để nó yên hàn như cũ, thì không thấy nó hư hỏng ở đâu cả, chính tác giả của nó cũng không biết. (Life 1954 tháng 4)

Ngày nay xã hội loài người có lẽ đã đi đến tình trạng đó chẳng? Tất cả một cơ cấu kỹ thuật hoạt động rầm rộ mãnh liệt nhưng không đếm xỉa gì đến xã hội loài người, và con người nữa. Máy vẫn

chạy con người vẫn sống, chính con người làm cho máy chạy, cung cấp nhiên liệu cho nó điều khiển và sửa chữa nó, nhưng không thu vào một lợi ích chính đáng nào cả. Bởi đó con người cảm thấy mình không sống — không thể sống — trong cơ cấu kỹ thuật khắc nghiệt. Phản kháng lại thì không đủ sức trừ khi hủy diệt tất cả đi mà con người thì bao giờ cũng tiếc tác phẩm của mình dù cho tác phẩm không dùng được vào được gì nữa và không muốn hủy diệt. Và lại đã đến lúc mà cơ cấu đó “những tên nô lệ kỹ thuật” mạnh hơn con người và ra luật pháp, lệnh truyền cho con người. Bây giờ chỉ có một ngõ thoát mong manh và giả dối: Ban đêm, Mộng ảo, Tưởng tượng. Ba thứ này chỉ là một dù lắm lúc nó hiện ra dưới ba hình thức khác nhau. Bởi đó nhìn cuộc sống ban đêm bao giờ chúng ta cũng có một cảm giác say sưa

thích thú và tưởng rằng cuộc sống này chân thành và chính đáng hơn?

Nếu con người chỉ dám phản kháng trong mộng ảo của ban-đêm- thành-phố thì tất cả mọi phản kháng chỉ là những mộng ảo, và không đi đến đâu cả và ngày vẫn đến sau đêm mà không đem một sự chuyển tiếp dẫn nhập nào tốt đẹp mỹ mãn. Ban đêm thành phố với những giấc mộng vĩ đại của nó sẽ là một tiếng cười không âm thanh một lắc đầu một nhún vai, một bĩu môi... và mọi việc vẫn tiếp diễn..

✱

Con người đông phương từ trước vẫn sống rất gần những tác phẩm của mình. Giữa ban ngày và ban đêm bao

giờ cũng có một hoàng hôn một bình minh nhẹ nhàng, cho nên sự chuyển tiếp không đột ngột. Liên hệ giữa xã hội và cá nhân nội tâm rất mật thiết và hòa thuận. Nền văn minh đô thị từ tây phương đến đã mang lại một đổi thay bất ngờ đồng thời cũng gieo vào một sự chia cách nứt rạn giữa cá nhân nội tâm và đời sống tập thể. Cơ cấu sinh hoạt vật chất không hòa hợp được với những khát vọng thầm kín. Công việc phải làm vì sinh kế và giấc mơ ấp ủ trong lòng không có một liên lạc nào mật thiết và thích ứng. Sự hãnh diện vinh dự thích thú vì một tác phẩm hoàn mỹ không bao giờ có thể gặp lại được. Người phụ xích lô đạp những vòng tròn để mà làm gì? Người thợ ở xưởng ve chai thổi những ống thông phong từ ngày này qua năm khác có nghĩ ngợi gì về việc làm của mình không? Cô gái dán những bao thuốc lá có bao giờ muốn biết rõ về

những bao thuốc của mình đã dán đâu? Công việc trước đây là một hành vi sáng tạo thực hiện cao quý nay biến thành những động tác máy móc không có một ý nghĩa và một cứu cánh nào nữa. Và bắt con người phải làm những động tác đó suốt một cuộc đời đổi lấy hai bữa cơm mỗi ngày mấy bộ quần áo một năm (cũng không chắc được?) quả thật giá trị con người đã xuống mức mạt nhất chưa từng thấy! Cái mức rẻ mạt của một dụng cụ, của một phương tiện, của một máy móc.

Những ai còn có một ban đêm, còn có một góc đời sống dành riêng cho mộng ảo và khát vọng là còn may mắn nhiều. Tôi biết một phu xích lô đêm nào trong giấc ngủ cũng thỉnh thoảng đạp chân vòng tròn, và hét lên: “Ông bảo sao ạ? Mời ông lên, về Ngã Bảy năm đồng”.

Hắn đã đập những vòng tròn ở bàn chân cả trong giấc ngủ. Kiếp người chỉ có vậy thôi sao? Và hắn không bao giờ có một ban đêm dành cho mộng đẹp. Các động tác máy móc đã xâm chiếm tất cả cuộc đời của hắn: ban ngày, bao đêm, làm việc, ăn uống, ngủ nghỉ... tất cả chỉ là những động tác máy móc. Và một hôm tôi gặp lại người phu xích lô dưới bánh một xe vận tải. Hắn nhắm mắt lại và mỉm cười. Tôi biết hắn đã tỉnh giấc.

✱

Qua sách báo ngoại quốc tôi biết cuộc đời của một Georges Rapin, khung cảnh sống của giới tứ chiếng. Mỗi' ban đêm hắn thức dậy và sống cuộc sống ảo mộng của hắn; hắn trút bỏ lột một Georges Rapin đang dở, tầm thường,

chỉ sống dưới bóng cha mẹ, để khoác lên một lớp người “Monsieur Bill” anh chị ngang tàng, có những hành động bí mật, và những “affaires” càng bí mật hơn nữa. “Monsieur Bill” của ban đêm xóm Montmartre đó còn đóng trọn vai trò của hắc cho đến nỗi thú nhận hai án mạng, và độ một tả tội ác khác mà các nhà phân tâm học tin là chỉ có thể xảy ra trong tưởng tượng.

Hai bề mặt của cuộc đời đó, bề mặt nào thực và có giá trị hơn? Bề mặt mà huyết thống, hoàn cảnh, xã hội gán ép lên một cách cưỡng chế, hay bề mặt do hắc tự tạo ra cho mình bằng những mẫu chuyện anh hùng mã thượng chấp vá đặt dưới biệt hiệu “Monsieur Bill”?

Tôi nhắc đến một câu chuyện ngoại quốc – Câu chuyện Ban-đêm-Ba-lê – vì ban đêm Saigon là ban đêm Đô thị; mà

Đô thị thì ở đâu cũng có một bộ mặt giống nhau; dù là Paris, Londres, New York, Chicago, Tokyo hay Saigon. Nếu ban ngày. Đô thị còn có những điểm khác biệt do con người gắng gượng duy trì ở màu áo, sắc cờ thì, Ban đêm chỉ là Ban đêm, nặc danh, và giống nhau. Bộ mặt của ban đêm Đô thị là bộ mặt của mộng ảo, thế giới ban đêm là thế giới lý tưởng, ở đó con người có thể trả thù về những thua thiệt ban ngày bằng những hành động sân khấu, oai hùng và quyền phép.

Ban đêm ban ngày không phải chỉ là một lối phân chia thời gian làm hai phần đều nhau, mà mỗi phần ứng với một vòng tròn khung kính đồng hồ. Nó còn là một lối phân chia cuộc đời và con người: một phần ban đêm, phần của ảo mộng, của lý tưởng, do con người tự tạo

lấy cho mình với những hình ảnh đẹp
để về mình, về cuộc đời, để đền bồi cho
những thua lỗ ở ban ngày. Và ban ngày,
phần hướng về xã hội gán ép lên thì đúng
hơn – như một cái “etiquette” có ghi giá
cả treo ở món hàng bày trong sạp chợ
– và được cụ thể hóa bằng những tấm
“fiche” cả một chồng “fiches” đầy những
con số và những ký hiệu: X – 362.000...
– như một chiếc xe vậy NBX. 9... – và
được gọi là hồ sơ lý lịch. Con người chỉ
có thể thôi ư? Một vài con số, một vài ký
hiệu, những lời ghi chú lạnh lùng: sống
mũi thẳng, một nốt ruồi... Không, con
người không thể chấp nhận lối sắp đặt
khắc nghiệt đó, lối sắp đặt hạ phẩm giá
con người ngang với mọi vật: một chiếc
xe, một hóa phẩm, một đám đất... Con
người không chịu mang những ký hiệu
có tác dụng như một con dấu sắt nung đỏ
đóng vào trán súc vật và nô lệ một chữ

N – Người, Nô lệ — con dẫu của quyền uy và cưỡng chế. Con người là một đột khởi (jaillissement, élan, theo Pháp; Andrang, Springen theo Đức; spring, theo Anh) từ hư vô mà đến và sẽ tan biến vào hư vô. Bởi đó nó không chịu một sự đóng khung nào cả; hoặc khung bị phá nát; hoặc con người bị nghiền nát; cả hai bên đều không có lợi gì cả.

✱

Hôm nay trên một tờ báo tôi đọc tin năm vụ án mạng. Nạn nhân thì có một học sinh, một cô gái, một bà vợ, một tình nhân. một kẻ thù và một hay hai vụ tự tử: Ở đây thì nên gọi kẻ tự tử là thủ phạm hay nạn nhân? Họ ở vào đủ các hạng tuổi, tuy nhiên số thanh niên vẫn đông đảo hơn. Sau những tin tức được

đưa lên mặt báo chắc hẳn còn những vụ án mạng, những vụ tự tử trong bóng tối không bao giờ ai biết đến; và những vụ đó thì nhiều lắm.

Đâu là nguyên nhân, những nguyên nhân gần và những nguyên nhân xa? Tôi suy nghĩ nhiều về điều đó. Và tôi nhớ đến những khuôn mặt bơ ngỗ, ngái ngủ của những kẻ bừng tỉnh dậy sau một đêm ngủ say. Họ không mấy lúc thức dậy ngày được, họ cần phải nằm trong trạng thái nửa mê nửa tỉnh hàng mười phút, có khi hàng giờ.

Một người đã sống trong một giấc mơ quá đẹp khi tỉnh dậy thì khung cảnh sống sượng của cuộc đời buồn tẻ và đáng chán lắm. Giết người hay tự tử đối với họ chỉ là một cử chỉ vô thưởng vô phạt, một cử chỉ thừa thãi không thể gọi là tội ác

được; vì họ có bao giờ biết đến ân đức, ở họ và ở người khác?

NGUYỄN THỨC

Quà đêm trên rạch Tàu Hủ

BÌNH NGUYỄN LỘC

Nếu ban ngày con rạch Tàu Hủ rộn rịp sinh hoạt với những ghe thương hồ chở khảm lủ trái cây và các thứ hàng hóa khác, thì về đêm, một sự sống âm thầm nhưng không kém linh động, nổi lên trong khi người ta ngủ con rạch ngủ yên.

Ở đây không có xe hơi, không có ra-đi-ô, không có trẻ nô đùa, nên những tiếng bí mật của đêm trường mang rõ linh hồn của nó, âm thanh có sự sống đã

đành mà cho đến tiếng động, lắm khi, cũng thành nhạc.

Một chiếc xuống tam bản, chuối êm rơ trên mặt nước, một mái chèo khuya nhẹ dòng kinh, một đèn dầu leo lét soi mờ bóng một cô chèo xuống, rồi từ tất cả các thứ ấy, vẳng lên: “Ai... chè đậu... cháo cá... hông?”

Bất giác ta bị đẩy lui về thế kỷ trước và câu ca dao:

Bấp non mà nướng lửa lò,

Đổ ai ve được còn đồ Thủ Thiêm.

như được một người bình dân nào bập bẹ cho nó thành hình, chập chững lần dò, bỏ một tiếng, thêm một lời, để tỏ tình gián tiếp với cô bé chèo thuyền có tấm thân uốn éo như dòng sông uốn khúc.

Khách hàng dưới sông phần lớn là dân quê, những trạo phu của ghe thương hồ. Vì thế quà ở đây cũng nấu theo lối quê, thật thà nhưng đậm hương vị. Cháo cá ngọt cái chất ngọt của cá đen ở đồng chớ không phải ngọt-ngay nhờ bột ngọt hóa học như cháo trên bờ. Mùi thơm của chè đậu trắng gợi nhớ mùi chè cúng đưa ông Táo ngày hăm ba Tết ở làng xa.

Lối bán hỗn hợp hai thứ quà mặn ngọt này cũng là theo truyền thống nhà quê. Trên phố, người ta bán cháo cá vào giấc sáng, thỉnh thoảng về đêm; chè đậu luôn luôn bán buổi trưa từ 11 giờ đến hai giờ. Quà trên rạch Tàu Hủ luôn luôn nóng hổi, vì bếp lửa khói phải gánh nặng nề, nên các nồi quà được nằm mãi trên cà-ràng cho đến khi vơi tới đáy.

✱

Ai đã ăn món xu xoa mật đường hạ trên kinh Tàu Hủ vào mùa nực chưa? Đường hạ đen sản xuất ở Biên Hòa tiết ra một mùi thơm đặc biệt mà đường cát trắng không có được. Khi thứ đường hạ ấy được nấu thành mật để ăn bánh đúc hoặc ăn tàu hủ (óc đậu), xu xoa, thì hương vị của nó càng đậm đà hơn.

Ta cứ nghe như là phảng phất đâu đây mùi đồng áng, mùi lò đường tiêu công nghệ với những đêm dài nổi lửa đốt lò, với tiếng rít ghê rợn của các “ông che”.

Món xu xoa (thạch xoa) giống như vải may áo đi mưa, không để thấm mật. Tuy thế mật đường hạ vẫn cố len lõi xâm nhập vào các mảnh quà ấy, thứ quà tro trên không hương, không vị, để giúp ta

nuốt cho trôi món giải khát đặc đó. Trên bờ, ăn xu xoa với đường cát khô, nghe như là ăn hai món riêng rẽ ra, cổ họng nhám ồ những kết tinh đường chưa tan.

Một văn hữu gốc miền Bắc, khi mới vào Saigon, cách đây bảy năm, đã lấy làm ngộ nghĩnh cho lối bán quà và rao quà của người miền Nam. Anh bạn thích nhứt là món bột khoai...

Đó là một thứ quà hỗn hợp và hỗn độn, hình ảnh của những đợt sóng người tràn vào đây khai hoang đất mới, từ ba trăm năm nay. Thứ chè ấy gồm cả những món dùng để nấu thức ăn mặn như là bún Tàu (miến), nắm mè (mộc nhĩ) vùn... vùn... Thật là hàm bà làng, xà ngẫu.

Đặc biệt nữa là khi rao quà, họ kể rõ tất cả các món ấy ra:

Ai... ăn bột khoai, bún Tàu... đậu xanh, nước dừa, đường cát... hông?

Bản nhạc đêm trường ấy, từ mười năm nay, trên bờ không ai được nghe nữa. Theo nhịp sống cấp tốc hiện tại, các chị bán quà trên bờ đã rao tất: “Ai,, bột khoai?” Nhưng Kinh Tàu Hủ cứ còn giữ truyền thống cũ, và trong cảnh vắng lặng ở đây, nhạc điệu của câu rao được khởi sắc lên nhiều.

Khối người đã đẻ ra bản nhạc Vọng Cổ, cố nhiên là phải xuất sắc trong việc nhạc điệu hóa một câu văn xuôi rất dài, và nghe những tiếng kể món hàng một cách ngọt xớt ấy, tự nhiên bắt thèm chè bột khoai, không cưỡng được nữa.

✱

Từ mười mấy năm trước, chiến tranh đã đẩy lên Saigon nhiều nữ trạo phu chuyên chèo xuống bằng hai cây chèo một lượt. Trước kia, chỉ ở Hậu Giang, người dân mới biết chèo lối đó thôi. Dân Saigon, và dân miền Đông ít khi được thấy xảo thuật ấy.

Cô bán bánh canh cá này, chắc lúc trôi dạt đến đây, chỉ lên mười là cùng. Bây giờ cô đã hăm lăm và sử dụng hai cây chèo bằng một tay thấy.

Nhưng khách thương hồ không mê lối chèo choán cả lòng sông của cô, không mê lối hấy mông đá cảng của cô mỗi bận cô cất hay hạ mái chèo đôi, mà chỉ nghiện hương hành lá tươi của nồi bánh canh cá trên xuống của cô.

Dân Saigon quả đã bỏ mất hết khiếu tế nhị trong việc ăn uống. Người ta nấu

bánh canh giò heo cho họ, mà họ cứ im lặng nhận lấy, không phản đối bao giờ. Không, món bánh canh, phải nấu bằng cá rô, hay tẻ lấm là cá lóc. Cũng không được phép gia vị bằng hành tây. Chỉ có hành hương (tên là hương mà lại) trồng ở thôn quê, mới bốc hương lên khi được thả trôi trên nước bánh canh sôi ừng ực.

Bánh canh của cô hàng hai chèo là một món quà thống nhất: nước, bánh, cá, hành, tiêu, cả bốn thứ đoàn kết với nhau để biến thành một khối duy nhất có mùi vị riêng biệt, khác với mùi của từng thành phần, các mùi vị ấy nương tựa lẫn nhau; thiếu một cái, không xong, đồng đội xung phong lên công kính các hạc nước miếng của khách nếm. Thật là khác xa với bánh canh giò heo trên bờ, ngọt như chè, và bời rời, bánh ra bánh, nước ra nước, thịt ra thịt!

Pánh pò, pánh tiu, dò chó quấy...?

Chú khách này bỗng dừng đối cung đàn. Đây là khúc nhạc “Bát man tấn công”, tám chú man rợ đến dâng “con quỷ chết trôi¹”. Giọng rao man rợ mà món quà cũng đặt tên một cách gợi buồn nôn.

Tuy nhiên nên nhớ rằng sự phồn thịnh của Saigon là do người Hoa kiều dựng lên, cách đây một trăm năm và Kinh Tàu hủ là cái nôi của sự phồn thịnh đó.

Chú khách bán pánh pò dò chó quấy này gợi lại hình ảnh một cuộc phôi thai kinh tế, không có chú ta thì nhạt cả màu sắc địa phương đi.

¹ Theo thổ ngữ Quảng Đông giò chó quấy là con quỷ chết trôi.

Những đêm mưa dầm, các xuồng quà biến mất hết duy chỉ có chủ ta là đứng vững trong phong ba với chiếc tam bản mũi bằng theo lối tàu của chú.

“Kẹo đậu phộng trà Huế hông?” Ông già rưng rưng này rao nghe còn dở hơn chú Khách trên. Nhưng người ta cứ mong lão tới.

Họ thích xem lão đưa cao ấm nước trà đang sôi lên, rót trà xuống một tô nước lạnh, lão rót thế nào mà bọt dâng lên còn nhiều hơn là bọt bia, không khát nước, trông thấy cũng cứ thèm.

Thích nhứt là xem lão ta uống, không biết bao tử lão là bao lớn mà hể khách quen thách uống là lão tự pha cho lão, không phải một tô thường, mà một tô con rồng, thứ tô sứ giả sản xuất ở Lái

Thieu cách đây bốn mươi năm mà ngày nay ít gia đình nào còn giữ được.

Tô ấy to bằng năm tô thường. Lão ta uống một hơi, không nghỉ để thở lần nào cả? Những người biết lão nhiều, kể rằng lão có tài ăn năm mươi chiếc bánh trôi nước có nhân, rồi uống liên tiếp hai tổ nước như vậy.

“Kẹo đậu phộng trà Huế không?” Câu hát không hay ho gì nhưng nghe yêu đời lắm, vì do miệng một kẻ yêu đời hát lên, kẻ ấy đã ngót bảy mươi rồi và chắc không con cháu, nhưng chưa hề ai thấy lão than thở một lần, đêm đêm quạt lò trà xanh xạch để sống những ngày nhàn như thời Saigon chưa thấy xe hơi, những ngày một miếng kẹo, một tô trà Huế đậm và một miếng trâu, cả ba

thứ đều bán chung lại với một giá kinh
khủng... một xu.

BÌNH NGUYỄN LỘC

(Trích ở tập *Tình đất*)

Màu sắc Sè-Goòng

TẠ TỴ

Thế rồi những màu sắc đó ngấm dần vào da thịt lúc nào không biết nữa. Qua sáu mùa mưa nắng, từng giọt thời gian nhỏ tí tách vào trí não, tan vào mạch máu làm loãng dần cách biệt.

Thoạt đầu, mọi người đều nghĩ rằng, khó lòng mà cảm thông với sức sống quay cuồng, cháy ngùn ngụt như khối lửa đeo ở trước ngực. Ngọn lửa đốt thường trực trên từng phân vuông của không gian, một thứ không gian chỉ được tạo bằng ánh nắng và mưa rào đổ

xầm xập rồi tạnh bất ngờ gần như bốn cột – ở đây, người ta ca ngợi mặt trời và tình yêu. Mặt trời ban ánh sáng và tạo cho con người niềm tin tưởng. Tình yêu làm họ trẻ ra và tìm thấy nghĩa sống.

Hương sắc Sè-goòng lúc nào cũng bốc lên và cởi mở qua những màu áo, những cánh tay mịn như sáp nển bầu chặt vào gờ thành phố để tìm sự thoải mái cho thể xác hoặc tâm hồn.

Thành phố Sè-goòng đẹp như một cô gái mới lớn. Tuổi dậy thì làm cho gò má cô lúc nào cũng hồng hào, môi cô ngậm màu hoa lựu và đôi mắt long lanh, sáng ngời, khao khát. Nguồn sinh lực dâng lên làm căng đôi gò mọng. Những bàn tay, những bàn chân ấn sâu vào lòng đất rồi đưa bổng lên cao công trình kiến trúc. Những hình thể được níu kéo và giằng buộc với nhau bởi toán học. Để thi

đưa với không gian rộng lớn, con người cố gây dựng một cái gì, mong làm hẹp bớt chiều rộng và ấn thấp chiều cao của Đất Trời. Nhưng con người càng cố vươn lên thì sự to lớn càng mở rộng ra trước tầm mắt. Một vùng cô liêu bao la ôm trùm lấy những mái tường buyn-đinh như để tưởng lệ sự cố gắng ấy bằng cách cho nó tự nhìn thấy sự nhỏ bé. Có lẽ sau những cố gắng phi thường con người đã tìm thấy một phần nào sự yếu đuối của mình trước vũ trụ, cho nên họ đi tìm an ủi trong màu sắc. Chỉ có màu sắc mới làm cho không gian hẹp đi và thời gian phải ngưng đọng lại trong những khung cửa, những thanh sắt, trọng sự sống động của muôn vạn cánh áo màu bay nhơn nhơ giữa lòng thành phố.

Hỡi du tử, nếu vì một sự tình cờ may mắn nào người được đặt chân vào

mảnh đất yêu quý của chúng tôi, người có gặp nhiều Đại lộ, những Đại lộ của chiều thứ bảy tôi chắc người sẽ không giữ được cảm xúc khi bắt gặp những sắc màu chuyển mình dao động trong nắng gió ban chiều. Từng đợt sóng màu xô đẩy từ hồng qua tím, từ trắng qua vàng, từ huyết dụ ngả lam biếc quyện vào mùi hương da thịt phơi phới lên tơ, vờn nhau như một đàn bướm, làm cho cặp mắt đại khờ.

Du tử ơi! người đừng ngủ quên ở giữa lòng Đại lộ vì tưởng mình đi lạc vào Thiên Thai.

Buổi chiều thứ bảy, lòng Đại lộ bị thu hẹp lại. Cây không cao nữa. Mái nhà như biến mất vào nền trời. Chỉ còn lại những con mắt. Những rung động thâm kín.

Tuổi 20 lớn lên và mạnh như những mầm cây đang độ. Vài ba vết nắng tàn chiều hắt vào những đường cong cân đối làm nở ra trời mộng bất ngờ. Từng phiến đá vô tư cũng rạo rức theo nhịp giày guốc khua động. Trong niềm vui ấy, có ai bắt gặp những cái nhìn khô héo của tuổi quá lứa, khi thấy bóng mình đứng sừng sững trong tấm gương to của cuộc đời, để tưởng niệm tuổi hoa niên?

Những con người đi vào Đại lộ có thể có những ý nghĩ khác nhau, những ưa thích cách biệt, nhưng mỗi người trên đường về sẽ giấu kín một tình ý hay hay, một thần thờ để dành kể lại cho chính mình nghe trong giấc mộng đêm nay.

Đẹp biết bao nhiêu là những chiều thứ bảy. Những kẻ yêu nhau đều mong đến ngày đó để làm dáng với cuộc đời.

Nắng Sè-goòng phai dần trên sắc lá chẳng bao giờ thấy úa vàng. Từng cơn gió biển thổi về làm lắng xuống niềm rạo rực. Người của Đại lộ thấy yêu đời quá, muốn ghé môi hôn vào những viên đá, những thân cây, và có kẻ cuồng nhiệt hơn, muốn cắn đại vào cuộc đời cho hả niềm luyến ái. Nhưng cuộc đời đâu phải là trái vú sữa và thành phố Sè-goòng với những góc cạnh sắc bén như dao đã làm cho bao trái tim ứa máu!

✱

Lòng Đại lộ loăng đi để lộ màu xám ngoét của hắc ín láng bóng Những viên đá vuông nghen ngào, nắc nỏ vì sự mòn mỏi và rạn vỡ của sâu kín, gục đầu vào nhau kể xấu con người,

Nhưng con người cũng đã rời bỏ Đại lộ khi nắng đã tàn hẳn trên ống thu lôi. Những đợt sóng màu trôi xuôi ngược theo muôn nẻo đường dài. Có những vạt áo leo lên cầu thang rồi lại đứng yên trong lòng gỗ cứng, có những vạt áo đi vào ngõ hẹp gập ghềnh, chui vào mái nhà cũ kỹ và được xếp gọn vào rương để nằm yên đấy suốt 6 ngày chờ đợi. Nhưng, những vạt áo màu có trôi về đâu đi nữa, dù gác tía lầu hồng, dù nhà gianh vách đất, cũng chẳng làm cho vui mắt bằng những vạt áo sang sông trong chuyến đò chiều. Con đò ngang đã chở về bên kia bao nhiêu mộng đẹp? Có những thiếu nữ cúi xuống nhìn bóng mình in trong lòng nước, nhưng nước chảy, chảy mãi ra biển có đem theo được chút nào thương nhớ ra đại dương chẳng?

Thế rồi, đêm đêm từng đôi mắt thơ ngây đứng bên kia bờ sông nhìn vọng sang ánh sáng kinh kỳ mơ nhiều giấc mơ kỳ thú.

– Bên kia sông chắc gió nhiều lắm, làm cho lạnh khó ngủ, một giấc ngủ chung đôi chờ đợi. Trên vầng trán trong sáng của em ai đã vẽ những nét u buồn của định mệnh? Và con sông tại sao chưa bắc một nhịp cầu để san bằng cách biệt?

✱

Ánh đèn nê-ông cháy rực lòng thành phố. Những ngọn đèn mang đủ màu tỏa ra xung quanh làm mờ đi hình ảnh buổi chiều Đại lộ.

Tiếng nhạc rung nhẹ nhẹ, kéo lê thê trong gió. Mặt thành phố đã ngả sang

hòa sắc khác, hòa sắc của vũ điệu MAM-BO bắt đầu dạo khúc đàn thác loạn.

Có những miếng đêm chạy dài theo lối ngõ hun hút mà ánh sáng không xua đuôi nổi. Có từng cặp trai gái dựa lưng vào bóng tối để nói chuyện ân tình. Có những con đường nằm phẳng lặng và bình yên dưới những ngọn đèn cháy leo lét dọc theo hai bờ cây im bóng. Từng vũng màu ướt nhầy nằm hỗn loạn nhấp nháy dưới ánh đèn pha. Những vũng màu được tạo nên bởi trận mưa đột ngột vừa qua, Mỗi vòng bánh xe lăn qua làm cho phiến màu vỡ toang bắn vào mặt đường những giọt nước trong như pha lê rồi biến mất hút. Không khí dịu hẳn, sự “hấp hối” oi ả lúc ban ngày đã tan biến vào không gian. Những làn gió nhẹ thổi phất phơ mái tóc, làm gợn gợn màu da của người vợ trẻ đang đứng tựa cửa

nhìn lên trời lẩm nhẩm đếm những vì sao. Mùi thơm của hoa Dạ Hương thoang thoảng bay qua làm những người trai nhớ đến hương quê, trong những đêm trăng sáng, bắc chõng ra sân nằm ngửa mặt nhìn trăng sáng giữa mùi hoa Thiên lý.

Có những nhớ thương, mà người ta cứ tưởng rằng thời gian sẽ làm cho mất đi hay chết hẳn. Nhưng đôi khi, trong một phút giây nào đó, như đêm nay chẳng hạn, sau một chiều thứ bảy của Đại lộ, sau một cơn mưa rào đổ vào lòng thành phố, trong một khung trời nhỏ, nó lại trở về khiêu khích và trỗi dậy mãnh liệt để nhắc nhở những sự việc đã bỏ quên trong dĩ vãng lâu ngày.

Những kỷ niệm nhiều khi chẳng có nghĩa gì cả. Một chiếc lá vàng. Một chút nắng hanh. Một ngọn gió tháng tám.

Một mùi hương quen thuộc hay một ly cà phê đặc quánh nhấm nháp trong một quán nhỏ khi mưa dầm nhẹ rơi làm nhầy nhựa mặt đường.

Hình như những thứ đó đã nhuộm vào máu trong bao năm tháng, rồi bị xô đuổi bất ngờ, nó chạy trốn vào các hạch nằm yên chờ đợi, gặp dịp thuận tiện nó lại nhảy ra hành hạ. Sự hành hạ này tuy không làm cho đau đớn tới da thịt nhưng xao xuyến tâm hồn, Trái tim có ai bóp lại. Thở xác rữ rượi như qua một cơn đau nặng.

Tiếng động của mọi loại xe làm xáo trộn không khí ban đêm của Sè-goòng từng vòng bánh quay quay trôi nhanh vào Chợ lớn mà tiếng nhạc cuồng mê đang xé bóng đêm vượt ra ngoài, nhảy theo muôn vạn ngọn đèn xanh, đỏ nhấp nháy dưới Trời Sao bàng bạc.

Trong gần 2.000 ngày sống dưới những cơn nắng đỏ lửa, những trận mưa phũ phàng. Uống mãi la-ve, nước đá buốt tê đầu lưỡi, người ta đã gặp được mùa Thu Sè-goòng một buổi sáng trọn vẹn.

Sau một đêm oi ả, dấy dựa, nung nấu bởi mái nhà quá thấp không đủ cửa sổ đem gió vào. Con người tỉnh dậy không cảm thấy mệt mỏi như thường lệ vì trời không có nắng mà chỉ có những trận gió to làm rung chuyển những khối mây đặc sệt trên vòm trời. Thường thường ở đây, mỗi khi như thế là trời chắc chắn mưa to. Nhưng hôm nay tự trên cao chỉ rắc xuống trần gian những hạt bụi quện vào gió thổi trên da thịt, mát rượi cả tâm hồn. Dăm cánh lá vàng theo gió đưa qua ô cửa nhỏ, kéo lê trên mặt gỗ kêu kèn kẹt

như than van nhắc nhở. Cô con gái nhà bên không quen chịu lạnh đã mặc thêm chiếc áo len hồng. Trông mới đẹp làm sao? Màu len ánh lên nhấp nhánh phản chiếu màu sắc đậm đà của nét mặt làm cho muốn cắn vào đôi môi đỏ mọng của trái chín cây và muốn giang rộng cánh tay ra đón nhận vào lòng hơi ấm của nhịp thở không đều. Những giây phút ấy đáng giá ngàn vàng.

Mùa Thu Sè-goòng sáng nay khởi điểm từ trận gió, rồi hạt mưa bụi, qua cô gái nhà bên rồi lên đến quán cà phê.

Trong những buổi sáng không đặc biệt, quán cà phê (của một số ẩm khách quen thuộc đến uống la-ve và tán dóc sự đời), giờ này chỉ có những anh bồi nhìn nhau xuống khi đã tâm sự hết cả chuyện nhà cho nhau nghe tự năm nào. Cô gái thân tiền mặt tròn như chiếc bánh đa

ngồi ủ rũ đọc báo, mà cô chỉ đọc những mục nói riêng về tâm lý đàn ông. Cô hãy còn trẻ lắm, nhưng cô thích nói chuyện về kinh nghiệm cuộc đời!

Nhưng buổi sáng nay không khí khác hẳn. Những chiếc ghế kín đáo nhất đã bị chiếm gần hết. Trên mặt bàn những chiếc tách bằng men sứ trắng tinh được để trịnh trọng vào lòng đĩa có viền những sợi chỉ vàng. Trên miệng tách, chiếc “phin” bằng nhôm sáng bóng đang nhỏ dần từng giọt nâu nâu quánh sệt vào lòng tách giữa nét trầm tư in trên mặt từng ẩm khách.

Nhìn những chiếc tách mới đẹp làm sao, từ lâu lắm chỉ quen uống nước bằng ly, bất cứ nước gì, vì thế sáng nay nhìn thấy tách là cảm động. Còn đẹp gì bằng chất nhựa cà phê óng ánh rung rinh trong màu men trắng. Còn thú gì hơn

khi nhìn hơi nóng của ấm nước sôi 100 độ đang ngùn ngụt bốc lên, hương cà phê bay vào khứu giác của những kẻ nhớ quê hương, làm sống lại trong tiềm thức hình ảnh ngày xưa!

Chao ôi! Ngày xưa, ngày xưa xa quá rồi em nhỉ? Ngày xưa khi mái tóc anh còn xanh, mà giờ đây, qua 6 mùa mưa nắng, đã nhuộm lốm đốm màu tiêu muối.

Màu sắc của cõi đời nham nhở như bức tranh đang dở. Anh đi trong niềm thương yên, trong sự vắng lặng của tâm hồn. Anh mong tìm thấy một chút tình ý cũ kỹ chứa đựng ở đôi mắt thăm thẳm của em đã nằm kín ở đáy lòng anh từ những năm trước. Trời Sè-goòng sáng nay vào Thu. Mùa Thu nằm trong nhãn giới của những kẻ xa quê hương. Mùa Thu Sè-goòng đang nhỏ giọt trong lòng tách trắng. Màu nâu sánh lên lấp lánh

như những giọt lệ của nhớ thương từ ngàn kiếp trôi về, Những giọt mưa lâm tâm chảy nhẹ nhẹ trên vai áo mỏng thấm vào màu da đã từ lâu khô cong vì nắng lửa.

Anh nhìn vào từng nét mặt, những khuôn mặt khắc khổ, rắn đanh lại như đê nén cảm xúc riêng tư. Bàn tay xạm nắng gân guốc nắm chặt lấy khối men trắng như muốn bóp vỡ, bằng lòng cho từng mảnh sứ sắc bén đâm vào da thịt, nhân máu đỏ chảy nhòe nhoẹt dính vào màu trắng nõn nà của men sứ.

Chưa bao giờ lòng người xa quê hương lại thấy thoải mái như buổi sớm nay. Tự mình tìm thấy mùa Thu ở giữa Sè-goòng trong tháng 6. Một mùa Thu chỉ có vài giờ. Hàng cây cao nghiêng ngả. Màu xanh tái đi vì hơi gió. Vài ba cánh lá vàng xoay tròn rơi theo sức hút của trái

đất bay toả tả như những ý nghĩ u buồn cuối cùng vừa thoát khỏi lòng giấy.

Sắc diện Đại lộ thay đổi hẳn. Những vật áo màu buổi sáng nay có vẻ dày hơn và nhan sắc lại được dịp kiêu hãnh trong nụ cười nửa miệng, trong đôi gò má ửng hồng của màu phấn thoa đậm – trong đôi mắt sáng long lanh như mời mọc ân tình. Giận cho đôi tay quá nhỏ bé không đủ rộng để ôm vào tất cả mến thương, mà vì một đặc ân nào Đấng tối cao đã ban cho mảnh trời nồng nực này một hơi gió lạnh, dậm chiếc lá vàng.

Thế là nắng lại lên rồi. Những tòa buyn-đỉnh cao ngất ngưỡng đứng dựng thẳng như cắt đứt thành phố thành nhiều mảnh. Những khuôn nắng chia đôi hè phố làm chói mắt kẻ qua đường. Nhịp sống lại điên lên theo tiếng động cơ

rú. Những giọt mồ hôi bắt đầu thấm vào nếp khâu của manh áo bạc. Màu sắc Sè-goòng đi vào nhịp điệu cũ. Những cánh cửa sổ mở tung ra để đón ánh sáng. Trên những chiếc ban công, màu sắc sỡ của áo quần được phơi lên, bay phấp phới trông vui mắt như những mảnh tình thời đại. Từng đàn chim én bay lượn, chao chát giữa màu xanh thăm thẳm của trời cao. Vài phiến mây giang hồ trôi lơ lửng, màu trắng nõn như tơ lấp lánh trên mái tóc nhà đỏ chói ánh mặt trời. Những vết tích tàn phá của năm xa xưa đã biến mất không để lại một vết theo nào.

Một rừng màu sắc lại chen nhau mọc lên, dìu nhau đi vào ánh nắng hiền hòa của một thành phố đang thi đua cùng thời gian để kiến tạo một cuộc sống ngày mai.

– Một buổi sáng, em ơi! Có hai mùa đã thấm vào máu anh, làm tươi lại những tế bào đã chết, và làm cho anh yêu em hơn cả đời anh.

TẠ TỴ

Mưa về chiều

SONG LINH

rời bắt đầu lác đác mưa. Thảo vẫn thọc tay trong túi quần; đi không đếm xỉa đến ngoại vật. Xe cô chạy đông nghịt. Tiếng động cơ nổ ròn. Người đi đường vội vàng không cần nhìn nhau.

Thảo rẽ sang một phố đông. Con đường dài hun hút. Gió thổi từ phía xa lại. Mưa rơi mau và nghiêng, mặt đường nổi lên chi chít từng vết nước tròn như những đồng tiền kẽm. Lá me nhỏ lẫn tăn như vàng diệp vụn bay tới tấp trong mưa. Thảo buông mẩu thuốc lá thừa về

đằng trước, ngọn khói mỏng trắng vươn nhẹ lên như sợi tóc bạc của ông chàng ngày xưa lơ thơ trước gió, rồi lại bị mưa làm tắt đi ngay. Một chiếc xích lô che bạt kín từ góc ngã tư lượn sát qua mặt Thảo, chàng né tránh và cau mày nhìn theo. Anh phu xe đội nón lá rách, không thèm biết cái lỗi vặt của mình, vẫn cúi rạp xuống đạp miết. Một mái tóc uốn ngã trên nệm xe trắng tinh, hiện rõ dưới đôi chân chắc đen khuỳnh ra như chiếc cửa tò vò của anh ta. Thảo không nghĩ gì về mái tóc ấy. Áo chàng ướt khá nhiều. Cô đầm ngồi chống tay ngoài cửa sổ, từ trên căn gác của ngôi biệt thự bên cạnh đường, nhìn chàng tò mò. Chàng đáp lại cô ta bằng vẻ mặt lạnh lùng đầy nước mưa.

Chiếc taxi bóp còi gọi khách. Thảo ngược lên. Người tài xế đưa ngón tay ra

hiệu mời. Chàng lắc đầu. Từng vệt nước từ gáy chàng bò ngoằn ngoèo xuống tận lưng quần. Thảo chợt nhớ đến một quán café ngon gần đầu phố, trong thoáng giây chàng quyết định: uống một ly café đặc. Nghĩ thế chàng đi nhanh hơn.

Thảo lấy khăn lau mặt, men vào góc trong, chàng kéo ghế ngồi. Cô chủ quán không đẹp đến cạnh chàng hỏi:

– Thầy dùng chi?

Thảo gõ khế tay xuống bàn.

– Cô cho tôi một café phin.

Cô chủ quán quay đi. Chàng hỏi thêm:

– Ở đây có rum không?

– Dạ có.

Thảo gật đầu. Quán hơi đông. Tiếng nói chuyện xì xào trong bầu không khí chật hẹp nặng nề. Người ta bàn tán về những cơn mưa chớp nhoáng của Saigon Chiếc máy hát rè rè vang lên át cả lời họ nói. Mấy đĩa nhạc lâu đời nhai lại những bản cũ rích đến nhàm tai.

Cô chủ quán đặt phin tách xuống bàn. Thảo táy máy xoay tròn chiếc phin nhôm trắng trên miệng tách, chàng châm thuốc hút, ngửa người ra thành ghế thờ phào khoan khoái. Luồng khói lọc qua buồng ngực tuôn ra trong và loãng. Bên ngoài mưa như xối nước. Mặt đường trắng xóa. Những nóc nhà phía xa lơ mờ trong làn mưa.

Thảo nhắc phin ra, những giọt café đen sánh thi nhau nhỏ xuống lòng tách. Mùi bơ béo ngậy lẫn với mùi café thơm phức, khiến thần kinh khúu giác chàng

thu nhận, đầy đủ, chàng cho một muống đường nhỏ, rồi đổ thêm ly rum vào. Tách café đậm phức tạp nhưng nhiều thi vị đối với chàng.

Ngoài trời vẫn mưa to. Gió thổi không ngớt. Mặt đường sủi bóng tròn như đờm mũi của đứa bé khóc dai. Thỉnh thoảng một chiếc xe đạp vụt qua, người ngồi trên ướt sũng, hai chân đạp tít như chong chóng. Thảo nâng tách café, mắt chàng hiện ra ở giữa vòng nước đen xậm, sóng sánh như thuốc phiện lỏng.

Chiếc máy hát vừa dứt một bài vọng cổ bi ai. Cô chủ quán không quan tâm đến khách trong hàng, bèn cao hứng cất giọng ư ử nhái lại lời anh tài tử trong đĩa. “Em Lan ơi! Chẳng phải tại nơi anh dụng tâm bội ước, mà nữ đang tay ‘đi’ búng rãi... phũ phàng...”. Thảo nghe nó vô duyên tro trên làm sao. Trên trời một

tia chớp vạch sáng loè, tiếp theo tiếng sét nổ dữ dội. Nước ngập trắng đường, mấp mé tới vỉa hè.

Buổi chiều Thảo đến thăm Bích — Vinh — chồng nàng chết vì tai nạn xe lật trên đường Ban Mê Thuật từ hơn nửa năm nay. Bích dạo này trông xanh và hơi gầy, nàng ở một mình với đứa con lên ba trong căn nhà nhỏ xinh ấm cúng. Cũng như chàng Vinh mồ côi cha mẹ từ thuở nhỏ, và không có người họ hàng nào trong này, nên khi Vinh chết đi, Bích phải sống lẻ loi cô độc. Nàng được hưởng 12 tháng lương của chồng và căn nhà ngót 5 vạn.

Lúc Thảo đến nàng đang ngồi chơi “đá dê” với con. Thấy chàng Bích vui mừng khế reo:

– Anh.

Chàng cười yên lặng. Bích nói như hờn trách:

– Đã lâu sao anh không lại?

Rồi sợ mình vốn vã quá nàng nói nhanh:

– Anh ngồi chơi!

Nàng quay gọi con.

– Tâm chào bác, đi con.

Nói đến câu bác nàng có vẻ ngượng ngịu, Thảo cầm hộp đồ của bé Tâm cười nói:

– Hai mẹ con bé bỏng thật. Ở mà sao lắm đồ cái thế này?

Thảo nhìn thấy một đôi công nhau, con cái nằm trên. Chàng đưa trả bé Tâm đoạn quay sang Bích. Bích đỏ mặt cúi

xuống. Những ý nghĩ nóng bỏng của nàng khi nãy vừa bị Thảo bắt được quả tang. Thảo bỗng ngồi yên không nói. Chàng chợt nhớ lại những con dế màu cánh dán, màu than và màu hồng lửa, hung hăng như các con xích thố, ô-truy của mấy viên hổ tướng mặt đỏ râu dài trong truyện Tam quốc chí và Đông chu liệt quốc của Tàu, mà ngày trước chàng vẫn bắt được.

Dạo ấy vào giữa thời chiến loạn, chàng thường cùng cậu Thêm, đêm đêm đi soi dế trong những đồng gạch vụn mọc xanh cỏ gà. Tiếng dế gáy ran ở quanh những căn nhà đổ nát vì bom đạn. Đêm mùa đông tối mờ mờ. Trên cao mảnh trăng khuyết buồn ngủ, chiếu nã nẽ xuống cảnh thành phố hoang tàn. Từ xa tiếng đại bác vọng về lẫn với từng đợt heo may buồn và lạnh. Cậu

Thêm ngày nay không còn nữa – cậu đã chết vào một đêm Pháp tràn về Bắc Lý, xác cậu nằm sõng soài trên đồng gạch ngổn ngang và máu ở miệng rỉ ra đỏ tím. Chiếc lưỡi lê đen xám của giặc đâm ngập lưng cậu. Cậu bỏ lại những người thân yêu để ngủ một giấc dài mà say, quên cả những con đế mèn ngày đêm kêu rền rĩ.

– Chủ nhật mà anh không đi chơi ư?

Thảo vụt tỉnh về hiện tại, chàng hỏi lại:

– Bích nói gì?

– Em nói cảm ơn anh đến thăm vợ con người bạn cũ.

Thảo phác họa một cử chỉ mơ hồ, nói xa hơn ý tưởng:

– Không có gì Bích ạ. Cuộc đời chỉ là

một chuỗi hình bóng nối tiếp nhau mà thôi.

– Vì thế nên anh cho rằng anh đến đây vì sự liên lạc của hình bóng phải không?

Thảo trả lời nàng bằng ánh mắt dịu dàng thẳng thắn. Bích tiếp lời:

– Nếu vậy thì anh ác lắm Thảo ạ.

– Và có lẽ cả ích kỷ nữa Bích nhỉ?

Bích mân mê chiếc nhẫn kim cương ở ngón tay dài trắng như ngăm nhắc nhở. Nàng nói:

– Chắc không bao giờ ý nghĩ của anh trùng vào một điểm với em?

– Chỉ một đôi khi, Thảo đáp vu vơ.

Bích thoáng vẻ đau khổ thắc mắc:

– Anh có tin rằng ý nghĩ của anh chạy trốn không?

– Anh còn tin rằng chúng ta là hai ngôi Sâm Thương nữa.

Lần đầu tiên kể từ bốn năm nay Thảo mới lại xưng anh với nang. Bích cảm động gục xuống bàn, lát sau nang ngược mắt nhìn chàng giọng trách móc:

– Tại sao anh cứ lẩn tránh kỷ niệm, anh có biết sau anh có người đuổi mãi anh không? Em thì nghĩ rằng anh cố ý xua đuổi dĩ vãng, để không bao giờ thềm nhớ đến cái ngày gặp gỡ hân hữu của chúng ta. Nhưng anh vẫn không sao quên được.

Thảo nhìn nang khóc, lòng bần khoăn. Bích lay tay chàng.

– Em biết anh chẳng khi nào nghĩ tới em, vì em không phải là Sơn thực sự của anh, hơn nữa em lại có chồng con rồi. Anh chỉ nhìn em để thấy riêng hình ảnh của Sơn thôi. Nhưng em vẫn hy vọng anh sẽ quay lại, và sẽ thấy em là Bích thực sự cả linh hồn trọn vẹn.

Thảo nắm chặt bàn tay run run mềm mại của nàng. Nàng ngoan ngoãn để gọn trong lòng bàn tay chàng, chờ đợi. Cặp mắt ướt lệ long lanh. Căn nhà vắng vẻ. Bé Tâm chạy ra đường chơi với bọn trẻ con hàng xóm tự lúc nào. Thảo từ từ cúi xuống, mỗi chàng ngậm chặt môi nàng. Bích ngả đầu vào ngực chàng, văng tóc đen rối đổ dài trên nền áo trắng của chàng. Nàng thì thầm nài nỉ:

– Thảo ơi! Đừng đuổi em ra khỏi hồn anh nữa nhé!

Thảo ưa đáp lại nàng bằng sự im lặng cổ hữu, chàng vuốt nhẹ tóc nàng. Chiều ngả màu ngoài song cửa, ánh nắng nhạt mỏng đọng lung linh trên ngọn cây xanh thẫm. Gió lùa nhẹ như hơi thở. Từng chiếc lá vàng lao chao rụng. Tiếng ri sê chim chíp kêu. Thảo ngược lên mắt chàng chạm phải bức tường dày xám. Trên ấy ảnh Vinh được lồng khung trong khuôn gỗ. Anh ta đang nhìn thẳng vào mặt chàng, tia mắt sáng và nụ cười tươi tắn – nụ cười cởi mở rộng rãi khiến Thảo nghĩ đến sự che chở cho người thiếu phụ đáng thương. Chàng như thấy hiện thân mình lúc này chính là hình hài Vinh được ủ ấp bằng thương yêu kết tụ. Vinh sẽ không còn lồng khung trong lòng huyết lạnh như tấm ảnh ghép trong khuôn gỗ kia nữa. Hồn anh ta sẽ lâng lâng và không còn bận bịu. Thảo để Bích ngồi lại một mình, chàng bỏ ra về giữa

lúc trời trở gió. Bích kéo áo chàng:

– Ở lại với em! Đừng về Thảo ơi! Em van anh!

Thảo nhẹ gỡ tay nàng:

– Anh cần về, nhưng anh báo cho em một tin mừng. Anh đã nhốt chặt em ở hồn anh rồi.

Bích sung sướng nhìn chàng trù mẩn và bỗng dưng nước mắt trào ra dàn dụa. Lần này nàng không khóc vì khổ sở. Thảo bước ra, dặn nàng:

– Em hãy sửa soạn trước đi, giờ này tuần sau anh sẽ mang áo cưới đến đón em.

Thảo nhớ lại chiếc áo cưới còn mới nguyên, vẫn cất dưới đáy va-li mà chàng mua cho linh hồn Sơn sau ngày nàng

mất – chàng uống nốt chỗ café thừa đoạn nhủ thầm:

– Cái hoang vắng của linh hồn còn trống rỗng hơn cái hoang vắng của một nghĩa trang lúc hoàng hôn. Chỉ có tình thương mới sưởi ấm nổi.

Thảo trả tiền bước ra. Không khí về tối mát mẻ. Thành phố đã bật sáng, những ngọn điện đỏ yếu như ánh đèn dầu. Mưa vừa tạnh xong. Tiếng nước chảy dồn vào các cửa cống nghe ào ào, nhiều vũng nước loáng ánh điện sáng như mảnh gương vỡ. Thảo không muốn về nhà vội, chàng đi vào một phố nhiều cây xanh và tối nhất. Những giọt nước thừa trên cao rơi xuống tí tách. Gió mát thổi thổi. Mặt trăng quầng đục lẹm một nửa, ánh sáng thật lạnh và ảo huyền, Thảo bỗng hồi tưởng lại một đêm trăng mùa thu Hà Nội. Chàng và Sơn khoác

tay nhau đi từ phố Quan Thánh lên hồ Tây. Ánh trăng theo dõi hai người và cũng buồn như thế này. Nước hồ lóng lánh gợn gợn. Gió thu luôn lỏi hơi may từ mặt hồ ủa lên mát rượi. Lá soan tây rụng tả tơi. Tà áo xanh màu nước biển của Sơn cuộn sát vào chân chàng. Sơn nhìn sang phía chùa Trấn Quốc bấy giờ đang lờ mờ trong hơi sương mỏng. Ánh nến lập lòe và tiếng mõ đều vọng ra ở đấy. Nàng ngả đầu vào vai chàng giọng nhỏ êm:

– Trời buồn quá anh nhỉ, đã lâu lắm hôm nay em mới lại được về thăm Hà Nội và đi bên anh.

Rồi nàng kể lại rất khẽ những kỷ niệm thời còn là nữ sinh cho chàng nghe. Thảo thả rộng tâm tình đón nhận, và phút giây niềm xa cách xâm chiếm trọn lòng mình. Chàng ôm chặt vai Sơn

như ôm chặt lấy tình yêu mong manh nhỏ bé. Vai nàng thon mềm nằm gọn trong tay chàng. Thảo nói mà lòng luyến thương.

– Mai em về, anh lại thui thủi một mình.

Sơn lặng lẽ khóc, nàng nấc nghẹn nói:

– Anh cho em về không mẹ ở nhà mong.

Nàng lại thành khẩn xin:

– Cầu trời đừng loạn lạc nữa, để anh học nốt còn về cưới em. Em lo sợ lắm.

Thảo hôn tóc nàng say đắm. Sáng hôm sau chàng tiễn nàng về Nam Định, khi xe qua cầu Gia Lâm để đến trường bay, Sơn còn dặn chàng một câu:

– Anh nhớ cố học đi nhé, đừng đua đòi bạn bè đi chơi, nhỡ trượt thì tội em mất công chờ thêm một năm nữa đấy.

Thảo mỉm cười biết nàng dặn khéo mình. Chiếc máy bay của hãng Autrex từ từ cất cánh. Chàng đứng lặng nhìn theo con chim sắt đưa người mình về phương trời xa.

Thảo bỗng được tin Sơn mất sau ngày lên thăm chàng lần cuối cùng. Nàng chết trên một chuyến xe hàng từ Hà Nội về Nam Định. Chuyến xe bị mìn tan tành từng mảnh. Xác nàng cùng nhiều người thì vụn nát văng tứ tung ra ruộng lúa ngập bên đường. Nàng chết bất ngờ thê thảm quá, khiến Thảo khóc lịm đi mấy ngày liền.

Chàng quên làm sao được trưa hôm ấy Sơn lên Hà Nội thăm chàng, chàng

đi học vắng. Nàng thuê xe ra tận trường đại học đón chàng. Hai người gặp nhau mừng cuống trước bao nhiêu cặp mắt tò mò. Thảo không đưa nàng về nhà trọ, chàng dẫn nàng lên hàng Buồm ăn cơm tám. Sơn mừng quá ăn ít như mèo. Nàng kể là nhiều nỗi nhớ thương tỉ mỉ.

Ăn xong hai người dắt nhau vào vườn bách thảo ngồi tình tự. Tiết trời vừa sang đông. Gió thổi lạnh; lá rụng ngập trên nền cỏ. Những chuồng thú trở trời và đổ gãy. Dọc ghế đá im lìm. Ngọn núi Nùng nằm gan lì với ngôi chùa rêu phong loang lổ. Hồ sen tàn nổi nhiều quàng sóng lẫn tăn. Mấy cây si vàng lá vươn mình trên mặt nước. Sơn gãi đầu lên tay chàng, mắt lim dim mơ màng, nàng ước mơ một đám cưới tung bùng đỏ hồng xác pháo và rất nhiều hoa đào. Thảo mê man trên làn môi thắm son

ướt át của nàng. Hai người sát vào nhau yên lặng. Thảo nghe thấy tiếng linh hồn hòa trong trời đông êm ả. Lá trên đường rụng thật nhiều.

Chiều thứ bảy chàng lấy xe của Doãn chở nàng ra ngoại thành. Xe chạy trên đường hàng Bột qua ô chợ Dừa, ô Cầu Dền thẳng đến Đống Đa.

Sơn ngồi bên chàng, gió lạnh lùa qua khe cửa kính thổi bay tóc nàng, nàng dịu dàng hỏi:

– Anh định cho em xuống Thái Hà ấp đấy à?

Thảo thả chân ga cho xe chậm chậm

–Không em ạ, chúng ta lên thăm Đống Đa hơn.

Xe dừng, Thảo dìu nàng đi lên. Ánh

nặng cuối cùng đã hết ử ê bên phía trời tây. Cây đa sậm bóng xò ra, lá rụng xạc xào từng đợt. Đứng sát cạnh chàng Sơn chỉ tay lên một cành đa cao vút, rồi ngáy thơ hỏi:

– Ngày xưa chắc ông Sầm Nghi Đống thắt cổ tử tử ở cành đa kia anh nhỉ.

Thảo nghĩ đến một cây đa chưa hề mọc, nhưng vẫn cười gật đầu, rồi kéo nàng sang ngôi đền meo mốc. Bên trong mấy bát nhang vắng khói hương, khiến Thảo tưởng những vong hồn oan khổ đang lẩn quất đâu đây. Trong phút chốc chàng chợt mừng tượng ra trước mắt cảnh chiến trường hỗn loạn. Tiếng quân reo hòa với tiếng ngựa hí vang trời. Tiếng gươm dao xô xát trong máu lửa rừng rực loạn cuồng. Thây giặc Thanh chết ngổn ngang như rạ. Rồi thì vua Quang Trung ngồi trên lưng voi vùng gươm thét mắng,

áo chiến bào vấy đầy máu thù và thuốc súng.

Ngày nay cảnh ấy chỉ còn là một ảo ảnh mênh mang trong lòng người, và chìm sâu về xa vắng. Song Đồng Đa vẫn muôn đời uất hận cho bọn giặc xâm lăng, và còn chói lòa chiến công oanh liệt của vị anh hùng áo vải đất Qui Nhơn.

– Anh ơi.

Thảo buông trôi ý nghĩ.

– Gì Sơn?

– Anh nghĩ gì thế?

– À, anh đang nghĩ tới những ngày trăng mật của đôi ta ở một nơi rất vắng.

Sơn cười trong sáng, mắt khép hờ nhìn về phía chân trời. Từng cụm mây xám chuyển mình ở xa. Mặt Sơn hơi

ngửa, tóc cuộn dài thơm gió. Thảo thiết tha ngắm nàng. Hai người thả rộng hồn cho chiều đông buốt lạnh cuốn đi.

Khi trở về thì mưa bụi bay nhiều. Áo len nhung của nàng lấm tấm trắng. Thảo không phủ đi, cứ để nguyên cho nàng lên xe, rồi phóng nhanh vào thành phố.

Sau một đêm dẹt nhiều thơ mộng, sáng hôm sau Thảo lại trả nàng về Nam Định như những lần trước. Lúc ra bến xe chàng nhớ mình đã dặn nàng một câu hơi gở:

– Em về viết thư ngay cho anh nhé, lần này anh phấp phỏng lắm ..

Sơn an ủi chàng:

– Anh đừng lo, em sẽ viết thư ngay.

Thảo áy náy:

– Sao em không về bằng máy bay có hơn không?

Nàng đáp cho yên lòng chàng:

– Em đi xe một bạn xem sao. Người ta đi ỏi ra chứ riêng gì mình em.

Nàng như chợt nhớ rồi nói ngay:

– Em biết anh hồi này túng đấy. Khi đi mẹ có đưa tiền cho em mang lên bảo để anh tiêu thêm.

Thảo định chối từ, nhưng Sơn đã cầm tiền rút nhanh vào túi chàng.

– Anh cầm lấy còn mua hoa cho em, sắp đến ngày sinh nhật em rồi.

Sơn vào ô-tô, chàng âu yếm nói với nàng:

– Anh sẽ mua sẵn áo cưới cho em,

để chờ ngày chúng ta làm lễ thành hôn.

Sơn lưu luyến dặn chàng câu quen thuộc mọi khi:

– Anh nhớ cố học nhé, đừng đi chơi nhiều đấy.

Sơn về! Và ngay hôm đó nàng đã quên hẳn chàng với lá thư không bao giờ viết, như cậu Thêm xưa kia đã quên những con đế mèn trong đồng gạch hoang tàn.

Thảo chán nản thi hỏng luôn hai kỳ. Bấy giờ chiến cuộc lan rộng mãi. Hà Nội đổi chủ. Thảo bỏ quê hương đi lẫn trong đám người di cư. Vào Nam ít lâu chàng được một tổ chức cấp học bổng cho ra ngoại quốc.

Gần ngày đi chàng gặp Bích – Bích giống Sơn như đúc, khiến lúc mới đầu

chàng có ảo tưởng rằng Sơn đã sống lại đi tìm chàng. Chàng nắm lấy vai nàng giọng buồn buồn như trước kia chàng vẫn gọi nàng:

– Sơn ơi!

Bích giật mình quay lại, nàng ngạc nhiên nhìn chàng chưa kịp nói Thảo sững sờ bỏ nàng ra.

– Xin lỗi cô, người yêu tôi đã mất lâu rồi.

Bích thương cảm nhìn vẻ thiếu nảo của chàng:

– Thưa ông không sao ạ.

Thảo đứng tần ngần luyến tiếc. Nàng mỉm cười hỏi thêm:

– Chắc người yêu của ông giống tôi lắm thì phải.

Chàng gật đầu:

– Vâng nàng không khác cô chút nào. Nhưng bây giờ thì nàng không còn nữa.

Bích ái ngại hỏi:

– Chắc ông yêu nàng lắm, tôi xin thành thật chia buồn.

Thảo tự nhiên kể lễ:

– Đã từ lâu tôi cô độc, sống không người thân thuộc, mà sáng mai tôi lại ra nước ngoài. Nghĩ mình chẳng có ai đưa tiễn, nên đi lang thang cho đỡ buồn.

Bích thực thà hỏi:

– Ý hẳn ông cần một người con gái tiễn đưa?

– Vâng, nếu may mắn người ấy được là cô.

Bích hơi ngần ngừ rồi trả lời thẳng thắn.

– Nếu ông muốn tôi có thể chiều ông được.

Thảo hơi cảm động.

– Cảm ơn cô có lòng tốt.

Chàng nói thêm:

– Lúc gặp cô tôi cứ tưởng nàng sống lại.

Bích cười làn môi hồng tươi tắn, và mi mắt thì hạ xuống. Nàng nói:

– Thật đáng thương cho nàng.

Thảo ngập ngừng:

– Tôi chưa biết tên cô, hay cô cho tôi gọi là Sơn, cô bằng lòng nhé,

Nàng trả lời dè dặt:

– Cũng được, nhưng ông nên gọi tôi là Bích thì hơn, vì tôi không muốn ông lầm tôi với người đã khuất.

Thảo chậm bước bên nàng. Vừa khi ấy thì trời đổ mưa. Những cơn mưa chiều của Saigon thật bất ngờ – bất ngờ như cái chết của Sơn ngày xưa trên con đường số 1 nhiều mìn. Thảo mời Bích vào hiệu kem gần đấy. Nàng không ăn mà chỉ chống tay lên cằm nhìn chàng, như Sơn ngày nào đã nhìn chàng trong tiệm cơm tám ở phố hàng Buồm.

Đường phố sũng nước mưa. Nắng chiều trở lại lác lõng trên các mái nhà ẩm ướt. Ở hiệu kem ra. Thảo ân cần mời nàng về thăm nơi trọ của mình. Qua một phút e ngại nàng vui vẻ nhận lời. Và tối hôm đó nàng lăng xăng phụ giúp chàng

gấp quần áo, sách vở rồi xếp vào va-li cho chàng, như một người vợ yêu sẵn sóc tới chồng. Thảo nhớ đã kể lại mối tình đẹp đẽ của mình với Sơn cho nàng nghe. Nàng nghe mà mắt rưng rưng, rồi nàng bùi ngùi nói:

– Đời ông thật buồn.

Thu xếp xong xuôi Thảo đưa nàng ra taxi, và sáng hôm sau y lời hứa nàng đã tiễn chàng ở phi cảng Tân Sơn Nhất.

Ở ngoại quốc đôi khi chàng viết thư về thăm nàng, nàng cũng đáp lại với ân tình nồng nhiệt, và hai người trở thành yêu nhau thật sự.

Nhưng rồi cũng mỗi người một ngã. Thảo và nàng bỗng mất liên lạc với nhau vì một sự chẳng may. Thế là từ đấy chàng lại đành quay về ấp ủ hình bóng Sơn.

Lắm đêm nằm thao thức nghe tuyết rơi bên ngoài, chàng cứ thấy mặt mình ứa lệ.

Ba năm sau Thảo trở về. Gặp Vinh, anh ta mừng rỡ kéo chàng về nhà. Vợ anh không ai xa lạ – chính là Bích của chàng. Nàng đã có con và nhìn chàng thật luống cuống. Vợ chồng Vinh mời chàng ở lại ăn bữa cơm chiều. Lúc ngồi nói chuyện, Bích đã cố ý gợi lại xa xôi về chiếc nhẫn kim cương của chàng gửi tặng khi đặt chân tới Bruxelles.

Vinh không hiểu gì cầm lấy tay vợ khoe:

– Nhà tôi chỉ có mỗi chiếc nhẫn này là đáng giá – “Nàng” mua từ hồi tôi còn ở Fort-Benning đấy.

Bích che miệng cười, nhưng chính là để hôn lên mặt nhân, và ánh mắt thì ngăm bảo chàng:

– Dù em có chồng nhưng em vẫn yêu linh hồn anh mãi mãi.

Trời bỗng dừng trở gió. Thảo thoái thác ra về giữa lúc câu chuyện đang vui.

Đi ngoài mưa Thảo nhớ mình đã nói thầm rằng:

– Bích hay Sơn hoặc muôn người con gái khác, chỉ là những nhân vật được tạo bằng giấc mơ, và tình yêu sẽ kết thúc bởi một giấc ngủ không trở mình.

SONG LINH

Một đêm vui

HUY QUANG

Trời tối đã từ lâu, Thúy vẫn không bật đèn trong phòng. Nàng đứng tỳ tay bên cửa sổ nhìn xuống đường. Con đường nhỏ hẹp nằm giữa hai dãy biệt thự yên tĩnh, dưới những hàng cây im lìm đầy bóng tối. Những vũng đèn vàng khắc in trên mặt đường tròn trặn, cách từng khoảng đều như đo, chẳng mang lại chút gì tươi vui hơn. Thủy buông từng hơi thở dài nhẹ nhẹ.

Những ngày tháng bình thản từ một

năm nay đã khiến nàng ghê sợ và đã làm cho những người trong nhà lo ngại cho nàng. Thấy mẹ Thúy đã ưng thuận để nàng rời Huế vào Saigon. « Cuộc sống ở Saigon sẽ làm cho nó vui hơn » – ông bà nghĩ thế. Bà cô Thúy ở Saigon cũng nghĩ vậy, và bà hy vọng sẽ mang lại những ngày vui tươi mới cho đứa cháu gái độc nhất trong họ. Bà ra tận sân bay đón Thúy. Bà nói:

– Vào đây có cô, có các em, chị sẽ vui hơn. Cô sẽ bảo các em nó đưa chị đi chơi đây đó cho khuây khỏa chứ ở Huế cứ rù rú suốt ngày trong nhà thì buồn chết.

Thật ra bà đã cố tránh không nhắc lại câu chuyện buồn của Thúy. Đó là cái chết của Ngọc, vị hôn phu của Thúy. Cái chết của Ngọc không phải là đột ngột, nhưng chẳng ai nghĩ rằng anh lại chết sớm đến thế. Là một sinh viên ốm yếu,

lại ham học, Ngọc đã học ngày học đêm với hy vọng cho sớm thành đạt rồi nghỉ lấy lại sức. Thế rồi khi thành đạt, thì Ngọc không còn đủ sức ở lại cuộc sống, dù chỉ là để tĩnh dưỡng. Ngọc chết vì bệnh lao.

Những ngày đầu tiên ở Saigon Thúy cũng cảm thấy khuây khỏa đôi chút. Ba đứa em trai Thúy đã đưa nàng đi xem những phim mới nhất, hay nhất, và đi nghe nhạc tại khắp các phòng trà ở Đô thành. Chúng kể cho nàng nghe vô số chuyện về các ca sĩ mà chúng đã từng đọc qua các báo. Nhưng chỉ được vài tuần, bây giờ chúng đã phải trở lại bài vở học hành để sửa soạn ngày khai trường. Mỗi tối, cơm nước xong, chuyện vãn một lúc, rồi chúng ra cả bàn học. Thúy trở lại những giờ phút cô độc. Nàng lên phòng riêng đứng bên cửa sổ, nhìn xuống con đường yên tĩnh vắng vẻ với

những khoảng tối mênh mông, những ánh đèn nhỏ nhoi, chẳng khác gì những con đường cô quạnh trong thành nội xứ Huế. Nàng bắt đầu nhận thấy cuộc sống ở Saigon cũng chẳng có gì thi vị hơn. Nhưng trở về Huế lúc này thì nàng chưa muốn. Nàng không có một ý nghĩ gì rõ rệt. Nhưng có lẽ nàng đang mong ước có một sự gì xảy đến. Vui hay buồn không biết. Ít ra cuộc sống đỡ tẻ nhạt hơn.

Có tiếng dép lê ngoài hành lang. Thúy nhận ra tiếng chân của bà cô. Bà dừng lại trước phòng Thúy khẽ quay nắm cửa rồi hỏi vào:

– Chị Thúy ngủ chưa?

– Thưa cô, chưa ạ.

Nhận ra bóng Thúy còn đứng trước khung cửa, bà đưa tay bật đèn, vẽ mặt

không bằng lòng. Nhưng bà vẫn ngọt ngào:

– Sao con lại đứng một mình như thế. Chưa ngủ thì xuống nhà ngồi chơi với cô. Cứ vò vố một mình thế, buồn chết. Cô không bằng lòng con rầu rĩ như vậy đâu.

Thúy bật cười:

– Nhưng cô nhìn xem, con có buồn đâu.

– Ừ nhưng xuống nhà ngồi với cô. Hay con muốn đi chơi đâu thì bảo bác tài lấy xe đưa đi. Phải hoạt động lên mới được.

Thúy đã từng nghe bà nói những lời đó nhiều lần từ ngày vào đây. Bà muốn Thúy phải hoạt động, xong chẳng bao giờ để cho Thúy nhúng tay vào một việc gì

trong nhà. Bà còn giữ ý, sợ mang tiếng là gọi cháu vào chơi mà lại bắt nó làm. Hai chữ « hoạt động » của bà chỉ có nghĩa là đừng có đứng ngồi một chỗ.

Chiều ý cô, Thúy với chiếc áo trên mắc:

– Vâng, xin phép cô, con đi chơi quanh một lúc vậy.

Bà vui vẻ:

– Phải đấy, để cô bảo bác tài đưa con đi dạo dọc bờ sông hứng gió cho mát rồi về cho dễ ngủ.

– Cô để con đi bộ. Con đi quanh mấy phố gần đây thôi.

– Chị đi một mình sao?

Thúy mặc áo, làm bộ tươi cười hồn nhiên đáp:

– Con hai mươi hai tuổi rồi, cô tưởng còn bé lắm sao mà chẳng đi một mình.

– Nhưng... đường phố vắng lắm

– Vắng có một quãng phố nhà thôi, chú ra đầu đường kia xe cộ rầm rập, người đi lại đầy ra, lo gì!

✱

Thúy đi về phía đường Tự Do. Nàng khoan thai đếm từng bước, thơ thần nhìn cái bóng xoay quanh người trên mỗi ô đèn. Thỉnh thoảng một chiếc xe hơi vun vút từ xa chạy tới để rồi chậm lại khi ngang qua Thúy. Không nhìn theo nhưng Thúy thoáng thấy có những chiếc đầu trên xe quay sang phía nàng. Thúy không đẹp lắm, nhưng ít thanh niên gặp nàng mà có thể thản nhiên đi ngay, khô-

ng nhìn lại. Thân hình Thúy cân đối, nở nang, khuôn mặt trái soan, đôi mắt mơ mộng dưới khuôn mày rõ nét vòng như một vành trăng.

Lại một chiếc xe lướt tới, chậm lại, chậm hẳn lại. Thủy nhận ra chiếc Peugeot đã đi qua hồi nãy. Nhưng lần này chiếc xe rạt vào bên đường rồi đỗ lại. Một thanh niên bước xuống, dáng người cao lớn, chững chạc, y phục trang trọng. Thúy vội bước lên hè đường mặt nghiêm trang nhìn thẳng. Người thanh niên vẫn thản nhiên đi lại phía Thúy. Tới trước nàng, hẳn nghiêng đầu vồn vã:

– Xin lỗi cô Thúy.

Thúy ngạc nhiên dừng lại. Nhưng chỉ thoáng một giây, nàng đã nhận được Trọng. Nàng mỉm cười đáp:

- Lâu lắm mới lại gặp anh.
- Tưởng Thúy đã quên tôi.
- Có lẽ thế. Nhưng gặp thì nhớ lại ngay.

Trọng nhìn Thúy như dò xét xem đó là lời nói tinh nghịch hay thành thật. Nhưng anh không đoán được, bèn cười xòa:

- Thúy đi đâu thế này? Tôi đi cùng được không?

Thúy cất bước, nhìn xa xôi và đáp ngập ngừng:

- Không biết nữa.

Trọng đi theo sánh bên Thúy.

- Thúy vẫn khó tính và vẫn đẹp như dạo nào.

Thúy mỉm cười. Nàng đang nhớ lại một vài hình ảnh từ năm năm trước.

– Hồi này anh không còn ở trong Quân Đội?

– Số tôi có sao Thiên Mã Ngộ Hình chiếu mệnh nên còn nặng nợ với nghề binh. Hôm nay về phép nên mặc thường phục.

– Anh mặc quân phục trông... khỏe mạnh hơn,

Trọng hiểu rằng Thủy nói vậy vì nàng đã tìm thấy những kỷ niệm cũ. Hồi ấy, Trọng phục vụ ở một đơn vị đóng ngay tại đô thị Huế. Vì quen với một người anh họ Thúy nên Trọng đã được giới thiệu với Thúy. Hàng tuần, mỗi chủ nhật là Trọng có mặt ở nhà Thúy. Suốt hai tháng trời, anh đã có nhiều dịp để

tỏ tình yêu với Thúy, một tình yêu si mê nhưng nhút nhát. Cho đến ngày đơn vị rời khỏi Huế, Trọng mới dám đánh bạo nắm lấy bàn tay trắng ngần nhỏ nhắn của Thúy, thì nàng lại gỡ ra, tử tốn nói:

– Đừng làm thế anh Trọng.

Trọng ngây dại đáp:

– Anh yêu Thúy.

– Thúy biết vậy. Nhưng Thúy muốn chỉ người chồng Thủy sau này mới là người đầu tiên nắm tay Thúy.

Và nàng cười:

– Thúy nệ cổ quá phải không?

Trọng nhìn thẳng vào mắt Thúy:

– Anh sẽ xin cưới Thúy.

Thúy bình thản nhìn ra chỗ khác.

Suốt năm năm qua, đã bao lần Trọng đau lòng nhớ lại cái nhìn đó. Trọng khẽ thở dài:

– Dù sao những ngày ở Huế đối với tôi vẫn đẹp...

Hai người đã đi tới ngã tư đường Tự Do. Trọng đề nghị:

– Mình sang đường bên kia.

Họ đi về ngã Vương Cung Thánh Đường. Khu phố này vắng ngắt, nhiều bóng tối hơn ánh sáng, nhưng thoáng gió hơn. Tà áo của Thúy bay lên vướng vào người Trọng. Hai người cảm thấy gần gũi hơn. Thủy nói:

– Phố xá Saigon cũng chẳng vui hơn Huế.

Trọng bắt lấy cơ hội:

– Saigon vui nhiều chứ. Tại Thúy chưa tìm ra những chỗ vui đấy thôi. Tôi lấy xe rồi ta đi chơi một vòng nhé?

– Để hôm khác được không?

Trọng đáp chậm rãi:

– Sáng mai tôi hết phép rồi.

✱

Thúy yên lặng. Trọng quay lại lấy xe...

Hơn mười hai giờ khuya chiếc xe mới trở về chỗ cũ, dừng lại ở một bóng cây. Tiếng động cơ ngưng nổ, đèn xe phụt tắt. Thúy nhìn Trọng mỉm cười vui vẻ, thành thật hồn nhiên:

– Cám ơn anh đã mang lại cho Thúy

một buổi tối thật vui. Lâu lâu Thúy mới lại thấy vui như hôm nay.

Trọng lảng lạng nhìn Thúy, cái nhìn si mê ở Huế ngày nào. Thúy cảm thấy bị quyến rũ. Nàng bối rối, hai gò má nóng bừng.

Trọng nhẹ nhàng nâng bàn tay Thúy lên, bàn tay mềm mại nhỏ bé. Thúy không còn tự chủ được nữa. Nàng cảm thấy vai nàng nằm gọn trong cánh tay Trọng và nàng ngã đầu vào ngực Trọng. Chưa bao giờ nàng được hưởng một cảm giác say sưa như thế, dù là những lúc gần Ngọc, người thanh niên quá hiền lành mê sách vở hơn cả tình yêu.

Khi Trọng buông tay ra, Thúy bàng hoàng tưởng như vừa mất một cái gì. Nàng nói, giọng đầy lo ngại:

- Ngày mai anh đi rồi sao?
- Sáng mai, khi Thúy chưa thức giấc anh đã rời khỏi Saigon.
- Bao giờ mới có dịp về?
- Chưa biết, nhưng chắc cũng không lâu.

Thúy ngáp ngừng:

- Viết thư cho Thúy nhé!
- Anh sẽ viết ngay khi về tới đơn vị.
- Viết thật dài nghe không?

Trọng mỉm cười khẽ gật, mắt thoáng một vẻ buồn.

Thúy không nhận thấy sự đổi khác đó. Nàng vui vẻ nhắc lại:

- Thúy đợi thư anh đó!

Rồi nàng mở cửa xe bước xuống.

Thúy vào nhà gặp ngay bà cô nàng ra mở cửa. Vừa mừng rỡ, vừa lo ngại, bà hỏi Thúy:

– Sao con về muộn thế. Làm cô chờ sốt ruột quá.

Thúy nói dối:

– Con gặp một chị bạn cũ rủ về nhà chơi nên về hơi muộn.

Xong, nàng tươi cười chống chế:

– Con đã bảo chị ấy là về thế nào cũng bị cô mắng mà chị ấy vẫn giữ, dứt không ra.

Thấy cháu vui tươi hồn nhiên, bà cô nàng yên lòng vui lây. Bà chỉ mong có thế.

Sáng hôm sau, Thúy dậy sớm hơn thường lệ. Hình ảnh đầu tiên đến với Thúy là hình ảnh Trọng. Nàng hình dung ra Trọng trong bộ quân phục ngồi trên chiếc xe Jeep chạy hun hút trên một quốc lộ. Nàng mỉm cười lắng nghe một điệu nhạc vui tươi từ máy phát thanh dưới nhà vọng lên.

Dứt tiếng nhạc, Thúy vùng dậy lại trước bàn gương. Đã lâu lắm Thúy mới lại để ý đến nhan sắc của nàng. Nàng kiêu hãnh tự thấy mình còn đẹp.

Nhưng chợt Thúy cảm thấy lo lắng. Thúy kiểm điểm lại những lời nói, những cử chỉ của Trọng ngày xưa và tối qua. Tất cả, Thúy chỉ thấy ở Trọng một sự si mê thành thật. Thủy tự hiểu mình quá lo xa, và vội xua đuổi nỗi lo ngại vu vơ đó. Thúy trở lại vui vẻ.

Ngày hôm đó nàng cười nói nhiều hơn mọi khi. Nàng không còn cô độc nữa, dù là lúc vắng mấy đứa em. Ngay khi đóng cửa ngồi trong phòng một mình, lại là lúc nàng thấy ấm cúng nhất. Lúc đó nàng được thanh thoi nghĩ đến Trọng với những phút vui tối qua. Giọng nói trầm trầm chân thành của Trọng tại một quán ăn thơ mộng vùng kế cận Saigon còn vang bên tai nàng. Hơi thở của Trọng khi hai người kề vai trong vai trong một tiệm khiêu vũ lịch sự nhất đô thành còn như sưởi trong mái tóc nàng. Chưa bao giờ Thúy thấy lòng mình rạo rực nhiều đến thế.

Trước kia đối với Ngọc, Thúy cảm thấy một sự yên vui bình dị chắc chắn. Bây giờ đối với Trọng, Thúy không còn hiểu được lòng mình nữa. Nhưng có một điều rõ rệt là cuộc sống của nàng sẽ buồn

tẻ vô cùng nếu thiếu Trọng. Thúy mong đợi từng giờ phút lá thư của Trọng để rồi nàng sẽ trả lời, sẽ viết lên tất cả nỗi lòng mình. Thúy sẽ nhắn Trọng trở về. Nàng cần có Trọng.

Đã mười ngày mong đợi, Thúy vẫn chưa nhận được tin Trọng. Đã bao lần nàng ngờ vực, căm giận, rồi lại bào chữa cho Trọng. Nàng tự nhủ có thể thư phải qua quân bưu cục nên tới chậm. Cũng có thể trong một hai ngày Trọng lại có dịp về Saigon nên không viết thư nữa. Nhưng đến hôm nay, ngày thứ mười, Thúy không còn hy vọng gì được nữa. Nàng tức giận đến thù oán với ý nghĩ Trọng đã coi nàng như một người con gái qua đường như bao nhiêu những người gái khác. Gặp gỡ vui chơi trong chốc lát rồi quên đi. Thúy thấy cần phải xa Saigon, dù là trở về Huế với căn

nhà nhỏ bé buồn thiu, để tránh những ám ảnh của một hình ảnh chờ đợi. Nàng xuống nhà vệ lĩ nhớ nhà để xin phép bà cô cho về. Vừa lúc đó tiếng chuông ngoài cổng réo lên. Đứa em Thúy chạy ra rồi mang vào cho nàng một bao thư.

Lá thư đến vào lúc Thúy không còn chờ đợi, không ngờ nó sẽ đến nữa, khiến nàng không dám tin có thật lá thư đang nằm trên tay nàng. Thúy trở lên phòng, khép kín cửa rồi xé bao thư. Nàng hồi hộp đọc những giòng chữ của Trọng:

Thúy,

Anh đã sai hẹn với Thủy, sai đến cả tuần. Không phải anh đã quên Thúy đâu nhé! Nhưng anh có điều cần phải suy nghĩ trước khi viết cho Thúy.

Nhưng ngay sau đó, khi Thúy vừa

đi khuất vào cánh cổng nhà, thì anh tự hỏi: có nên gấp lại và viết thư như Thúy dặn không? Trong tuần qua anh đã nghĩ nhiều để tìm câu trả lời. Sau hết anh đáp như thế này: Sự thật không thể che giấu được mãi. Để người khác khám phá ra thì không còn gì là đẹp đẽ. Tự mình nói ra vẻ đẹp cũng không còn nhưng được bù đắp lại ở chỗ cao thượng. Hôm nay, anh muốn nói với Thúy một sự thật là anh không còn được tự do như những ngày ở Huế. Cuộc sống của anh đã có nhiều ràng buộc khác. Nói điều đó anh không mong được tiếng là cao thượng, nhưng vì...

Yêu Thúy,

Trọng

Thúy gấp tờ thư lại, thản nhiên tưởng như không có sự gì xảy ra. Lòng nàng không còn xúc động buồn đau được nữa...

✱

Ngày tối hôm đó Thủy đáp xe lửa về Huế, cả nhà không ai làm thay đổi được ý kiến của nàng. Mất Ngọc, Thủy còn hy vọng tìm được nguồn vui khác. Nhưng mất Trọng, thật là mất hết. Không còn nguồn vui nào bù đắp lại được. Tốt hơn Thúy trở về với sự bình thản.

Khi con tàu chuyển bánh, Thúy đứng bên lan can cuối toa đưa tay xé nhỏ lá thư của Trọng thả xuống đường sắt. Rồi nhìn lại khung cảnh Saigon buổi tối, nàng khẽ mỉm cười. ...Những lùm

cây đầy bóng tối, những khoảng trời rực ánh sáng muôn màu và những con đường lớn nhỏ của Saigon, đêm đêm đã diễn ra bao nhiêu bất ngờ, đôi khi nhiều thú vị, nhiều khi cũng xót xa... Nhưng dù thế nào, có bao giờ Thúy quên được.

HUY QUANG

Cô Ba

MẶC THU

Xóm lá ấy ở vào một khu ngoại ô thành phố. Trong lúc tất cả những khu ngoại ô khác đã lần lần được trang chỉnh lại thay thế những mái lá bằng mái tôn, mái ngói thì xóm lá vẫn chai lì với bộ mặt buồn thảm cũ. Ở sát cạnh một thành phố tráng lệ, Xóm lá giống như một gã sơn nhân đầu tóc rậm rì lạc giữa một bọn người văn minh luôn luôn nhẵn nhụi và chải chuốt.

Vào mùa nắng, trong xóm bốc lên một mùi hôi rình.

Mùa mưa, đường xóm lầy lội, đất quện vào rác, nhầy nhựa dưới chân. Mặc dầu vậy, dân xóm đã quen, không hề lấy đó làm khó chịu và vẫn sống nhàn như mọi người.

Đó là một xóm nghèo nhất của thành phố.

Dân xóm hết thầy là dân lao động bần cùng. Hạng lao động không có nghề nhất định, chỉ biết đem mồ hôi và sức lực ra đổi lấy bát cơm. Họ thường là cu-li khuân vác ở các bến tàu, đập xích lô V...V...

Vậy mà, một buổi chiều, từ xóm lá phất phơ đi ra một tà áo màu hồng. Cái màu tươi tắn ấy nổi hẳn vì làm nền cho nó là cả một xóm lá xám xịt những mái tranh nâu sùng và rác rưởi đủ loại.

Người đàn bà mặc chiếc áo màu ấy, bỗng nhiên có giá trị của một nàng công chúa lá ngọc cành vàng nào đã lạc bước vào chỗ tăm tối của đám bần dân vậy.

Dân xóm biết ngay, trong một buổi chiều, cô nàng ấy không vì ngẫu nhiên mà qua chơi khu xóm lá!

Ả đã mượn hẳn được một nửa gian nhà để ở. Như thế, nghiêm nhiên ả đã nhập tịch dân xóm.

Thế là, xóm lá từ đấy có một giai nhân, để hãnh diện: “xóm lá có đủ cả mọi hạng người”.

Ả còn trẻ, tuổi chỉ chừng hăm mốt, hăm hai, nhưng vẻ mệt mỏi, chán chường sớm đã lạc trên khuôn mặt nửa non đại nửa già cõi của ả. Ả làm nghề gì, không ai biết. Chỉ biết ả có lệ ngủ rất trưa và

thường đóng bộ cánh lịch sự ra đi từ khoảng xế chiều cho đến quá khuya mới trở về.

Còn tên ả? Anh “Năm xích lô” thường kêu gọn là “cô Ba” mỗi khi có việc gì phải nhắc đến ả. ả muốn một nửa gian nhà của anh Năm.

Từ ngày chị Năm mất đi, gian nhà hai khoang trở nên trống trải thậm.

Vừa may có người hỏi mượn, anh Năm bèn cùng thằng Muộn đưa con trai năm tuổi của anh, dọn vào ở khoang trong mà cho mượn khoang ngoài.

Có thêm món tiền cho mượn nhà, lại đỡ hiu quạnh, anh “Năm xích lô” xem chừng hể hả.

Có người lối xóm tò mò hỏi về cô ả

muốn nhà, anh đáp ngay một cách đáng tin cậy:

– Ngồi giữ két cho một tiệm ăn lớn!

Thực ra, anh cũng chỉ nói đại như thế để giữ uy tín cho người ở đầu của anh, có lẽ cả anh nữa, chớ cũng chưa hề hỏi ngay ả xem ả làm nghề gì.

Anh thầm nghĩ: Hỏi làm quái gì! Miễn người ta trả đủ tiền nhà cho mình thôi, còn có hệ gì tới mình!

Mọi khi, anh Năm đạp xích lô từ sớm đến quăng trưa lại mua cơm đem về cho thằng Muộn ăn.

Buổi nào anh đi dờ một cuốc xe về trễ, thằng Muộn đói bụng khóc mờ cả mắt. Những lúc ấy, ruột anh đau thắt lại. Giá má nó còn thi đấu đến nổi... Thường lệ, mỗi trưa về, nghỉ ngơi với con một lát

anh lại lên xe đạp đi đến tối mới trở về.

Từ ngày có ả đến ở chung, buổi trưa nếu anh chưa về kịp thì thằng Muộn đã được ả cho ăn tươm tất.

Anh Năm được yên lòng hơn vì đứa con đã có người để gởi gắm. ả xem ra cũng người tử tế, mẫn trẽ. Một đôi khi, ả đã đem thằng Muộn ra tắm táp, kỳ cọ cho nó. Anh Năm thấy con được sạch sẽ thì chẳng khỏi cảm động. Một vài lần anh muốn nói đôi câu cảm ơn mà ấp úng mãi nói chẳng nên lời.

Một đằng là đàn ông góa vợ, một đằng là gái hờ hớ độc thân, ở chung một mái nhà, sao chẳng có điều kia tiếng nọ. Có người vui miệng cợt anh Năm:

– Thằng cha này tốt số! Lại sắp có “chị Năm” khác rồi đây!

Anh Năm tức giận mà gạt đi:

– Bậy nào! Người ta khác, mình khác. Nói vậy người ta nghe thấy, còn ra cái quái gì nữa!

À có lần lại sắm cho thằng Muộn cái áo sơ-mi rằn ri xanh xanh đỏ đỏ.

Anh Năm càng thêm kính trọng người đàn bà tốt bụng.

Dân xóm lá vốn không để bụng chuyện gì lâu. Họ đã không còn để tâm tới “cô Ba” của anh “Năm xích lô” nữa.

À đã trở nên một phần tử của Xóm lá.

Nhưng, cho tới một dạo, mỗi chiều khi ả đi làm, dân xóm thấy anh Năm

lại đánh xe đưa ả đi. Khi thì quá khuya, chính anh Năm đánh xe đưa ả về. Khi thì anh Năm đánh xe không về trước.

Dân Xóm lá lại có chuyện mà xì xào bàn tán. Họ bàn tán vì thấy từ đó, anh Năm có chiều dư dả hơn xưa. Đôi lúc anh đã khê khà ly rượu ba xi để ở quán cóc nhậu với khô nướng, vẻ thật nhàn hạ.

Dân xóm cũng thấy anh Năm bớt giờ đập xe ban ngày.

Buổi sáng anh đã có thể ngủ trưa – trưa đến chín hay mười giờ mới uể oải trở dậy.

Người lạc quan trong xóm cho rằng: đôi ấy không chừng mà thành chồng vợ. Đời này, biết thế nào cứ hạp nhãn nhau là được còn có quản chi điều khác.

Vả anh Năm tuy lam lũ nhưng vẫn giữ được thân hình vạm vỡ rắn chắc. Mặt mũi anh cũng không đến đôi chi quá tẻ. Người thế cho ăn mặc bánh bao vào thì ra đường cũng chẳng thua ai.

✱

Cho đến một ngày, dân xóm không thấy anh “Năm xích lô” đẩy xe ra ngõ nữa. Anh bị cảm nặng sau một buổi mưa rồi nằm liệt. Lúc đầu đã tưởng bệnh anh chỉ qua quít nào ngờ ít ngày sau đã trở nên nguy kịch.

Ả ở chung nhà cũng hết lòng chạy chữa thuốc men cho. Có bữa phải nghỉ việc ở nhà để săn sóc người bệnh. Dầu vậy anh Năm cũng chẳng qua khỏi. Một đêm mồ hôi anh toát ra đầm ở thái

dương Anh đảo mắt tỏ ý muốn tìm thằng Muộn. Ắ nọ đẩy thằng Muộn đến cạnh giường cha nó, anh Năm lơ lơ nhìn con, nước mắt trào thành dòng lăn xuống hai gò má. Anh mấp máy môi muốn nói gì với ắ mà không nói được. Dường như ắ hiểu. Ắ gật đầu luôn mấy cái.

Anh Năm xích lô buông tay, nghèo đầu, rồi đi luôn.

Kẻ mượn nhà, bỗng nhiên trở thành thân nhân thực sự của người khuất, đảm đương việc chôn cất.

Dàn xóm, kẻ ít, người nhiều tự ý góp lại, gánh vác đỡ dần thêm vào việc chôn cất người bạn nghèo bạc phước cùng xóm.

Cái xe xích lô, giữa lúc mang áo quan anh Năm ra cửa, có người nhà của

chủ xe đến lôi đi xềnh xệch. Gã còn lăm nhăm phàn nàn: “Không trả xe để cho người khác mượn! Làm xe để không mất cả tuần!”

Người buông hai tay, nhắm mắt nằm xuống, như vậy kể là đã ổn. Nhưng còn kẻ ở lại? Thăng Muộn từ đây sẽ bầu vùi vào đâu mà sống?

Dân xóm hỏi nhau như vậy. Ban đầu họ đã đoán chừng: “chôn cất anh Năm xong thế nào ả cũng cuốn xéo! Ai phải tội nợ gì mà gánh lấy một đứa trẻ như thằng Muộn!”

Nhưng không ả vẫn đi về lối xóm như nhịp cũ, vẫn chiếc áo màu phất phơ lạc điệu trên đám sinh lầy.

Thằng Muộn vẫn được ăn. Thằng Muộn vẫn được tắm.

Dân xóm lấy làm lạ.

À chưa nghĩ hay không nghĩ đến chuyện bỏ thằng Muộn lại một mình? Nào ai biết?

Một buổi chiều, ả đã bận xong áo dài, sắp ra đi. Trời lúc ấy muốn mưa. Gió thốc mạnh vào mái lá xào xạc. Mây đen nghìn nghịt trên vòm trời xám. ả nhìn ra ngoài, vẻ mặt buồn thiu.

Thằng Muộn nín áo ả:

– Trời sắp mưa, cô ở nhà với em đừng đi nữa...

ả nhú lông mày khẽ đáp:

– Không đi thì mai lấy gì ăn, hả cháu?

Thằng Muộn thấy nói vậy cũng buồn xo. Lát sau nó lại hỏi:

– Cô đi bán gì hả cô?

Ả đáp cộc lốc:

– Bán hàng chớ bán gì nữa.

Cơn mưa càng tới gần. Ả đi ra, đi vào lẩm bẩm nói một mình:

– Mưa thế này thì mai là chết đói hết!

Thằng Muộn lo sợ hỏi:

– Mưa làm sao mà chết được hả cô?

Ả gắt:

– Không có khách thì chết đói chứ gì? Thằng này cứ hỏi cắc có hoài!

Một vài hạt mưa đã rụng trên mái lá.

Ả cắn môi, rồi bước phăng ra ngõ. Tà áo ả chơi vơi trong ngọn gió như một bàn tay kẻ chết đuối cổ ngoi lên mặt nước.

Thằng Muộn chạy theo ra đầu ngõ chơi với mấy đứa bạn. Lát sau, nhớ ra điều gì, nó ngẩng đầu lên trời van vái:

– Lạy trời đừng mưa! Lạy trời đừng mưa!

Mấy đứa trẻ khác nhao nhao lên bảo thằng Muộn:

– Mày ngu! Mưa vui chứ mày! Tụi mình ra tắm mưa mát ghê, vui ghê chứ! Thằng này thế mà ngu!

Thằng Muộn nghiêm trang trả lời:

– Đ...m... Mưa thì cô tao không có khách là mai tao chết đói! Tao chết thì còn tao đâu mà tắm với tụi bây...

MẶC THU

Mây trắng

TRƯỜNG DUY

hất nghiệp, đói. Tôi đi ngang qua đường Nguyễn thái Học, đem hai áo vào bán rẻ ở khu Dân Sinh.

Trả tiền bữa cơm trưa và mua vài điều thuốc lá để đốt thơm thời gian, tôi còn lại 24 đồng đủ lấy hai chục tờ nhật báo với giá đặc biệt dành cho cổ động viên.

Lục đến tìm tôi từ chiều ở nhà trọ. Mới thấy tôi về, hắn đã vội nhăn mặt:

– Thôi đi ăn, chờ mày, đói bỏ mẹ đi ấy!

Tôi gượng cười:

– Hôm nay tao có những bốn chục tiền bán báo có thể khao bạn như ai.

– Với cá kho và dưa chua chớ gì?

Hai đứa đi lầm lũi dưới mưa. Bóng đêm bơi bắn dấy nhà lá le lói ánh đèn dầu. Ra đến đại lộ, Lục hỏi tôi hai mắt hấn tròn xoe:

– Mày là cái thứ gì mà bị ngoài kia nó đuổi chạy rồi về trong này, mày vẫn sao xuyên công phần? Cứ đi tìm lẽ sống để quyết định thái độ sống như cái kiến bò quanh ly nước, thì mày chết đuối có ngày. Tao nghĩ rằng lãng quên cuộc đời trong những chiếc hôn và da thịt đàn bà là lối nhập thế hợp lý nhất.

Tôi yêu cái chân thật đến độ hơi tàn nhẫn của Lục. Hắn làm cho một hãng buôn ở đây nên có nhiều tiền để bao gái. Đàn bà đi qua trong đời hắn dày như tóc trên đầu. Chả vì ông cụ Lục ngày xưa đã khám phá ra cái số tử vi của hắn: đào hoa phụ tinh song hành. Nhiều lúc lo lắng ông cụ thường bảo Lục:

– Có học chữ thánh hiền con mới lấy cái tâm trị cái tướng được!

Nhưng lúc lớn lên, Lục bận rộn còn trí óc đâu mà nhớ nổi những cái “Khổng Tử viết” nữa chứ!

Tuần trước, tôi đến thăm Lục khi người con gái có dáng nữ sinh vừa bước ra khỏi cửa phòng hắn. Lục còn nằm dài trên giường, mình vận mỗi chiếc quần lót cũn cỡn. Hắn cười, cái cười thỏa mãn:

– Những cảm giác mới mảy ọ. Thay đổi. Và tao cũng cách mạng ở khía cạnh này chứ. Con ngựa không bao giờ chịu ăn trong đồng cỏ xưa cũ. Tao không ý niệm nổi tình yêu. Chỉ có những cảm giác, những xúc động.

Tửu lâu sáng kiêu kỳ.

Lục so sánh thang máy chạy rì rì với nhà tù cuộc sống lưu động Hà Nội – Sài Gòn và còn đi về đâu?

Nhạc jazz hảo hức.

Tôi vội lướt qua tấm gương và thấy mình xấu giai, hết thời rồi.

Những Vân, Lan, Cúc sẽ có thái độ nào nếu các nàng gặp lại tôi. Tôi ghét ánh sáng sắc màu; chúng nhìn và chửi thảm vào mặt tôi. Muốn tìm về ánh sáng đèn dầu heo hút trong ngõ hẻm.

– Mà ỹ uống gì? – Lục hỏi ỹ.

– Whisky, để tao trốn khỏi hình ảnh một thằng bán báo.

Giọng Lục chua chát:

– Ai bảo mà ỹ không đi làm. Văn phòng là lồng son thật, nhưng mà ỹ chịu giam mình vào đây sẽ được gạo trắng nước trong, có phải hơn không?

– Nhiều lúc túng thiếu quá, tao cũng muốn thuận theo luận lý ấy song tao sợ không còn “tao” trong cái tù túng của một khoảng đời thu hẹp. Kinh nghiệm xương máu về nghề cạo giấy cho tao biết: cứ cái đà ngày hai buổi yên phận đi làm thì có ngày tao biến thành một bộ phận nhỏ nhất không cá tính trong con vật khổng lồ phi lý, là xã hội này.

Sau một vài tợp rượu nhỏ, người

vũ nữ bên Lục có cái nhìn sáng chòng chành như trăng vàng dưới ao thu gợn sóng kia. Tôi mượn tờ báo của bạn. Cái đề mục một công chức biển thủ hàng mấy triệu đồng đập vào mắt tôi.

– Đời bây giờ sao dễ lắm thằng chó má thế! Tôi nói để trút tức giận.

Lục nheo mắt nhìn tôi, môi dưới dưới hằn trề ra khinh khỉnh:

– Đừng lên mặt đạo đức mày ơi! Tao sợ có hoàn cảnh và địa vị như nó, mày còn đốp khỏe hơn nữa cơ. Ai bảo cảnh sống xa hoa nhập cảng vào cái xã hội khủng hoảng lương tâm sau chiến tranh này và nhiều cô nàng bày bày khépkhépk của quý, thì nó mới nổi máu chiếm đoạt những thứ đó bằng mọi cách chứ.

Lý luận của Lục ít nhiều hợp lý.

Không khí xã hội này không xấu, nhưng người xấu đã nhả hơi độc vào không khí đó. Dịch nhiễm độc lan tràn, và tôi, cũng như bao nhiêu người khác, có thể sa phạm rất nhiều tội ác một cách thân nhiên giống người say rượu.

Những vì sao tím lạnh trên trời xanh vũ trường.

Từng đôi trai gái dụ nhau đi trong ánh đèn màu diêm dúa. Tôi có ảo tưởng là mình đã sống từ lâu ở nơi này – che đậy những trống vắng, chán chường – bên người vũ nữ đầy đặn nhưng vẫn giữ được những ánh mắt trong sáng. Nàng khoanh tay trước ngực, hỏi lạnh hiên:

– Anh không nháy?

Tôi yêu nàng ngay tiếng nói, không phân tích. Có lẽ tiếng nói nàng đã là phản ảnh tổng hợp của một tâm trạng

chân thực. Nàng không đóng kịch ân ái đầu mày cuối mắt hay quý phái kênh kiệu như nhiều vũ nữ khác. Tiếng nói nàng êm ngoan tròn trĩnh giống bộ ngực nàng. Tôi định nói với nàng ý nghĩ ấy nhưng lại thôi, và trả lời câu hỏi:

– Tôi hay tìm cái vui thú ích kỷ trong đêm: ngồi nhìn thiên hạ chảy lượn theo sóng nhạc. Vì thế mà không bao giờ tôi chịu học nhảy.

Nàng mở to mắt yên lặng.

Nửa đêm về sáng, vũ trường sẽ quảng tôi ra ngoài đựng đầu với thực tại trần trụi. Tôi không muốn thế và tình nguyện đắp đê ngăn giòng thời gian lại. Cứ ngồi ở góc bàn chênh chếch nhìn lên dàn nhạc này, tôi hiện hữu giữa thế giới bùa ngải mà lòng thì bỏ ngỏ tựa bến tàu đêm vắng.

Ánh đèn nhảy sang màu xanh lơ dờn dợn. Tiếng trompette vào blues xé đau. Tôi xô người vũ nữ chạy trốn cảm giác nhói tim. Đèn đường ủa dọi vào mắt tôi hốt hoảng ngu dại. Thành phố ngái ngủ, lười biếng. Gót giày tôi bé nhỏ không khua động nổi nó. Chỉ còn hàng cây lay động thao thức, gần gũi tôi. Cám ơn. Tôi vào một quán nước. Cô chủ quán ngồi thu mình sau quầy hàng rộng. Đôi tình nhân nhỏ to ở một bàn nhờ tối góc phòng. Đuôi tóc người con gái thỉnh thoảng nguẩy vui. Tôi uống vội ly nước chanh già rượu rồi bước ra ngoài. Kỷ niệm trôi dạt sờ sờ.

Cha tôi bị trói vào cột sắt bên đường hỏa xa đổ vỡ. Họng súng đen ngòm độc ác. Đạn bắn vào trái tim nhưng không giết chết được trái tim giàu rung cảm. Cờ đỏ nhảy múa trong bữa tiệc thịt người.

Những tiếng hét: “Đánh tan xác nó đi” nhọn hoắt ủa chọc vào túp lều tranh bên cạnh chuồng bò. Mẹ tôi hấp hối không thuốc thang cơm áo. Tôi muốn cho mẹ tôi về châu Chứa ngay để khỏi bị giải ra đấu trường. Ngang trái chông chênh. Vào khuya mẹ tôi trút linh hồn theo cha tôi, gần một năm sau. Chị Hành ngất thương ôm lấy tôi và em Tiêu mà khóc:

– Chị sẽ thay mẹ yêu các em. Chị là Mẹ! Là mẹ!

Nước mắt chị đến bây giờ vẫn còn ước mát má bên phải tôi. Tình yêu không khô cạn.

Tôi trở về nhà trọ, úp mặt lên gối như đã úp mặt lên ngực mẹ tôi ngày mẹ chết.

✱

Em Tiêu đi làm ngoài Quảng Ngãi. Tết năm rồi anh em chúng tôi không được gần nhau. Tiêu ốm thương hàn. Thả hấn vào đời với đôi cánh non, tôi phải chịu phần lớn trách nhiệm về mớ tóc hấn rụng. Nhiều khi nghĩ đến tương lai của em mình, tôi định hy sinh những riêng tư để xây dựng cho hấn nên người. Tiêu buồn và cảm thấy rằng chỉ giữ trọn được niềm kính yêu đối với tôi nếu hấn đi xa. Lang thang hồn Do Thái. Tiêu ơi! Anh sống ích kỷ co rút như một con sên. Tiếng nói tôi ồ đục tội lỗi đáng vứt xuống cống rãnh thành phố.

Mới đây Tiêu viết cho tôi: “... là em mà em cũng chả hiểu nổi anh.” Mỗi người là một phức tạp với trăm ngàn khía cạnh rất “tĩnh vật”. Em chỉ cần nhớ mỗi điều:

anh yêu em cháy bỏng từng giây đồng hồ cũng đủ.

Những dòng máu tôi dồn xuống
mấy đầu ngón tay, thấm truyền qua ngòi
viết và nhỏ tình cảm dằng dặc:

Không thầy mẹ, thiếu tình chị ở ngoài
kia, anh yêu em hơn mực độ thường của
một người anh. Anh là thầy mẹ, là chị ở
cái nghĩa thâm tình nhất. Buồn cho kiếp
sống lận đận của chúng ta, anh tâm sự
thế nào để em thông cảm đúng độ tủi
đau, yêu thương trào lòng của anh đây?
Tiêu ơi!

Anh đói nghèo vật chất nhưng giàu
có tình cảm; ôm ấp lấy hình ảnh đứa em
máu thịt, bằng tất cả tấm thiết điền mê
sâu nhớ vời vợi. Yêu thương cố gắng
cho chúng ta cái trưởng thành triệu phú
giữa khổ đau.

Tôi lấy Huyền bằng rắp tâm phản bội của một thằng đàn ông. Ôm nàng như ôm một nhu cầu sinh lý giai đoạn. Huyền đã là đàn bà, nàng chỉ còn đẹp. Cái duyên xinh ra đi sau đêm tân hôn. Hình bóng những người con gái khác quyến rũ tôi bội phần. Nhà ga yên mát không ràng buộc nỗi con tàu khát nẻo đường muôn phương. Một sớm nào, bánh xe sẽ lăn trên đường “rầy” mới. Mùi-soa sẽ thay tôi an ủi nước mắt Huyền. Tóc nàng thơm ngai ngái. Giấc ngủ trưa vui tôi êm ả. “Dans un mois, dans un an, tu ne m’aimerais plus » ám ảnh. Tôi vùng dậy. Cái đùi trắng chắc của nàng gác nặng định mệnh lên người tôi. Thèm miếng bí-tết nằm chung với rau xà lách xanh nõn. Tôi nhìn cái bụng nàng hơi khang khác. Chứa đẻ. Đứa bé đỏ hỏn góp mặt

với loài người, Tôi sẽ nhận thêm một liên hệ hay không gì cả, nếu tôi còn chưa trách nhiệm nổi lấy mình. Nặng lén lút vào nhà. Giấc mơ ùn tới. Huyền ú ớ. Có lẽ nàng đã chụp được con người tôi trọn vẹn.

Đi dưới bóng cây ngoài vườn, tôi không còn cảm thấy râm mát khi nghĩ rằng tội lỗi của tôi đã được bóng cây che đậy đi rất nhiều. Phiêu lưu ích kỷ vào tâm tình kẻ khác rồi trốn tránh. Cuộc hành trình nửa chừng phải dừng lại. Không một người tài xế nào chịu đậu xe, đón tôi đi làm chuyến đi mới. Tri giác hành hạ tôi. Nhưng Huyền vẫn nhìn tôi âu yếm, điều ấy làm cho tôi đau khổ nhất. Ngày mai chưa đến, đừng vẽ nó bằng ngón tay phù thủy. Tôi phải làm lại cái hiện tại này trước đã! Cho Huyền và đứa con máu thịt tương lai chúng tôi.

Mấy ngày sau. Huyền ra đi. Nàng để lại cho tôi một bức thư, nét chữ run rẩy xúc động:

—... Thời đại chúng ta thích làm những thí nghiệm chưa xót. Tình yêu không thể là một hóa hợp như khinh khí và dưỡng khí ở trong hiện tượng nước chẳng hạn, và dễ gì mà phân tích nổi tình yêu. Nó không đơn giản trong sự liên kết của hai thể xác, mà còn tế nhị hơn ở một đồng tình dâm hiến, một “sự gặp được mình » nơi người yêu.

Một mùa đông, cái trầm lặng của anh đã dội nước lạnh giá lên hồn em. Anh chỉ yêu một thân tượng nào đó qua em thôi, và trước sau gì rồi anh cũng sẽ thất vọng, nếu em mất cái khả năng cảm thông giữa anh với thân tượng. Không giận hờn, em cho anh tất cả vì nghĩ rằng tình yêu có bền vững hay không quan hệ bằng lòng

thành thực trong tình yêu.

Nhưng anh đã « không gặp được mình » ở em rồi. Quyết định « trung thành » của anh chỉ là một thứ tình thương – không yêu! – Nhìn xuống em và đứa con mai ngày. Em còn nhìn trời cao vời vọi với ý định trần tục hóa thiên nhiên, thì em không thể nào chung sống với anh được — mặc dầu vẫn yêu anh tha thiết – để tự ái em ngày thêm quặn đau.

Em ra đi với hình ảnh vẹn đầy và cái thai – không, tình yêu chúng ta hiện thực. Khinh ghét, đổ vỡ nào có đất đứng trong liên hệ chúng ta, phải không anh nhỉ? Em bằng lòng hy sinh cái phụ thuộc có giá trị tương đối để ôm trọn phần bất biến có giá trị vĩnh cửu. Muôn đời em là của anh...

Tôi không còn đủ bình tĩnh đọc tiếp. Khát. Ly nước chanh đêm nào dưới

thành phố. Mồ hôi hay nước mắt? Chúng không giúp tôi giải quyết được gì. Tôi lên đây không ham muốn, như đã lấy Huyền. Bắt giắc quan chạy theo luật đi đường nhà nước. Đèn đỏ ở một ngã tư. Bế tắc. Nó gục ngã trước khi đèn xanh mở mắt. Những người con gái đi đường không thèm nhìn cái xác chết. Tiếng guốc khua chói trong đầu tôi. Tình cảm rữa nát. Còn lại một mớ nhầy nhụa sống sượng không tên gọi. Vài con ruồi xanh bay đến. Bàn tay nhọ mặt. Hơn nữa tội lỗi nào đếm được trên đầu ngón tay, ý thức tôi là cái bóng chủ quan của thực tại? Mỗi chúng ta là một hòn đảo, giữa đại dương loạn sóng, quên tín hiệu để liên lạc với nhau? Hay một cái gì đại khái như khúc ruột lòi của thằng Khoan bị máy bay Pháp bắn?

Hàng mận không còn quả. Trơ trẽn.

Lâu lắm mới đến mùa khai hoa. Đất đỏ sau cơn mưa thấm đẹp dính nhựa. Sao nó không bám giữ lấy gót chân Huyền?

Cảnh sống ô ạt luật mạnh được yếu thua của rừng rú. Biết đâu tấm thân mảnh mai và cặp mắt ngơ ngác như nai vàng kia lại không sa vào cạm bẫy? Huyền có thể thuận nhận đắng cay và hy sinh mình vì con.

✱

Vẫn người phát thư già hôm trước đến. Tôi nhận được hồng thiếp của Lục và những dòng chữ vội vã, hẩn viết cho tôi trên giấy màu xanh nhạt:

... Bạn rộn về những ngày vui sắp tới, tao không thể viết dài cho mày. Tao lấy Phượng và yêu nàng, yêu đích thực. Trước đây nhìn tình yêu, tao đứng ở vị

trí lạc thú tội lỗi, háo hức tìm kiếm cảm giác, nên tao chán mùa thay đổi. Đời tao thành vô nghĩa không có kỷ niệm. Giờ thì tao biết được rằng toàn vẹn con người — cả tinh thần — đều tham gia trong tình yêu. Tình yêu là một thực thể linh động lại hàm chứa nhiều huyền nhiệm; không chắc gì tao và Phượng đạt được trong cái toàn thể rộng lớn của nó.

Tao không yêu Phượng vì ngực nàng căng mọng hai chùy nho chín, vì môi nàng, cái nốt ruồi duyên dáng bên má trái, — nghĩa là tao không yêu Phượng như một phương tiện; bữa cơm tám giờ chả ở Quốc Hương, — mà tao yêu Phượng vì nàng là người bạn đường thiết thân cùng đi với tao về một hướng, cùng tiến lên một « chóp núi », trên đó chúng tao lại hôn nhau.

Mày cũng nên thành thực yêu một người và cưới nàng, Vân chẳng hạn. Thành quả đòi hỏi ở mày những hy sinh.

Lục « chinh » lại được tư tưởng. Cánh thư này là bằng chứng hẳn đã tìm được dòng suối. Tôi biết lòng hẳn tốt muốn cho tôi có vợ con để cuộc sống được ổn định và có thể bình tĩnh ý niệm sự đời hơn. Chứ tôi lang thang mãi thì tâm hồn tôi càng bơ vơ, bước chân thêm mòn mỏi.

Trở về Saigon, tôi xuống xe khi cơn mưa trái mùa vừa ngớt. Thành phố lạnh nhạt. Đường ngập nước. Tôi đi bộ về nhà trọ. Đôi giày ướt sũng. Khói thuốc không ấm lòng. Những người trong xóm nhìn tôi dò hỏi: Sao ra đi, sao trở lại? Tôi cũng đang hỏi chính mình như vậy nhưng không tìm thấy câu trả lời. Đi là để thay đổi một không gian ngọt ngào và

quay lưng lại với thời gian đằng sau. Lời giải thích ấy trở nên ngớ ngẩn trong sự có mặt của tôi hôm nay ở căn gác cũ. Bà chủ nhà trách tôi ít viết thơ cho bà. Tôi phân trần để bà rõ là tôi không muốn « ngoại giao » với những người làm ơn cho tôi trong khi lòng mình trống rỗng. Bà yên lặng lên sập ngồi nhai trầu. Tôi vào buồng tắm. Gáo nước lạnh mát dội lên đầu; bức dọc tôi như bốc hơi. Ý nghĩ đẩy về một dòng suối.

Không tìm được giấc ngủ, tôi đi xuống phố. Làm quen lại với bát phở tái. Giá ở đây có cái lạnh cuối đông hàn độ, có phải bát phở ngon và ấm biết mấy. Tôi lên đường Lê Lợi. Những thơ văn có giá trị nằm phơi ở trên vỉa hè. Tôi đi tìm người bán giấy số. Nếu trúng độc đắc, tôi sẽ mua hết những tác phẩm ấy về nâng niu chúng trong hy vọng mùa xuân. Vào

một rạp chớp bóng thường trực. Phim rỗng và nhạt. Đèn bật sáng, tôi rời khỏi ghế. Không còn gì ngoài hình ảnh những cái mông và ly rượu mạnh sủi bọt. Nhạc vẫn hồi hả kêu mời. Người vào chưa mang cái tâm trạng của khán giả đi ra.

Saigon tấp nập chuẩn bị tết. Đại lộ Nguyễn Huệ giống như một rừng hoa. Mai vàng cao nguyên không gọi cảm. Hoa đào miền Bắc hé môi hồng phơn phớt đã ăn nhập vào tim máu tôi tự kiếp nào. Tôi thầm nhớ: Từ ngày tôi lớn khôn, mùa xuân chưa đến với tôi một lần; tâm hồn tôi héo hắt nhuộm buồn lên cả mùa xuân ba tháng của vũ trụ khách quan. Chỉ có những tháng xuân vội vã qua đi trong tôi khi nụ cười tắt, ánh mắt đẹp rời xa và tin yêu nằm xuống.

Vân đến, một thoáng gió bàng hoàng ngoài kia. Có lẽ Lục cho Vân biết chỗ tôi ở. Vân hỏi mượn một cuốn sách và nói nhiều về Thành, anh nàng. Thành cũng là bạn thân của tôi. Đôi lúc tôi nhìn vào mặt Vân thật lâu, tìm kiếm. Căn gác thiếu ánh sáng. Văn ngập ngừng:

– Anh không bật đèn?

Tiếng tôi thiết tha như trong giấc chiêm bao:

– Để giữ lại trời chiều có mây mùa xuân trắng đẹp, Vân ạ.

– Cám ơn anh – Vân thăm thì. Lòng mày Vân cong vút vô hạn.

Chúng tôi không nói gì thêm với nhau. Vân ra về, vành môi Vân nở sáng bối rối.

– Các em nhỏ đang nhà nhắc nhiều đến anh trong mấy ngày Tết.

Tôi mỉm cười cảm động. Một điệu nhạc quen thuộc nào đó thoát ra đầu đây. Trời bịn rịn. Tôi buồn nghĩ mình không còn xứng đáng với lòng Vân.

TRƯỜNG DUY

« Sáu riêng »

MẶC ĐỖ

Người vũ nữ ngồi xuống ghế sau cái trao tay mềm và ướm át kèm một miệng cười không biết rằng thành thật hay quá thành thạo. Đã hầu thành một cái lệ, câu nói đầu tiên của Nường sau khi ngồi xuống ghế cũng là một lời nhắc: « Anh đã gọi Hà chưa? » Giữa những người con gái chuyên nghề giúp quên cho những kẻ đàn ông mỗi đêm có cái tật đi tìm một không khí vũ trường quen thuộc vẫn có, từng bọn một vài

người, một lối tỏ tình đoàn kết trên lưng kẻ muốn tìm quên như vậy. Sự vùi vĩnh cũng còn được coi như một dấu hiệu của sự đắm thắm. Kẻ đàn ông hẹp gì mà không nhận. Nhưng có thêm Hà, câu chuyện bao giờ cũng cứ loãng đi. Khổ sở nhất là mấy người bạn của tôi, họ chưa bao giờ chịu công nhận rằng mỗi chuyến du hành lại cứ phải đèo thêm một toa than nặng nề, đen đũi theo sau.

Sự ví von kẻ cũng tàn nhẫn vì Hà không đến nỗi xấu lắm. Không xấu, không đẹp, tạm có đủ những khả năng nghề nghiệp, nhưng Hà có cái tội vô duyên, vô duyên nhất là những lúc Hà muốn làm duyên. Giữa cái vòng tròn nhỏ của chúng tôi ở một góc vũ quán, đêm nào Hà cũng cố gắng làm duyên nhiều nhất! Sự có mặt của Hà lâu dần thành quen đi. Chính Thái, tác giả của sự ví von

tàn nhẫn, có hôm đã mau miệng đọc cả tên Hà trong bảng danh sách những cô gái mà cô cai gà bé nhỏ, tròn lẳn, sẽ dẫn tới cho chúng tôi.

Quá thân với Nường, riêng tôi còn phải đeo thêm cả toa than vào những chuyến đáng lẽ chỉ có hai người tách lẻ đi tìm một quán ăn nào. Hà ngự trị vào giữa chuyện riêng tư của người khác, chiếm lấy một phần đất cho mình, ngang nhiên đến một độ trơ tráo. Thái đã trách tôi rất đúng là mềm yếu quá, dễ để cho hoàn cảnh chèn lấn. Riêng tôi, tôi không thể từ chối một cách tàn nhẫn. Hơn nữa tôi lại cho rằng có thêm một toa than cuộc du hành của tôi với Nường sẽ không quá xa. Du hành để tìm quên, có, định tới một thị trấn nào đâu.. Bởi mềm yếu và lúng lờ như vậy, tôi để mặc cho Hà biến thành một thứ Hồng nương,

một cái trạm bưu điện thôn nhận hết thấy những liên lạc bất tiện giữa Nường và tôi mà trật tự xã hội bên ngoài không công nhận. Có nhiệm vụ giao thông, Hà càng để cho cái đức xâm lăng của mình bành trướng như cỏ hoang. Nơi làm việc của tôi không còn hàng rào đối với cô gái không xấu, không đẹp, vẫn tự nhận là em gái tôi nữa. Tôi cũng không còn ngạc nhiên mỗi khi ở ngoài về thấy Hà đã ngồi đó đọc một cuốn sách hay đương tò mò lục lọi trong mớ những sách vở, hồ sơ xếp quanh phòng.

Nhưng một hôm Hà đã khiến tôi ngạc nhiên: Hà ngồi khóc rã rượi tay cầm một bức ảnh.

Sáng hôm đó tôi đương làm việc thì có chuyện gấp phải xuống phố. Vội vàng ra đi, tôi quên không khóa cánh tủ đựng những tài liệu, kỷ niệm riêng. Hà đến,

tất nhiên đã tò mò lục lọi trong cái tủ mà thuở nay vẫn khóa.

Tôi ngạc nhiên mà cũng bực mình nữa, vì để tính cũng chỉ có thể tới một chừng mực nào. Soi mói cả vào những ngăn kỷ niệm riêng của người khác là một tội không thể tha thứ được, mà kẻ vi phạm lại chỉ là Hà. Trông thấy tôi Hà nức nở khóc. Tôi vốn ít tàn nhẫn nhưng không khỏi có một cảm tưởng khinh mạn trước một người con gái vô duyên bỗng đứng nổi cơn khóc lóc vô cớ. Hai con mắt Hà rất buồn nhìn tôi giận dữ. Tôi hết ngó Hà lại ngó cái hộp lớn mở tung dưới sàn. Tôi cất ở trong đó những bản thảo, những thư từ, những bức phác họa của Đức, một người bạn thân từ nhỏ, mất tích đã hơn mười năm. Mỗi lần nhớ tới Đức tôi lại tìm được trong chiếc hộp của kỷ niệm những dư vang

của một tình bạn thành thật bạn chỉ gặp có một lần trong đời. Đột nhiên bàn tay xa lạ xâm phạm tới cái xứ vô cùng riêng tư và quý báu của tôi! Tôi giựt tấm ảnh trên tay Hà:

– Cô không có quyền...

Hà níu lấy tay tôi, càng khóc dữ:

– Sao anh bảo em không có quyền? Em có quyền nhớ anh Đức lắm chứ. Anh Đức của em... Anh cho em bức hình của anh Đức đi, đừng đòi lại, tội nghiệp!

Tôi không đáp, lẳng lặng xếp bức ảnh vào trong hộp, sập mạnh cánh tủ và khóa kỹ. Tôi bỏ chùm chìa khóa trong túi rồi ra đứng bên cửa sổ ngó ra đường. Tôi đứng rất lâu, chờ mãi cho cơn giận lắng xuống. Khi tôi quay trở vào thì Hà đã bỏ đi từ lúc nào. Tôi tạm niệm từ nay

có vội vã đến đâu cũng dừng bao giờ quên không khóa cánh tử kỷ niệm.

Mãi bực mình vì có kẻ xâm lấn vào thế giới riêng tư của mình tôi cũng không tự hỏi tại sao Hà lại quen Đức, quen đến độ nức nở khóc, khi trông thấy tấm hình của Đức. Một người con gái dù có vô duyên đến đâu không lẽ thốt khóc lên được cũng chỉ vì vô duyên. Bằng đi đến gần một tuần lễ tôi không gặp Hà. Một buổi tối trời mưa, mưa nồm nể đến độ có trùm chăn đi ngủ sớm cũng không làm sao nhắm mắt nổi, tôi đương ngồi phác họa một chương trình xuống đường thì Hà tìm tới.

Hà bỗng dung hiện ra trong ánh sáng đèn, run rẩy, ướt nước mưa có thể ví von với một con chim sẻ lạc từ một buổi giông bão liều bay vào một căn nhà, chợt ta bắt gặp đứng rũ lông trên

khung cửa sổ, ngõ ngác, e sợ. Hà đứng sững, những sợi tóc đâm ướt dán chặt trên trán, bên hai má cao. Cảm tưởng thương con chim ướt đến với tôi sau cảm tưởng đáng bật cười vì cái áo khoác của Hà. Một tấm áo choàng vai bằng lông thú, thú lông thỏ rừng rẻ tiền ngay từ lúc còn mới, màu xám tro, một mùa lạnh nào xa xôi lắm đã là cái mất một năm. Khi cảm tưởng thương con chim ướt đến, tôi đứng lên, toan nắm lấy hai vai Hà dẫn tới ngồi xuống ghế, nhưng tôi bỗng chùn lại, sợ những sợi lông ướt trên tấm áo cũ sẽ rụng đầy trong tay. Tôi nói với Hà:

– Em bỏ áo khoác ra cho khỏi ướt. Lại ngồi đây uống một ly nhỏ là hết lạnh.

Tôi rót cho Hà một ly rượu mạnh, rồi vào nhà trong lấy một tấm khăn lông lớn choàng lên vai Hà ngồi co ro trên chiếc

ghế rộng. Cái áo dài màu vàng bằng thứ tơ nhân tạo mỏng không đủ che ấm cho cô gái trong khi bên ngoài vẫn thê thiết mưa. Hà uống hết ly rượu rồi nói:

– Em chưa ăn cơm, anh ạ. Tính lại rủ anh cùng đi ăn.

Tôi lục trong tủ, đem ra bày trên bàn hết thấy những gì có thể ăn được hiện tích trữ để dành những lúc nửa đêm chợt đói hay buổi sáng dậy trưa ngại ra phố. Tôi oán thầm chú bé rao mì bằng hai khúc tre lóc cóc lúc đó lại không đi ngang. Một tô mì nóng hai vắt với một miếng bánh tôm lớn bày trên chắc sẽ khiến cho con chim ướm bằng lòng hơn. Bề gì tôi cũng ráng tiếp đãi Hà để khỏi phải đi ăn cơm với Hà, nhất là đêm nay.

Một ly nhỏ, một ly lớn rượu chát đỏ, cộng với nhiều thức ăn khô đủ cho Hà

bớt lạnh. Tôi lại khuấy cho Hà thêm một chén cà phê tốc hành và bỏ rất nhiều đường. Hà chột ngẩng lên ngó tôi rất lâu rồi mới nói:

– Em bỏ ăn cơm, lại đây sớm, có mục đích nhất định gặp anh. Em không đi làm tối nay, anh cũng đừng đi đâu... Em sẽ nói chuyện em cho anh nghe...

Tôi ngó ra trời mưa, tự hỏi tại sao một đêm bỗng dưng có lắm tai nạn đến thế. Hà ăn no rồi, tôi sẽ đưa Hà đi làm và sau đó, sau khi hứa hẹn hão với Hà một câu, tôi sẽ đi tìm vài thằng bạn ở một nơi quen thuộc khác, như vậy ít ra đêm nay còn có chút ý nghĩa. Tôi tha thiết đáp:

– Em nên đi làm. Mưa sắp tạnh. Em quên rằng những đêm mưa nhiều khi lại là những đêm đông khách? Mới có

mùng bảy tây thiên hạ đã tiêu hết tiền đâu?

– Đâu có phải tại em sợ vắng khách. Em cần phải nói chuyện với anh về anh Đức. Mãi hôm nọ em mới khám phá ra rằng anh với anh Đức thân nhau...

Tôi lại ngó ra trời mưa. Tại sao chồng chất một đêm nay nhiều xui xẻo cho tôi đến thế. Khi đó tôi mới thưởng thức được hết câu than van « mưa rầu thúi ruột » của cô hàng xóm lúc ban chiều. Mưa như thế này đã ngồi nhà tiếp một con chim ướt, lại còn phải nghe moi móc tới một người bạn thân tôi muốn giữ kỷ niệm cho riêng một mình tôi!

Tôi can Hà, tôi van Hà thì đúng hơn:

– Thiếu gì lúc nói. Chuyện của Đức lúc nào vui hãy nên giở ra. Hôm nay buồn chết.

– Không anh ạ. Chuyện có vui gì đâu.
Đêm mưa thế này mới hợp cảnh chứ.

Tôi nghĩ bụng: Cơ sự đến như thế này, có lẽ phải tặc lưỡi bỏ chương trình ra phố, rủ Hà vào buồng trong thay áo, rồi ráng vào giường nằm ôm con chim ướm, may ra sau có thể ngủ mệt đi được, mặc Hà kể lể. Nhưng ngó Hà có nét mặt nghiêm trọng. cái miệng rộng đầy thiện chí muốn kể một câu chuyện xem chừng quan trọng lắm, tôi cảm thấy không tiện rủ Hà vào buồng trong. Thái đã trách tôi rất đúng là mềm yếu quá, dễ để cho hoàn cảnh chen lấn.

Tôi đành ngồi yên đó. Cái tai của tôi xem chừng chưa tỏ ra có thiện chí nghe xứng đáng với thiện chí kể của cái miệng Hà, nên chi Hà cũng ngồi yên. Tôi thò tay xuống gầm bàn xách cổ một chai rượu mạnh lên. Tôi tự rót và đưa mắt hỏi Hà

có muốn uống thêm. Hà đẩy cái ly cao cẳng để trước mặt tới gần tôi:

– Cho em thêm, hôm nay em muốn say một bữa.

Hà nâng ly rượu ánh vàng phơn phớt lên uống một hơi cạn. Tôi cảm thấy tiếc của: chai rượu phải mua tới hơn bảy trăm bạc, mà khó kiếm mua nữa, uống cho lấy say như thế có phải uống không! Tôi thò tay xuống gầm bàn, xách cổ một chai rượu khác đặt trước mặt Hà, không biết giọng nói có dần dỗi hay không:

– Em ráng uống cho hết chai này đêm nay!

Hà cười, cái miệng cười buồn nhưng rất rộng, lộ cả hai hàm răng:

– Nghĩ nhớ tới anh Đức có thể hết được lắm, anh ạ. Trong đời em chỉ yêu

có một người. Yêu mà chẳng được yêu, có thể chết đuối trong bao nhiêu chai ấy chứ.

Tại sao Hà không chết đuối ngay giữa cơn mưa ban nãy cho tôi đỡ khổ? Tôi bèn phải giục Hà, cho mau xong chuyện đi:

– Cơ sự đau khổ làm sao thì kể đi cho anh nghe, rồi sau có chết hãy chết.

Hà nguyệt tôi bằng một con mắt hết sức “cổ điển” trong giới các đồng nghiệp của Hà, rồi hỏi:

– Anh thân với anh Đức, nhưng anh có biết em quen với anh Đức trong trường hợp nào không?

Tôi có giữ rất nhiều kỷ niệm của Đức trong ngăn tủ ở phòng làm việc trên gác. Đức cũng kể cho tôi nghe nhiều chuyện

về mình. Thật tình, cho tới ngày Đức mất tích, tôi chưa hề biết Đức có một mối tình có trao đổi nào. Công việc đã chiếm mất hết ngày giờ của anh chàng thanh niên giàu tình nhưng quá bận. Tôi đáp lời Hà cho qua chuyện:

– Sao lại không biết? Một bữa chàng lang thang vào một vũ quán: Khâm Thiên, Hàng Bông; Vinh hay Chợ Lớn, rồi gặp nàng, nàng thì mê và chàng thì bận công việc. Chàng đi, còn nàng ôm mối tình già cho đến hôm nay...

Hà chu chéo lên, mắng mỏ tôi bịa chuyện. Rồi Hà trở lại buồn buồn, nói tiếp:

– Em ngã vào cái nghề này mới độ nửa năm nay, các anh ấy chẳng chê em dở là gì. Ngày xưa, em không đến nổi...

Bất cứ một nàng vũ nữ nào cũng có một câu chuyện tâm sự như vậy cả. Bằng những kinh nghiệm mỏng mảnh của tôi, tôi chưa thấy một ai tạm cứ cho cái nghề của mình là một nghề đi, kể cả những khi than thở về hạn đóng “các” sắp tới. Xã hội đã công nhận nghề vũ nữ đến độ bắt những người hành nghề đóng góp khá nặng vào những tiện ích chung, ngang hàng với những công dân hết sức là lương thiện khác, tại sao Hà, và những đồng nghiệp của Hà, đều tự coi như thuộc vào một loại người bị đòi hành phạt. Ngày xưa, em không đến nổi..! Tôi đáp:

– Em kể cũng sung sướng chán, có nghề nuôi thân, nuôi khá đầy đủ, còn gì nữa. Nhưng thôi, em kể tiếp câu chuyện đi, cho mau đến sáng trời mưa như thế này làm sao mà ngủ được.

Hà kể:

– Em gặp anh Đức là do anh Lý...

Lần này tôi bắt buộc phải chú ý tới Hà. Lý là bí danh của một lãnh tụ cách mạng cùng đoàn thể của Đức. Nói chuyện tới Đức mà nhắc tới tên Lý thì ít nhất Hà, nếu không phải là một đảng viên cao cấp, cũng là một thứ liên lạc viên thuộc loại thân tín của tổ chức. Những liên hệ giữa Hà và Đức có thể đáng cho tôi tin là có thật. Tôi nhớ có một lần Đức nói chuyện với tôi ở trong tổ chức có một cô cán bộ say mê anh ghê lắm nhưng vì công việc anh đành phải lạnh nhạt. Một lần nữa Đức lại nằm đàm luận với tôi về cái nết vô duyên của đàn bà. Sau hai câu chuyện đó phải chăng đều có bóng dáng của Hà? Hà kể tiếp:

– Em làm việc với anh Đức có đến

hai năm trời. Hồi đó em còn đi học. Lý tưởng của em là có một người chồng như anh Đức và cả hai vợ chồng cùng hoạt động. Gia đình em ở Hà Nam, tuần lễ nào em cũng ở Hà Nội về thăm nhà. Anh Đức thì dạy học. Mỗi tối chủ nhật ở Hà Nam lên em lại đem lên một mớ tài liệu do anh Lý trao cho. Em đi học, tối lại học tư anh Đức, em có đủ cái bề ngoài che đậy, công việc trong hơn hai năm trời em không hề để lộ. Hôm được tin anh Đức sẽ vào Nam, em bàng hoàng cả người. Anh Đức nhân danh anh Lý cảm ơn em, hẹn khi cần đến, anh Lý sẽ liên lạc với em sau về công việc. Anh Đức đi, em tưởng như vĩnh viễn sẽ mất, em không thể đứng được nữa. Em thú thật hết với anh Đức, thú thật mối tình câm nín trong hai năm. Em xin anh Đức cho em đi theo. Em nhớ tối hôm đó em ngồi ở bàn học nói chuyện với anh Đức

đến khuya lắm. Em khóc biết bao nhiêu nước mắt! Anh Đức yên lặng ngồi nghe em nói, nét mặt hết sức đau đớn. Mãi sau anh Đức mới đứng lên, mở trong ngăn kéo lấy ra một bao thư. Anh Đức để bao thư ở trước mặt, rồi kể cho em nghe mối tình của anh ấy với một cô gái miền Nam. Em cứ lặng tiếng ngồi nghe. Hồi anh Đức ở Sài Gòn anh có quen một cô em một người bạn, quen nhưng cả hai bên đều im lặng, đúng như kiểu em yêu anh Đức ấy. Trong hai năm trời anh Đức dạy học ở Hà Nội, hai người cũng thường có thư từ cho nhau, nhưng tuyệt nhiên không hề đề cập tới chuyện yêu đương. Hai tháng trước khi anh Đức bỏ em để vào Nam, cô ta bị đau nặng. Anh Đức có viết thư thăm và hỏi căn bệnh của cô bạn. Thư trả lời là nguyên cơ chính của việc anh Đức rời Hà Nội. Thư của cô ta vốn vẹn có một chiếc lá

khô. Anh Đức mở bao thư đưa cho em xem một chiếc lá đã úa vàng, dáng thon thon dài mà bảo em: “Đây là lá cây sầu riêng. Tôi không thể không đáp lại sự tỏ tình.” Và anh Đức đem chuyện sổ mạng ra nói để an ủi em. Em đành vâng theo sổ mạng. Hơn nữa, em cũng cảm động vì mối tình của cô gái đối với anh Đức. Phải thương yêu đắm thắm tới đâu mới có thể có sự thổ lộ ý nhị đến thế được! Thế là em đành chịu thua.

Hà mở ví tay, lấy ra một cái gói nhỏ bên trong có một chiếc lá khô. Đúng là lá cây sầu riêng. Hà đưa cho tôi xem và tiếp:

– Anh Đức cho em chiếc lá kỷ niệm quý báu, bảo rằng để tạ tấm tình của em đối với anh ấy. Em giữ mãi cho đến ngày nay. Cho đến hôm nọ lại đây mới biết anh là bạn của anh Đức.

Trông thấy chiếc lá khô, trong một thoáng giây tôi chợt hiểu tất cả câu chuyện. Tôi vừa nức cười, vừa cảm động. Cố hết sức giữ bộ mặt nghiêm trọng. Tôi an ủi Hà:

– Bây giờ anh mới biết. Hôm nào tiện anh sẽ cho em bức ảnh của Đức.

Câu chuyện có thật, Hà cũng đáng giữ một bức ảnh của Đức. Nhưng Hà đã không biết một sự thật khác. Không hề có cô gái miền Nam nào đã gửi cho Đức một cái lá sầu riêng. Chính tay tôi hồi đó đã gửi cho Đức mảnh lá không hề chứa đựng một tình nghĩa gì. Tôi cùng ở trong một đoàn thể với Đức, mảnh lá đó chỉ mang ý nghĩa một mật hiệu giữa chúng tôi. Đức bữa đó còn đủ đứng đắn để không xúc phạm tới mối tình của Hà, vì Đức đã không cho Hà xem cả một bức thư tình giả tạo tôi gửi kèm với mảnh lá

để che mắt cơ quan công an nếu họ mở phong thư ra khám.

Hà cắt mảnh lá khô vào trong ví, rồi đứng lên, nín lấy áo tôi:

– Cho anh biết câu chuyện bí mật giữa anh Đức với em vì anh là bạn của anh Đức, Bây giờ thì chúng mình tắt đèn vào nhà trong. Đêm nay anh cho em ngủ nhờ một bữa. Con Nương có biết cho nó ghen một mẻ.

Tôi ngó ra bên ngoài, trời vẫn mưa thê thiết. Tôi lại nhớ đến lời Thái vẫn trách tôi rất đúng là mềm yếu quá, dễ để cho hoàn cảnh chen lấn.

MẶC ĐỒ

Phượng

GRAHAM GREENE

HUYỀN PHỤNG dịch

Châu thành Sài Gòn của chúng ta đã được khá nhiều văn sĩ Tây phương chọn làm bối cảnh trong những tác phẩm của họ. Nhưng đa số đều là văn sĩ Pháp, và trong số các nhà văn này, hầu hết lại là các văn sĩ thuộc thế hệ trước, nặng mặc cảm văn minh, nhìn Sài Gòn và dân Sài Gòn bằng con mắt của những người đi khai hóa.

Riêng Granham Greene, một văn sĩ Anh nổi bật trong số các nhà văn ngoại

quốc viết về Sài Gòn với lối nhìn riêng biệt của ông. Từ 10 năm trước khi chiến tranh Đông Dương chưa kết liễu, ông đã nhìn thấy trước sự quan trọng hiện nay của Thủ đô Sài Gòn. Và những việc cũng những cảnh ông diễn tả trong đoạn văn dưới đây là những cảnh và việc của Sài Gòn vào khoảng năm 1950. Một thời gian khác hẳn ngày nay.

Hiện Đại

Tôi đi ngang của Phủ Cao Ủy, nơi có binh sĩ Lê-Dương đứng gác với những chiếc kê-pi trắng, và những chiếc cầu vai đỏ, rẽ sang Nhà Thờ và đi về bên dãy tường u ám của sở Sureté, ở đây như phảng phất có mùi nước tiểu

và bất công. Những cuốn tuần báo kh-iêu dân mới đến được bày trên những sạp báo gần bến tàu. Có nhiều thủy thủ đang ngồi uống la-ve trên các hàng ghế kê ngoài hiên, một mục tiêu dễ đạt của những trái bom nội hóa. Tôi nghĩ đến Phượng, giờ này chắc nàng đang bận rộn cãi vã về giá tiền một con cá trong dãy phố thứ ba bên trái, trước khi đi đến tiệm nước như lệ thường, và tôi hoàn toàn không nghĩ gì về Pyle hết. Tôi cũng không nhắc nhở gì đến hẳn khi chúng tôi ngồi ăn trưa trong căn phòng của chúng tôi giữa phố Catinat, Phượng bận chiếc áo lụa hoa đẹp nhất của nàng, vì cách đây hai năm, hôm nay là ngày chúng tôi gặp nhau tại nhà Khiêu Vũ Grand Monde trong Chợ Lớn.

✱

Pyle lên một chiếc xích lô với Granger, tôi và Phượng lên một chiếc khác đi theo họ trên con đường vào Chợ Lớn. Granger đã định leo lên ngồi chung xe với Phượng, nhưng Pyle làm hấn đổi ý. Trong lúc bọn phu đạp đưa chúng tôi đi dần trên con đường ngoại thành dài vào Đô Thị Tàu, một dãy xe hơi mang phù hiệu Pháp chạy qua, xe nào cũng đầy súng ống và những sĩ quan mặt lạnh như tiền, giống như những pho tượng dưới ánh sao, và bầu trời tối êm dịu, cong cong này chắc lại vừa xảy ra chuyện gì rắc rối – Có thể nguyên do phát xuất từ một quân đội riêng, quân Bình Xuyên, những kẻ làm chủ nhà Grand Monde, và những sòng bạc ở Chợ Lớn. Đây là đất của những tay anh chị bụi. Giống như Âu Châu trong thời Trung Cổ.

Tôi dừng xe trước cửa vũ trường Chalet và bảo Phượng:

– Em vào tìm bàn ngồi đi. Anh tìm Pyle đã.

Khi tôi đến trước cửa “Căn nhà chứa năm trăm gái điếm²” Pyle và Granger đã vào trong rồi. Tôi hỏi trạm gác Hiến Binh ở ngay bên cạnh cửa:

– Hai ông người Mỹ đâu?

Gã đó là một viên hạ sĩ trẻ tuổi trong Quân đoàn Lê Dương – Gã ngừng tay lau khẩu súng lục và hất ngón tay cái về phía cửa trong, và nói một câu đùa bốn gì bằng tiếng Đức. Tôi không thể hiểu câu đó.

Giờ đó đang là giờ nghỉ trong cái

2 Nguyên văn « The House of Five Hundreds girls » Tên Saigon là « Cạc chê » hoặc « Sầu Thành » khu dành riêng cho binh lính.

sân lộ thiên rất rộng. Hàng trăm cô gái nằm trên cỏ, hoặc ngồi xôm trò chuyện với nhau. Những tấm màn che cửa được mở rộng trên cửa những căn nhà nhỏ quanh sân – một cô gái mệt mỏi nằm một mình trên giường, hai chân vắt lên nhau. Trong Chợ Lớn vừa có chuyện rắc rối nên các binh sĩ đều bị cấm trại, thành ra ở đây không có việc gì làm: Ngày chủ nhật của thân thể. Chỉ có một đám gái xô đẩy, cầu xé, chửi bới nhau cho tôi biết là cuộc làm ăn vẫn còn. Ở đây không có sự bảo vệ cho dân thường. Nếu anh dân nào tự ý mò vào đất quân sự, hẳn phải tự bảo vệ lấy hãn và tự tìm lối thoát.

Tôi đã tìm được một phương pháp — chia và chiếm. Tôi chọn một cô gái trong đám đang túm lại quanh tôi, và chậm chậm, tôi đẩy nàng về phía Pyle và Granger đang giăng co.

– Je suis un vieux. Tôi nói – Trop fatigué.

Nàng cười rinh rích và ôm lấy tôi.

– Mon ami. Tôi nói – Il est très riche, très vigoureux

– Tu es sale. Cô gái nói.

Một cô gái nắm lấy Pyle và đang định lôi hắn ra khỏi vòng vây. Tôi đẩy cô gái của tôi vào đám đông và gọi: « Pyle, ra đây. »

Hắn nhìn tôi qua đầu đám gái và nói: «Thật kinh khủng, ghê tởm. » Có thể đó là đo ánh đèn, nhưng mặt hắn trông có vẻ khổ sở. Tôi chợt nghĩ rất có thể, hắn còn là trai tân.

– Thôi ra đi Pyle. Tôi nói – Bỏ họ đấy cho Granger. Tôi trông thấy tay hắn giờ

lên phía túi quần sau. Thật tình, tôi tin rằng hắn có ý định rốc hết tiền của hắn ra khỏi túi. « Đừng có điên Pyle » Tôi kêu lên “Anh làm cho chúng nó đánh nhau bây giờ. » Cô gái của tôi hồi nãy quay lại níu tôi nhưng tôi đẩy nàng tuốt vào tận đám đang vây sát Granger « Non non » Tôi nói: « Je suis un Anglais, pauvre, très pauvre » [Bằng tiếng Pháp trong nguyên bản.] Rồi tôi nắm lấy tay áo Pyle và kéo hắn ra, tay áo kia của hắn bị một cô gái tóm lấy như một con cá mắc câu. Vài ba cô gái khác định chặn chúng tôi trước khi hai chúng tôi ra đến cổng, nơi có gã hạ sĩ đứng nhìn, nhưng họ cũng không sốt sáng mấy.

– Tôi phải làm sao với ả này đây?
Pyle hỏi.

– Không sao đâu.

Vừa lúc đó, cô gái buông tay Pyle ra và nhào lại đám lộn xộn quanh Granger.

Đêm bên ngoài có vẻ rất yên tĩnh, chỉ có một đoàn xe nhà binh khác chạy qua y như những kẻ có việc gì phải làm. Pyle nói:

– Thật là ghê gớm. Tôi không thể nào tin được...

Hắn nói bằng một giọng vừa sợ hãi vừa buồn rầu: « Họ trông xinh quá ». Hắn không thèm muốn được như Granger, hắn chỉ buồn rầu, vì hắn không thấy một cái gì tốt – tất nhiên xinh đẹp và duyên dáng là hai hình thức của sự tốt lành — bị đời chà đạp và bạc đãi.

Tôi nói:

– Ta về Chalet, Phượng đang chờ.

– Tôi xin lỗi, hẳn nói – Chút xíu nữa tôi quên hẳn nàng. Anh không nên bỏ nàng một mình.

– Có gì nguy hiểm cho cô ta đâu.

*

Phượng giữ cho chúng tôi một bàn gần sàn nhảy và ban nhạc đang chơi một nhạc khúc đã từng phổ thông tại Paris vào khoảng năm năm cũ. Hai cặp Việt Nam đang nhảy, nhỏ, sạch, nổi với một vẻ văn minh mà chúng ta không thể địch lại được (Tôi nhận ra một cặp, một viên chức của Ngân Hàng Đông Dương và người vợ). Nhìn họ, người ta cảm thấy họ không bao giờ ăn bận cầu thả, nói tục, hoặc bị lôi cuốn bởi những ham mê không sạch. Nếu cuộc chiến tranh ở đây

có màu sắc Trung Cổ, thì họ là hình ảnh của thế kỷ XVIII mai sau. Người ta có quyền tưởng ông Phan-van-Tu làm thơ Cổ Điển trong khi nhàn rỗi. Nhưng tôi được biết rằng ông ta là một sinh viên Wordsworth và làm thơ tự do. Ông ta thường đi nghỉ ở Đà Lạt, nơi gần nhất mà ông ta có thể hưởng được cái khí hậu như ở những miền hồ rộng bên Anh. Ông nhẹ chào khi đến gần tôi.

Bằng những câu tiếng Pháp xoàng, Pyle xin lỗi Phượng vì đã làm nàng chờ.

– C'est impardonnable, hấn nói.

– Ông đi đâu thế? nàng hỏi hấn.

Hấn đáp:

– Tôi đưa Granger về nhà.

– Về nhà? Tôi nói và cười, Pyle nhìn

tôi là một gã Granger thứ hai. Đột nhiên, tôi nhìn thấy y như hắn đã nhìn thấy tôi vài giây trước đó: một người đàn ông đứng tuổi với đôi mắt hơi đục, người bắt đầu phì phì, thô lỗ trong yêu đương, có thể không ồn ào bằng Granger nhưng lạnh ác hơn, ít trong sạch hơn, và trong khoảnh khắc, tôi nhìn thấy Phượng, như lần đầu tiên tôi đã nhìn thấy nàng, trong tấm áo trắng, đi ngang bàn tôi ngồi trong nhà Grand Monde, khi nàng mới mười tám tuổi, dưới sự săn sóc của một bà chị muốn cho em gái lấy chồng Tây. Một người Mỹ mới mua « tích-kê » đến mời nàng nhảy: hắn có vẻ hơi say – nhưng không đến nỗi quá lắm, tôi cho rằng hắn vừa mới tới xứ này, và tưởng rằng tất cả những vũ nữ trong Grand Monde đều là gái điểm cả. Hắn ôm ghì nàng quá chặt, qua vòng đầu tiên, bỗng nhiên nàng đi về bàn ngồi với bà chị, bỏ

mặc anh chàng đứng ngẩn ngơ giữa sàn nhảy. Và người con gái mà tôi chưa biết tên ngồi yên đó, thản nhiên uống nước cam, như không có chuyện gì xảy ra cả.

– Peut-on avoir l'honneur? Pyle hỏi bằng giọng nói dễ sợ của hắn, một lát sau, tôi thấy họ yên lặng dúi nhau đi ở góc phòng bên kia. Pyle giữ nàng thật xa mình hắn. Nàng là người vũ nữ nhảy giỏi nhất mà tôi đã gặp, trong những ngày nàng còn làm ở Grand Monde.

Đó là một cuộc ve vãn dài và vô hiệu. Nếu tôi có thể hứa cưới nàng hoặc xây dựng cho nàng, mọi việc chắc đã dễ dàng. Và bà chị của nàng chắc đã lịch sự và kín đáo rút lui mỗi khi tôi và Phượng gần nhau. Vì vậy, ba tháng đã trôi qua, tôi vẫn chỉ được gần Phượng một mình trong giây lát, trên một bao lơn ở khách sạn Majestic, trong khi bà chị của nàng

chờ sẵn trong phòng bên cạnh. Một chiếc tàu chở hàng từ Pháp đến đang được dỡ hàng trên sông Sài Gòn dưới những ánh đèn pha, tiếng chuông xe xích lô kêu ran như chuông điện thoại, và qua những câu tôi nói với nàng lúc ấy, tôi chỉ là một gã trẻ tuổi chưa có kinh nghiệm gì về đời, những lần tôi thất vọng trở về chiếc giường của tôi trong căn phòng đường Catinat, không bao giờ tôi lại có thể mơ màng rằng bốn tháng sau đó, nàng đã nằm bên cạnh tôi, vừa thở, vừa cười như ngạc nhiên vì những sự việc xảy ra không giống hẳn như những điều nàng mong ước.

Những trò giúp vui đầu tiên bắt đầu: một ca sĩ, một nhà ảo thuật rồi một nhà khôi hài — Gã này thật là tục tĩu. Tôi nhìn Pyle và thấy rõ là hắn không hiểu kịp những câu tiếng lóng. Hắn mỉm

cười khi Phượng nhìn hần mỉm cười và ngược ngệu cười to khi thấy tôi cười lên tiếng

– Tôi đang nghĩ không biết bây giờ Granger nó ở đâu. Tôi nói, và Pyle nhìn tôi trách móc.

Sau đó đến một màn ca vũ: một bọn sáu bảy cái hiện lên thành người. Tôi đã nhìn thấy nhiều ả này đi lên đi xuống trên đường Catinat bận áo thun và váy, nát, vừa đi vừa ngoáy móng. Bây giờ bận áo đầm hở cổ, mang đồ nữ trang giả, mang ngực giả, với những giọng nói thô tục, các cô ả này cũng có vẻ quyến rũ không kém gì đa số phụ nữ Tây Phương ở Sài Gòn. Một đám sĩ quan Air Force huýt còi âm ỉ để tán thưởng các ả, các ả cười điệu đáp lại – Tôi ngạc nhiên vì sự phản đối đột ngột và dữ dội của Pyle:

– Fowler, hắn nói – mình về đi, chán quá rồi nhỉ? Chỗ này không phải là chỗ thích hợp với cô ấy.

HUYỀN PHỤNG

Vũ quán

HOÀNG ANH TUẤN

 ã bước đi trong nắng chiều đang vội mức ngày, bị kẹp giữa cái bóng gầy và dài thườn thượt: bóng gã in trên nền đất; con đường gỏi thẳng về xa. Một luồng nâu sữa soạn để nằm xuống, nghe những tiếng đế giày kéo lê sườn sườn. Đêm từ bên kia bước sang, trườn tới như rắn. Màu đen đang pha đậm dần. Tất cả đã nhờ nhờ để nghiêng hẳn vào tối.

Gã đi mãi cho tới khi trời lên sao. Những mắt sao buồn, nhỏ từng giọt ánh

sáng bé bỏng và gây yếu xuống mái tóc già, khâu nhanh và nhẹ vào tóc.

Từ thung đất phẳng rộng, một mình, rướn lên một hộp nhà vuông thành cạnh. Ngôi nhà mang bảng hiệu bằng đèn neon xanh buốt như mũi kim tiêm: Vũ Quán. Chữ Vũ Quán lập loè vẫy gọi. Gã tiến lại gần quán bước chân như cỏi dãn hết da thịt. Gã cảm giác thật nhanh những con số bị ép xuống và bao nhiêu những nét ngang bằng số ngay đều quên soi gương làm dáng.

Gã tiến lại gần Vũ Quán. Nhạc jazz mặc áo thật mỏng, thật trong suốt, ông ẹo từ trong Vũ Quán lọt ra ngoài. Gã dừng bước, lông mày mang hình hai dấu mũ, gã vừa nhìn thấy những thùng rác méo mó nằm lẫn lóc trước Vũ Quán, vài hộp bằng thiếc phanh mở, một chiếc giày đinh chọc mũi vào đồng cơm ôi. Gã

định lùi bước. Một giọng cười không có màu được ném ra khỏi bức màn kết bằng những cái nhẩn sắt ở cửa Vũ Quán, tiếng cười vỡ vụn khi tới tai gã. Gã rút một điều thuốc lá gài vào môi. Điều thuốc lá cháy tự nhiên, màu lửa biếc.

Khói thuốc bay xoè ra trên mớ tóc điên của gã trông như bờm ngựa đuổi sương khuya trên một cảnh hoang không có hàng rào. Gã đi vào Vũ Quán thật nhanh sợ một cái gì như những thùng rác lúc nãy níu lại. Chân gã đạp lên nhạc jazz đang độ cời bỏ tất cả phủ che, tròn và nóng dấy. Đôi giày gã ửng đỏ, quần, áo rồi toàn thân gã đỏ rực, sáng lên như sắp chảy thành vũng. Gã cười hớn hở, gã cười tự tin. Tất cả các mạch máu trong người gã đều có những móng tay nhọn gãi vào. Một niềm đau khoái lạc căng thẳng, rung động vừa tỉnh lại.

Vũ Quán hình tròn phía giữa hõm lòng chảo không. Khí tưởng bên ngoài thu hút, không khí bên trong lỏng lẻo buông lơ và rối như mở tóc ướp mồ hôi khi người con gái đẹp với đèn vừa ngủ dậy với ánh mặt trời đã lóa — hình như căn phòng rất thừa ánh sáng chỉ toàn những bóng tối lúc nào cũng như chầy rãi.

Trong cái không khi đã rời ấy, một, hai, ba, bốn... không đếm đủ số những ngón tay của hai bàn tay, những cô vũ nữ gầy như bã mía, tay buộc lấy ngực mỏng dính mắt nhìn đậm vào lòng mình – trống rỗng không một mảnh tâm sự – Họ ngồi như thây ma tẩm thuốc tỉnh thoảng lại cười vu vơ với mấy cái gạt tàn thuốc lá bằng đất nung cháy cứng. Khói khóa thân từ cái gạt thuốc lá ngượng ngừng bay ra, mình se lại khi gặp một

hơi thở dừ đi.

Vài cặp, toàn là người da đen, nhảy giữa hõm lòng chảo, trong bước chân thấy rõ những đêm gục say bên thùng whisky rẻ tiền. Minh họ dẻo như loài giun đất. Những hàng ghế trống người bỗng lạnh. Gã ngồi xuống ghế, đưa những ngón tay dài trắng như gạo lên mái tóc. Những ngón tay gài vào mớ tóc điên. Cặp mắt đi lạc mới về nhìn vào hai bàn tay, gã thấy hai bàn tay mình đen đậm như vừa ngâm vào mực tàu. Gã nhìn vào mảnh gương vỡ nạm trên tường, thấy: tóc bạc phơ. Mảnh gương nhòa đi như bị bôi xà phòng, chờ cho đến khi trong mịn, gã thấy một miếng bàn thờ gỗ mộc trên có để bát hương; bát cơm, quả trứng luộc, đôi đĩa bông và lồng trong khung kính một tấm ảnh vàng loang lổ: ảnh gã cười ngơ ngẩn.

Gã ứa nước mắt, những giọt nước mắt nhàu nhàu nối nhau rơi vào ly rượu vẫn tím – người ta đặt trước mặt gã từ bao giờ – và cũng từ bao giờ, một người con gái nhỏ bé đến ngồi kề bên gã. Bàn tay nhỏ, thon, dịu dàng vá lấy vai gã, gã có cảm tưởng như đang gánh một sợi lông chim, cảm tưởng ấy là thước đo sự đã có của bàn tay kia. Gã quay nhìn người con gái, nụ cười nhẹ như cái bắc gợn trên môi gã. Gã kéo ghế mời người con gái nhảy. Một nét mắt chéo ngang một nét mắt, vương vịu trong cái âu yếm chỉ buộc bằng đêm tối. Người con gái đứng dậy; cái đẹp đo lường, pha chế thoáng trong lối trao bàn tay.

✱

Hai người đi vào chiều sâu một điệu blues quánh ngọt, tâm hồn không còn nguyên vẹn của mình. Giả dối biến thành

thơ, không chữ, không vần chỉ toàn là hơi thở nằm ngủ trên cung điệu xanh. Cảnh vật chung quanh điên lên trong khoảnh khắc rồi biến đi. Hai người nhảy trên một phiến nước băng lớn, lạnh bốc khói, dưới một thứ ánh sáng mát rộng và nhạt. Chân hai người đập lên bàn chân hai cái bóng cảm ngập dưới làn băng.

Tiếng kèn đồng sắc cạnh bỗng hét lên the thé làm cho giấc chiêm, bao vỡ ra làm hai, hiện tại mặc áo nhung đen trở về dàn xếp cảnh vật. Cảnh vật trở lại như trước, tự nhiên và vững chãi có thể gây cho kẻ vừa thoát suy nhiều ý niệm bàng hoàng. Gã dặt tay người con gái trở về bàn, lòng còn vương ít phần dư âm của một thứ tình yêu chưa có tên gọi. Trong mắt gã có một phần chối bỏ và một phần lãnh nhận, hình như gã đang vượt qua mấy trăm lần cửa mở, dưới chân gã có

đá hoa duỗi mình chịu đựng bằng tất cả những lạnh lẽo của thể chất.

*

Gã: – Tên em là gì?

Người con gái lơ đãng đặt vào lòng bàn tay gã một bông hoa vàng:

– Tên anh là gì?

Gã bứt nhị hoa trả lại vào lòng bàn tay người con gái. Hai người uống lấy mắt nhau.

Im lặng dần đi rất rộng để vừa đủ làm nền cho một thứ tình cảm phơn phớt màu, chìm xuống rồi ngã nghiêng bỗng bênh như lá thuyền mỏng.

Người con gái nói trước:

– Tình yêu là gì anh nhỉ?

- Là không có gì cả mà có rất nhiều.
- Như vậy có khóc được không?
- Khóc được. Khóc bằng một thứ nước mắt lạ lùng, không giống nước mắt thường.
- Nước mắt màu gì?
- Màu tình yêu.
- Chắc đẹp lắm, ướt hết vai áo, ướt hết cả tóc, ướt hết một đêm.
- Ướt lòng mình và ướt cả thơ.
- Em muốn khóc.
- Người ta đã khóc, đang khóc chứ không thể muốn khóc được,
- Em thấy nước mắt dâng lên rồi.
- Em đang khóc chứ không phải muốn khóc.

– Em không thấy có nước mắt nữa, em thấy lạnh và nghĩ đến một cái giường rải lông chim.

– Em đang khóc trong lòng.

Người con gái gục vào vai gã tẩm túc. Một sợi dây căng thẳng trong lòng gã đứt rời, tự nhiên gã nghĩ tới những hình ảnh chưa lần nào ghé vào giấc mộng mỗi đêm của gã: căn nhà tường mái đỏ, khu vườn nhiều cỏ, gian buồng đủ chỗ kê một cái giường và một tủ sách giáo khoa – với rất nhiều bộ từ điển –, hai mươi đôi bút tất chỉ có một đôi màu đỏ... Gã nói như tụng kinh:

– Vợ, con, mưu sinh, cơ hàn, yêu... gắt gỏng.

Gã có cảm tưởng có một sợi chảo cuốn lấy cả đời mình, sợi chảo đang thít

lại để buộc chặt như nghiền lấy từng cảm nghĩ nhỏ nhỏ vô duyên nhất. Gã rùng mình giữa lúc nhạc dâng độ nóng bỏng lên một mức thật cao.

✱

Ngày sắp đổ. Gã đi cạnh người thiếu nữ hôm qua giữa không khí nhiều cột dây thép và nhiều xác xe hơi hoen rỉ. Hai người đi về phía bến tàu. Vết chân như hình mỏ neo, in xuống đất có thủy triều gọi nhau dưới tầng sâu.

Người thiếu nữ giật mình nhìn chiếc đồng hồ to lớn từ dưới đất mọc lên, chắn ngang lối đi, chiếc kim độc nhất hình con dao cạo chỉ vào một khoảng trống, chữ Vũ Quán bằng đèn nê-ông hiện lên giữa khoảng trống ấy. Chữ Vũ Quán lập

loè với tất cả vốn liếng tai quái và nhắc nhở. Trời tối sẫm, trời càng tối chữ Vũ Quán càng rõ, càng thúc dục như hồi còi tàu khàn khàn gọi những người thủy thủ lên tàu.

Người thiếu nữ không thấy ở bên gã nữa. Tất cả những vì sao trên trời ngoảnh mặt quay đi. Trong mỗi sợi tóc của gã đều có một con kiến lửa bò nhanh. Gã nhìn cái đồng hồ trước mắt thấy chiếc kim dao cạo biến thành một cánh tay trần lỏa lổ, những ngón tay móng nhọn tô xanh cong cong vẫy gọi, quyến rũ. Gã nuốt nước bọt. Bàn tay lại vẫy gọi. Gã quay lưng đi ngược trong bóng tối có hàng ngàn cánh tay, trong ánh đèn vừa choàng mở mắt có hàng ngàn lối nhìn cời mở hết ý tứ, sống soải, khêu gợi. Gã mỉm cười, một bảng tính cộng xếp hàng dài để bảo vệ cho gã. Bước đi của gã rời

rạc nhưng chắc chắn. Gã thọc tay vào túi tìm thuốc lá, củ chỉ vững vàng. Bàn tay gã chạm phải bông hoa. Gã cầm bông hoa; bông hoa vàng hôm qua héo rũ, từ bông hoa rướn lên một tiếng cười rách rưới, đục lăm.

✱

Gã đứng trước Vũ Quán. Gã bước vào quán. Toàn thân gã lại đỏ rực...

Gã lại thấy bàn thờ mình trong chéo gương rạng rỡ, gã lại đánh rơi nước mắt vào ly rượu vẫn tím và cũng như hôm qua, gã đưa người con gái mảnh khảnh trên làn băng lạnh bốc khói theo những đợt blues chán chường thoai thoải.

Khi tiếng kèn đồng ré lên, gã bỗng thấy hai cánh tay mình ôm sát lấy ngực,

hơi ấm của da thịt người con gái biến thành một thứ hương trầm thô vụng. Gã trở về bàn, tình cảm nhìn xuống. Vừa mài vành môi vào vành ly rượu, gã nhìn qua chất thủy tinh; người con gái ngồi trước mặt gã, dán mình vào một người đàn ông mũm mĩm. Người con gái đẹp hẳn lên và thân thể tiết ra những nét hồng tròn trặn. Gã thèm muốn nóng ran cả người, mạch máu gã như bị thắt nút từng đoạn. Gã đàn ông cười cong môi, để hở hàm răng bọc vàng, mồ hôi y nổi giọt hai bên thái dương.

Gã nhìn lại bông hoa vàng. Bông hoa vẫn nằm gọn trong bàn tay gã, gã từ từ khép năm ngón tay lại. Gã bóp thật mạnh, gân tay hẳn lên như những vết roi quất. Từ kẽ tay gã chảy ra những dòng máu mát lạnh.

Gã mở năm ngón tay: bông hoa vàng nằm dưới làn da tay. Gã bóp vỡ ly rượu, lấy mảnh thủy tinh cắt làn da, máu gã theo những khía ngang dọc thành hình như tấm lưới dệt bằng chỉ đỏ. Gã cửa nát bàn tay, vết máu loang lổ như dầu, từng giọt nối nhau thành chuỗi. Bông hoa vàng vẫn nằm dưới làn da, gã đặt môi hôn lên đó. Chua xót khâu vào tim.

✱

Gã nối tay người thiếu nữ đi về phía biển cả dậy sóng. Trong cát có trăng lấp lăm lăm. Tóc người thiếu nữ trộn với gió tung lên, đêm nghiêng hẳn về một hướng, không gian mất thăng bằng trong giây lát. Mắt người thiếu nữ đen đậm hơn mọi khi, có nhiều bóng tối, vắng không một chút ánh đèn.

Gã hỏi:

– Chúng mình đi đâu?

– Không biết. Đi đâu cũng được. Hai đứa đi với nhau, đi mãi.

– Có ngày phải ngừng lại, em đeo kính vào, sâu chỉ vào lỗ kim, mạng lại một vai áo rách của anh. Lúc đó anh ngồi đọc lại những trang sách cũ. Bên ngoài trời có mưa, một con tàu nhỏ neo rời xa eo vịnh.

– Tóc em bạc trắng?

– Không, tóc em vẫn đen vì em ngồi trong xó tối, em thích ngồi trong xó tối.

Tự nhiên người thiếu nữ giằng tay gã chạy trốn. Gã giữ chặt lấy bàn tay – người thiếu nữ bỏ quên lại trong lúc vội vàng – Gã dang tay lấy đà ném bàn

tay người thiếu nữ về phía biển, bàn tay dính liền với bàn tay gã, cấu chặt lấy bàn tay gã không chịu rời ra nữa.

Gã nghĩ thoáng thoáng tới định mệnh và duyên kiếp để bào chữa cho yếu ớt đã thành hình, một thói quen đi thẳng vào cuộc sống. Sóng biển lắc đầu. Gã cũng lắc đầu, nhưng cái lắc đầu của gã mang ý nghĩa chấp nhận liều lĩnh. Gã ngâm một câu thơ lạc lõng và nhạt nhẽo từ bề mặt tới bề trong, việc làm cứu vãn chỉ có hiệu lực đuổi người thi sĩ trong gã như đuổi một tật xấu có muôn vẻ đẹp.

✱

Ít lâu sau, gã cưới người con gái nơi Vũ Quán làm vợ. Gã không buồn như trước nữa, người con gái cũng không đẹp như vũ nữ của đêm rối loạn thị thành.

Người con gái cầm chiếc nhẫn cưới trong tay, ước lượng ngay mấy đồng cân vàng và đem đi cầm sẽ được bao nhiêu. Những chiếc xe hơi Hoa Kỳ lướt qua trong kỷ niệm. Người con gái cười kiêu hãnh nghĩ tới đám cưới là một trò chơi bạo dạn kỳ lạ.

Gã bỏ ra đi trong khi lễ cưới đang cử hành.

Gã đi dọc theo bờ biển. Trong tóc có gió lạnh buốt. Gã ngâm thơ. Thơ gã bây giờ hay vô cùng.

Gã nhớ, gã yêu, yêu người con gái mỗi đêm gã tìm và gặp trong Vũ Quán.

Ánh đèn nê-ông của Vũ Quán chạy theo gã dắt gã về. Trên đường trở về Vũ Quán gã nhặt được một bông hoa vàng héo khô.

Từ bông hoa rướn lên một tiếng cười
đục lăm nước mắt.

HOÀNG ANH TUẤN

Dưới chân Saigon

NGUYỄN DUY DIỄN

Người ta chỉ biết Saigon qua những phố xá sang trọng, qua những building cao ngất, qua những đèn néon xanh đỏ, qua những hộp đêm sang trọng, nhưng ít ai để ý tới cuộc sống của Saigon sau ánh sáng. Vào khoảng năm 1953, trong khi mà mọi người đang dạo mát trên các hè phố trong đêm khuya, hoặc ôm những vũ nữ xinh đẹp quay cuồng trong điệu nhạc, hoặc ngồi nhấp ly rượu mạnh trong những quán trà ấm áp, thì ngay ở trong lòng cống ngâm. đương diễn ra, trong đêm tối cuộc tranh sống của những con người

nghèo khổ. Cuộc tranh sống đó cực nhọc như thế nào, gay go như thế nào, Nguyễn Duy Diễm sẽ tả lại tỉ mỉ trong “Dưới chân Saigon” sau đây.

Hiện Đại

Buổi chiều vàng vọt trùm phủ trên đô thành – đương ngả xuống màu xám. Vợ chồng anh Xưởng chuẩn bị để đi bắt cá đêm. Đứa con nhỏ chưa đầy một tuổi nằm khóc rê rai trong lòng chị nó cũng chỉ lớn hơn nó chừng mấy tuổi. Anh chị Xưởng lưng đeo thùng sắt tây, và tay xách đèn chai, từ trong căn nhà lụp xụp bước ra. Sống giữa Saigon đầy ánh sáng mà thực sự thì cả gia đình này như sống ở một miền quê hẻo lánh,

mù mịt. Ra khỏi căn lều, chị Xướng lại trở lại bế đứa nhỏ nói nựng và dặn đứa lớn:

– Em nó khóc thì cho nó miếng bánh trắng tao để ở trên chõng – Đừng có bế thằng bé ra cửa hóng gió, nó đang ốm đấy, nghe chưa?

Chị Nam đưa thằng bé xanh bủng cho con chị, rồi hốt hải chạy ra phía ngõ để theo kịp chõng. Nước mưa hôm trước vẫn còn đọng từng vũng lớn, và ú lại ở các cống rãnh.

Hai vợ chồng anh Xướng ra tới chợ cầu ông Lãnh thì trời đã xám xẩm – một đám mây đen nặng nề, u nất, hiện ra ở góc trời phía đông bắc – Chợ đã hồ vãn – Nhiều hàng đã thu dọn để chuẩn bị ra về. Hai người im lặng bước xuống

ven sông bến Chương Dương – Mùi rác rưởi, mùi bùn, mùi hoa quả thối xông lên nồng nực – Họ men theo ven sông. Nước ròng cạn, nên ven sông bị lộ trơ ra như một hàm răng khắp khểnh. Ở trong phố, đèn đã bắt đầu bật sáng.

Anh Xưởng quay lại bảo vợ:

– Quái nó ở chỗ này sao tìm mãi không thấy.

Chị Xưởng đứng lại nhìn rồi cười bảo chồng:

– Hay là ở gần dưới mố cầu đàng kia, mình nhớ lắm đấy.

– Nhớ lắm thế nào. Tôi nhớ rõ nó ở chỗ này mà lại!

Anh đứng thẳng đưa mắt dò dẫm, rồi thốt lên:

– À đây rồi! Có thể chứ!

Anh Xưởng dẫn vợ tới trước một lỗ cống rất lớn, đường kính cao tới hơn đầu người. Họ lấy diêm châm đèn chai rồi chui vào — Anh Xưởng chui vào trước để dẫn đường. Ở trong tối om và lạnh hun hút khiến chị Xưởng ngừng lại vì thấy sờn da gà.

Anh Xưởng vừa giơ cao đèn, vừa quay lại hỏi vợ:

– Cái gì thế?

– À không.

Vừa đáp, chị Xưởng vừa rón bước theo chồng. Vợ chồng anh Xưởng lấy nhau được tám năm sinh được một đứa con gái năm nay lên bảy. Chị sinh tiếp mấy lần nữa — nhưng con đều bị chết yểu. Rước thầy cúng về làm đàn, lễ bái

leng beng, thầy cúng cho biết là dưới căn lều của vợ chồng anh có hài cốt ma khách, phải luôn luôn gà, xôi cúng vái mới yên — Nhưng chỉ yên tạm tạm. Thỉnh thoảng chị Xưởng lại ốm bất thần như ma làm, mấy hôm tự nhiên tỉnh dậy khỏe như thường — Thế rồi ít hôm sau lại lăn đùng ra ốm. Chị mới sinh được một đứa con trai nhưng nó lại cũng nay ốm, mai đau, mặt xanh bủng, khóc ê a suốt ngày, nên làm cho vợ chồng anh hết sức lo lắng. Cúng vái mãi mà cũng không bớt. Đã thế mấy hôm nay nó lại bị nóng lạnh. Từ lâu, vợ chồng anh đã định bỏ cái căn nhà “có ma” này để rời đi chỗ khác, mà rút lại vẫn không sao rời đi được, vì quá nghèo túng. Thôi thì đành thi gan với trời vậy.

Vì cần tiền thuốc men cho con, hôm nay, chị liều đi theo chồng vào một nơi

mà, chỉ mới nghe nói chị đã thấy ớn xương sống.

Ánh sáng lơ mờ của chiếc đèn chai hình như bị cái tối dày đặc trong lòng cống bóp nghẹn lại, thoi thóp, hắt lên trên thành xi măng ẩm ướt và nhầy nhọt như rêu.

Anh Xướng nói:

– Hôm nay giữa tháng, mình có thể vào sâu được, chừng hơn mười giờ nước mới bắt đầu lên. Mọi khi chỉ vào được một lát, không ra kịp, nước triều tràn vào thì khốn – Năm ngoái đã có mấy người bị chết nghẹt ở trong này cũng vì thế.

Tiến vào được một lát, hai cái bóng ngừng lại: họ tới một một chỗ cống chính chia ra làm ba nhánh phụ. Anh Xướng đứng ngăn ngừa một giây rồi dẫn vợ chui

vào cái ngách ở bên tay mặt. Lòng cổng hẹp hẳn lại, họ phải cúi lom khom.

Chị Xướng hỏi:

– Đường lối góc ngách thế này thì rồi biết đường nào mà ra.

– Thì cũng rán mà biết chứ. Tôi vào đây kể có cả chục lần rồi, nhưng cũng không nhớ được. Vừa rồi phải lấy phấn làm ghi để nhớ lối mà ra đấy.

Dưới chân nước lạnh buốt, khiến cho bàn chân bị tê đi như có kim châm. Bỗng gặp một chỗ rêu trơn, chị Xướng trượt chân đâm chúi về phía trước, may nín được áo chống, chiếc đèn chai đập vào thành cổng tắt phụt.

Anh Xướng giật mình, giơ cao chiếc đèn chai ở tay anh lên soi, rồi hỏi vợ:

- Cái gì thế? Có việc gì không?
- Không, chỉ bị xảy chân một chút thôi.

Anh thắp ngọn đèn cho vợ, rồi hai người lại lom khom tiến.

Càng vào sâu, đường đi càng ngóc ngách như trong hang chuột. Khí trời dần dần trở nên nặng nề, u uất gần như là đặc quánh lại. Mới đi được chừng một lát mà chị Xướng tưởng như đã xa hẳn thế giới loài người hàng thế kỷ. Bóng tối dày đặc và lạnh như ở trong nơi mộ địa, khiến chị rùng mình.

Chị chợt nhớ đến những chuyện người Tàu chôn vàng ở dưới hầm núi mà ông bà thường kể cho chị nghe hồi còn nhỏ. Chị nghĩ thầm: có lẽ cũng đến thế này là cùng.

Một hơi gió lạnh. không biết từ đâu, thổi hun hút như bắt nguồn từ nơi sâu thẳm của Âm ty. Rồi lại im lặng – im lặng hoàn toàn, im lặng đến nỗi chỉ nghe cả thấy tiếng nước nhỏ giọt ở chung quanh, tiếng trái tim chỉ đập, và tiếng mạch máu lưu hành ở trong huyết quản.

– Bắt cá, bắt tôm mãi ở chỗ nào, hả mình?

– Còn xa.

Vừa nói, anh Xướng vừa dắt vợ chui qua một cái ngạch cổng hẹp hơn nữa. Lần này họ phải cúi thấp hẳn xuống, và đi dò từng bước.

Anh Xướng bảo vợ:

– Tới đây phải đi cẩn thận. Gặp vật gì phải liệu mà tránh kéo khốn. Hồi đánh nhau, du kích Việt mình chui xuống lỗ

cống, còn bỏ sót lại đây nhiều mìn và lựu đạn chưa nổ. Đã có mấy người chết rồi đó.

Bỗng có tiếng rung chuyển dồn dập, khối đất trên đầu như sắp sập xuống – Rồi một tiếng thét đến long óc. Chị Xướng níu chặt lấy tay chồng, ngơ ngác, rồi hỏi bằng một giọng run run:

– Cái gì thế, hả mình?

– À xe lửa nó chạy qua trên đầu mình chứ còn cái gì nữa.

Vừa nói, anh Xướng vừa cúi xuống nhìn lên phía trước, chị Xướng cũng cúi xuống nhìn theo: một chút ánh sáng vàng của đèn điện loé sáng qua kẽ hở, ấm áp như một tia hy vọng, tuy gần nhưng lại rất mực xa xôi tưởng như bắt nguồn từ một thế giới kỳ dị nào. Anh Xướng quay

lại bảo vợ:

– Đây là cái cửa cống ăn thông trên mặt phố có nắp đậy kín. Xe lửa vừa chạy trên đầu rầm rộ có lẽ là chuyến xe lửa 8 giờ tối ở Nha Trang ra. Không khéo bọn mình vào tới khu nhà ga rồi cũng không biết chừng.

– Sao mình lại đoán được là nhà ga? Dưới này tối mò như âm ty, rờ rẫm từng bước còn chẳng xong nữa là...

– Đất chỉ rung chuyển một lát rồi lại yên, mà trên đầu vẫn cứ còn có tiếng rầm rộ mãi. Như thế là xe đậu hẳn mà không chạy chỉ có nhà ga xe lửa mới đậu hẳn thôi chứ.

Hai người lại cúi thấp, chui vào một cái cống ngầm khác. Tiếng rầm rộ yếu dần, xa dần, mờ dần. Rồi im lặng hoàn

toàn. Khí càng lạnh và nước dưới chân càng buốt hơn. Một mùi tanh tươi của rác rưởi xông lên, ngọt ngọt khó thở. Ngọn đèn chai chỉ le lói được một khoảng nhỏ. Hai cái bóng cứ lăm lăm mãi, chui rúc mãi. Một vật cử động từ trong một khóm rêu ngoai ra. Anh Xướng chăm chú nhìn rồi vui vẻ bảo vợ:

– À từ đây trở vào bắt đầu có tôm cá rồi. Nhìn tinh mà bắt.

Vừa nói anh vừa trao đèn cho vợ soi, rồi cúi xuống. Thấy ánh đèn, có lẽ quáng mắt, vật đó chui mình vào trong đồng bùn lũng nhùng. Vội vã, anh Xướng nhao tới, hai tay dang ra chịt thật chắc rồi giơ lên: một con cá trê lớn như cả một bắp đùi, da đen bóng, dương vùng vẩy, dẫy dụa, mồm ken két như tiếng hai cây tre già xát mạnh vào nhau.

– Cá trê gì mà to như là cá trê thần vậy, hờ mình? Coi mà đủ phát ớn!

– Đã lấy gì làm to cho lắm. Ở trong này tôm cá ăn những đồ thừa từ các nhà tuôn xuống, lại sống lưu cữu hàng chục năm, nên có con cá trê to gấp mấy lần thể này. Có khi không khéo nó vật mình ngã cũng không biết chừng. Có con ếch khoang to hàng mấy kí ngỗng lù lù, có con cua bò lồm cồm, to như cả một cái vung nồi ba.

Hai vợ chồng lại tiếp tục lần đi... Đi một quãng xa nữa, thì cua cá bắt đầu lác đác. Một con tôm càng vụt xuất hiện thấy động, nó dương cặp mắt đỏ, thân lẩy ra như hạt ngô, ngạc nhiên nhìn ánh đèn. Hai cái càng to lớn như hai chiếc đũa cả ghế cơm, vung ra phía trước lăm le để tự vệ.

Chị Xướng chop bắt – càng tôm cắp chặt vào ngón tay trở. Nhãn mặt chị bẻ gãy càng tôm rồi ấn vào trong thùng. Con tôm lục xúc, vật mình xô vào vỏ thùng một lát mới chịu nằm yên.

Bỗng có tiếng đàn nhạc văng vẳng từ đang trước vọng tới, mỗi lúc một rõ thêm. Hai người dừng lại, lắng nghe. Anh Xướng bảo vợ:

– Có lẽ mình đã tới cổng đường Cat-inat – Tiếng kèn, tiếng trống đó là ở cái nhà hàng bọn Tây nó nhảy đầm. Nếu thế thì bây giờ cũng đến chín giờ đêm rồi đấy. Mình đi qua lên phía trên xem có bắt thêm được con gì nữa rồi liệu còn về cho kịp, kéo nước triều bít đường, không có lối ra.

Hai vợ chồng Anh Xướng cúi đầu thấp xuống để chui vào cái cổng ở phía

bên tay trái. Chui được một lát, thì cái cống bỗng rộng thùng ra một cách bất ngờ. Hai người có thể đi thẳng một cách dễ dàng.

Bỗng hai cái bóng cùng ngừng lại giờ cao đèn lên để xem xét: trong ánh sáng vàng ệch, lơ mờ hiện ra mấy bộ xương khô, màu trắng ngả xuống màu mùng hóng, vẫn còn tựa vào vách cống. Cái đầu lâu hiện còn dính vào cổ răng nhe ra như đương nhả nở cười:

Chị Xướng run lấy bầy, nắm chặt lấy tay chồng. Trong hầm cống lạnh giá, mà chị cảm thấy như mồ hôi đương nhỏ giọt ở trán và hai bả vai. Bình tĩnh, anh Xướng cầm cây đèn chai né sang một bên và im lặng tiến bước.

– Thôi đi ra mình ạ! Chả bỏ!!

– Việc gì mà sợ nào? Đây chắc là du kích Việt Minh ngày trước lén vào thành ném lựu đạn giết tây, bị Tây đuổi, chui đại xuống lỗ cống rồi lạc lối không biết đường ra, đành chịu ngồi chết đói cả ở đây đó thôi!

Mãi một lát sau, chị Xướng mới hoàn hồn. Giữa khi đó thì tới một khoảng cống mà xi măng vì lâu ngày bị tróc bể, trứng hẫ xuống, nước đặc sệt và đen như hắc ín. Từ đó trườn ra một vật nhầy nhọt dài và to như một đoạn tre mật.

– Lươn, lươn, mình ạ!

Anh Xướng nhảy qua vũng nước sang phía bên kia, để đèn xuống rồi vội vã chịt chặt lấy cổ lươn, rón sức kéo lên con lươn dầy dọ, lẳng nhẳng, cố sức cưỡng lại, mồm thở phì phì. Chị Xướng phải bỏ đèn, tiếp tay chống vật lộn với

con lươn, mãi mới nhét được nó vào trong thùng Trong khi anh Xướng cúi xuống mò vào vũng nước để xem có còn bắt thêm được con nào nữa không thì chị Xướng thọc tay vào bên trong một cái lỗ vỡ ở thành cống:

– Chắc cái tổ lươn ở trong này mình ạ! Chẳng lẽ lại chỉ có một con đi lẻ.

Chị Xướng vừa nói vừa rón thọc tay thực sâu, Anh Xướng đứng lom khom cạnh vợ để nghe ngóng.

– Tay mình ngắn không thọc tới được đâu. Thôi để tôi...

– Không! Tôi được mà! Vừa mới nắm trúng được một khúc của nó, con này có lẽ to bằng bắp chân chứ không chơi.

Im lặng!

Bỗng chị kêu lên một tiếng thất thanh, mặt co rúm lại.

– Cái gì thế! Cái gì thế hả mình?

– Rắn, rắn! Nó cắn chết tôi rồi.

Anh Xưởng kinh hoảng:

– Rút ra đi, rút ra đi!

Da mặt xám hẩn lại, chị rên rĩ:

~ Khốn khổ! Nó cuốn chặt lấy cảnh tay không ... Không rút ra được nữa.

Bỏ đèn xuống, anh Xưởng cầm bả vai vợ lôi ra, cố lôi ra.

– Thôi mình ơi! Đau lắm . . . đau lắm . . . gãy tay tôi mất!

Như không nghe thấy tiếng rên rĩ của vợ, người chồng vẫn rón

Một bên cuốn chặt cổ lôi vào, một bên dùng toàn lực cổ lôi ra chị Xướng thấy các xương sườn trong ngực chị như bị co dúm lại và cổ họng như nghẹt thở.

Cùng thế. anh Xướng liều cho tay thọc trong lỗ để chiến đấu tiếp cứu cho vợ.

– Đừng đừng, nó lại cắn chết mình thêm nữa . . . mình ơi! Đừng đừng! Chết cả thì lấy ai mà nuôi chúng nó ...

Hai tiếng “chúng nó” làm cho anh Xướng đang hăng bỗng trở nên điềm tĩnh. Anh rút tay lại, soi đèn ngó vào trong lỗ tối mò mò . . . Rồi như không nghĩ được thêm một kế gì khác, anh lại ghì chặt bả vai vợ, cổ lôi ra, mặc cho vợ anh rên rỉ thảm thiết. Anh đạp hai chân vào thành xi măng, lấy hết gân mà chiến đấu. Cuối cùng, con rắn phải buông ra.

Cổ tay chị bị ứ máu sưng đầu, nhiều chỗ tím bầm lại lằn hằn xuống như bị đánh, bằng côn sắt.

Anh Xướng cố vực vợ, dìu đi từng bước. Được một quãng thì mặt chị dần dần sưng húp cặp mắt đại hằn đi lơ đờ, Chị nói qua hơi thở hỗn hển:

– Không . . . kịp nữa ... đâu! Nước . . . nước triều... lên rồi . Thôi bỏ . . . bỏ em ... lại mình! Kẻo chúng ..nó ..mong.

– Không lo! Tôi sẽ tìm lối cổng thông lên đường phố để chui ra... Vừa nói anh vừa xốc vợ lên lưng, tay cầm đèn chai cúi lom khom mò đi từng bước. Nằm trên lưng chồng, chị Xướng quằn quại, rên rỉ, bọt trắng xùi ra ở hai bên mép.

– Nước triều lên rồi!...

Anh Xướng kinh hoảng cố đeo vợ

đương ngắc ngoải đi bừa trong lòng cống ngóc ngách giống như một con dơi bay loạn choạng trong một cái hang quá hẹp, đầu luôn luôn đập phải vách đá. Anh mong tìm thấy một cửa cống ăn thông lên mặt phố để thoát ra. Nhưng trước mắt anh chỉ có một màu đen dày đặc sâu thăm thẳm.

Bỗng trên đầu anh những tiếng ào ạt trước còn văng vẳng sau trở nên dồn dập mãnh liệt như vũ bão. Rồi những tiếng nổ liên miên âm vang làm cho lòng đất lúc lúc bị rung chuyển.

– Trời ơi! Lại mưa lớn nữa!

Anh kêu lên một cách đau đớn gần như tuyệt vọng. Giữa khi đó nước khắp nơi dồn tới chảy mạnh như nước lũ làm cho anh bước không vững tưởng như muốn ngã chúi về đằng trước.

Nước mỗi lúc một dâng cao một tràn ngập, ngọn đèn chai bị tắt phụt, mắt mũi tối sầm lại! Anh không còn trông thấy gì nữa chỉ nghe thấy tiếng nước chảy réo lên một cách kinh khủng ở chung quanh anh. .Nước dâng lên đến ngực nước dâng lên đến bả vai... Tay, vợ anh rời rã không sao bám được vào cổ anh nữa. Một tay anh ngoặt về phía sau quàng lấy lưng vợ một tay anh cố vùng vẫy với dòng nước cuốn.

Anh còn văng vẳng nghe thấy tiếng vợ anh rên rỉ:

– Cố mà về với chúng nó ... mình ơi!!!

Hai tiếng “chúng nó” như có một sức mạnh phi thường làm cho anh quyết cường lại không để cho dòng nước cuốn đi...

Đời anh là một đời nghèo khổ — lên 5 tuổi đã mồ côi cha mẹ. Họ hàng không ai nuôi nấng – Anh sống lang thang lấy đầu đường xó chợ làm nhà lấy việc ăn cắp vặt làm kế sinh nhai — có lần anh bị cái lão đội sếp tây to bụng dùng roi gân bò đánh toé máu đầu. Lớn lên anh vẫn sống cuộc đời “ma cà bông” và trở nên một thứ anh chị ở chợ Hôm Hà Nội. Rồi anh lấy vợ – vợ anh là một cô gái quê bị mẹ ghẻ hành hạ trốn lên tỉnh đi lang thang. Hai người gặp nhau ở vườn hoa Con Cóc rồi lấy nhau. Vợ anh bán hàng rong còn anh thì làm cu-li poóc-tơ ở bến tàu Nhưng nghèo khổ vẫn hoàn nghèo khổ.

Anh hoảng hốt cố vùng lên nhưng vô hiệu...

Nước đã lên tới cằm rồi lên tới mũi...

Anh cố nhoi lên thở phì phì, anh nhoi mãi, nhoi mãi.

Nước réo lên ở chung quanh... nhưng anh không còn nghe thấy gì nữa, vẫn ghi riết lấy xác vợ anh... Rồi anh kiệt lực... chìm dần... chìm dần. Chung quanh nước vẫn sôi réo lên dồn dập như thác đổ và đêm tối thì đặc sệt mênh mông vô cùng tận...

NGUYỄN DUY DIỄN

Bóng tối

NGUYỄN SA

Với Chu, Saigon là Đạm. Không phải là hè phố Tự Do, Bông ngày thứ bảy, bờ sông buổi chiều. Không phải đại lộ vạm vỡ chạy vút từ vùng ánh sáng chợ Bến Thành đến vùng ánh sáng to rộng hơn của Chợ Lớn ban đêm. Không phải là những xóm buôn tối, lầy lội của Khánh Hội, những ngôi nhà chật bé của Bàn Cờ. Cũng không phải hương thơm bánh cuốn ban đêm, màu áo dài và gió bay, tiếng chuông lớn giáo đường ngày Chúa nhật, những ngọn đèn xanh đèn đỏ, âm nhạc ban đêm, những ngọn

đèn thấp trên boong những con tàu đậu dọc bờ sông phía Saigon và phía bến tàu Khánh Hội.

Chu biết rằng với bạn bè anh, với người khác Saigon có thể là những cái ấy. Anh biết rằng hương vị của bánh cuốn nóng, bát tái nạm hai giờ đêm, điệu trompette buồn đục phá trong những gian phòng ánh đèn màu đỏ tối chỉ có thể tìm thấy ở Saigon. Những quán nước, phòng trà, đèn hiệu giao thông, vũ trường, những tà áo đi dạo buổi chiều của Saigon đều có một không khí, một nhịp thở riêng. Một vẻ đặc biệt Saigon. Từ ngôi nhà building cao vừng đến chiếc nhà mái tôn thấp nóng, những phố sầm uất to rộng và những phố nhỏ bé vắng buồn, những sạp báo đầu phố, những lớp học tối, những rạp thường trực đổi phim một tuần hai lần

tất cả hợp lại thành những tế bào bám vào nhau, dựa vào nhau, tan vào nhau và cấu thành một Saigon với một cuộc đời riêng biệt.

Chu biết rằng một người khách quan sẽ nhận định như thế. Nhưng với Chu, Saigon là Đạm. Cánh tay Đạm là cánh tay Saigon. Hơi thở Đạm là hơi thở Saigon. Mái tóc Đạm là mái tóc Saigon. Khuôn mặt Đạm là khuôn mặt Saigon. Tất cả Đạm là thân thể và linh hồn Saigon. Saigon là Đạm.

Đạm giữ vị trí chắn ngang giữa Chu và Saigon. Vị trí của một lăng kính khổng lồ có tác dụng bóp méo sự vật. Saigon ở đằng sau lăng kính ấy. Bối cảnh ấy lệ thuộc vào lăng kính. Đạm vui thì Sai gòn vui. Đạm buồn thì Saigon buồn: Với Chu, bốn mùa của thành phố đổi thay theo từng cử động nhỏ bé của mười

ngón tay màu nhiệm của Đạm. Chu nhìn Saigon qua mắt Đạm. Anh soi gương thành phố bằng đôi mắt đen to xa vắng của Đạm. Không gian, thời gian không khí, mạch máu, cuộc đời Saigon chuyển động dưới mắt Chu theo vận tốc của sự chuyển động của Đạm. Saigon là Đạm.

Chu biết rằng có thể trong một năm, hai năm anh sẽ tách biệt được Saigon và Đạm, đặt Saigon một bên và Đạm một bên như hai sự kiện thật sự riêng rẽ. Nhưng ngay bây giờ, ngay hôm nay thì không thể được. Nghĩ đến bất cứ tiệm ăn nào mà anh đã dùng bữa, bất cứ góc phố nào mà anh đã đặt chân, bất cứ hộp đêm nào mà anh đã đi qua là lập tức toàn diện hình ảnh Đạm xuất hiện rõ rệt, sống động, nguyên vẹn. Chu không thể tức khắc gạch bỏ được hình ảnh nam châm của Đạm. Cặp mắt ấy

còn soi chiếu lên tâm hồn anh lớp ánh sáng trong sáng nhất, kỳ ảo nhất. Hơi thở ấy còn thổi vào tâm hồn anh hương sắc tràn đầy nhất, ngào ngạt nhất, thần thánh nhất. Mỗi phần cơ thể Đạm còn nguyên vẹn với sức mạnh của dòng sông lớn bằng mạnh trong hồn Chu. Và tất cả Đạm là đại dương. Chu nằm sâu ở đáy sâu nhất của đại dương ấy.

✱

Bây giờ Đạm đi rồi. Đi hẳn rồi. Và sự có mặt vững chắc của Đạm càng trở nên chói sáng, thực sự. Chu nhớ đến vẻ mặt thích thú của Thúc khi nói đến một nhận định của S. de Beauvoir.

– Một người đàn bà không nhìn thấy vẻ đẹp của mình trong sự soi gương, sự

nhìn ngắm diện mạo mình trong tấm kính tráng thủy. Nó chỉ nhìn thấy nó đẹp trong người đàn ông nhìn ngắm nó. Không phải ta nhận thấy sự hiện hữu của ta nhờ tư duy như Descartes nói. Không phải « tôi nghĩ vậy có tôi ». Mình chỉ ý thức được sự hiện hữu của mình trong mắt kẻ khác, qua kẻ khác.

Thúc diễn tả nhận định của Beauvoir một cách văn nghệ như thế. Chu vẫn cho rằng nghĩ như thế không phải là sai. Nhưng trường hợp Đạm bắt Chu nghĩ khác đi chút ít. Chắc chắn Đạm đã nhìn thấy sự có mặt, sự hiện hữu hết mình của nàng trong mắt Chu. Đúng. Nhưng Chu còn nhìn thấy sự có mặt của Đạm ở ngoài mắt anh. Ở sự vắng thiếu . Đạm. Ở sự Đạm tự ý từ bỏ cuộc đời này. Ở thái độ của những người bạn (cả Thúc cả Hoàng) đã xa cách anh bởi vì anh đã

chọn lựa sự liên lạc thường xuyên với Đạm.

Khi người đàn bà ấy nằm trên giường này lần thứ nhất và Chu gửi đến thân thể dài bên anh hơi thở, mắt nhìn, ngón tay khám phá anh đã thấy vô số yếu tố cho phép anh nghi ngờ, linh cảm rằng anh sẽ đứng, sẽ phải đứng ở Đạm thật lâu. Tiếng cười ồn ào của Đạm cất lên lúc Chu đưa Đạm đến gian phòng này và ngọn đèn được bật sáng. Đạm nói trong giọng cười:

– Đừng đọc nữa. Em biết tờ giấy ấy nói gì rồi. Nhà anh không có đĩa hát chứ gì? Phải không?

Chu nhìn Đạm cười gượng gạo. Chu đo rõ được độ cao của sự gượng gạo ấy trong giọng cười của Đạm lại cất lên. Anh nghĩ đến những lời anh nói với

Đạm, những sự chuẩn bị khoa học để đưa Đạm đến đây.

– Nhà anh có một bộ đĩa Dali Da. Một thằng bạn ở Mỹ về mới cho. Nghe xong anh lại đưa em về tận nhà.

Tiếng Đạm nói và cười cợt ở đằng trước mặt khi những ý nghĩ ấy được kiểm soát lại ở trong đôi mắt ngờ ngạc, nụ cười gượng gạo của Chu.

– Em biết chắc là nhà anh không có đĩa vì em nhìn thấy anh gài tờ giấy này vào khe cửa khi mở khóa. Anh cũng biết thừa là nhà không có đĩa và anh gài tờ giấy ấy vào khe cửa để giả mạo làm như của một người bạn đến mượn đĩa chứ gì. Đúng không? Đọc lên xem nào!

Chu ghì Đạm vào trong cánh tay. Đạm đẩy Chu:

– Đọc lên đã!

Chu đọc:

– Chu, tao mượn mày bộ đĩa. Mày đi vắng nên lấy đĩa và để giấy này lại. Tuấn.

Khi những ngón tay, hơi thở, thân thể Chu đến với thân thể Đạm, tiếng thở nhẹ của Đạm ở bên cạnh chạy trên vai Chu:

– Anh có biết tại sao em biết tờ giấy ấy nói về việc mượn đĩa không?

– Không.

– Bởi vì em đã được nghe đĩa như thế này nhiều lần rồi.

Sự im lặng đến sát gót lời nói cuối cùng của câu nói ấy. Đạm nằm im, đầu sát vào vai Chu hơn một chút. Chu nghĩ đến thằng Thúc, thằng Phan, thằng Trần,

thằng Hoàng. Đứa nào đã làm « cú » đĩa hát ấy với Đạm trước Chu?

– Và phòng này cũng không phải của anh, đúng không?

Chu hoảng hốt:

– Em đến rồi à?

Đạm cầu một cánh tay Chu:

– Chưa nhưng em biết. Anh tìm mãi mới thấy chỗ bật đèn. Chỗ bật đèn ở ngay sát cửa vào mà anh mò mãi quanh nhà. Chẳng lẽ nhà anh mà anh không biết chỗ bật đèn à. Hiểu chưa?

Ngón tay Đạm chỉ vào góc nhà:

– Cái áo to kia không phải của anh.

Của thằng Thúc. Chu không muốn trả lời Đạm rõ rệt như thế. Anh chỉ cười

hề hề và im lặng thú nhận. Chu không nhớ rõ ràng mực độ của sự kinh ngạc mà những lời nói đột ngột của Đạm đã đem lại cho Chu lần đầu tiên ấy mãnh liệt như thế nào. Nhưng trong những lời nói đột ngột ấy Chu tìm thấy một sức hấp dẫn. Bạn bè Chu chúng nó bảo rằng Chu là một thằng ngu, một thằng đại gái. Trong những lời phê phán ấy Chu nhìn thấy ý nghĩ tiềm ẩn ước đoán sự hiện hữu của yếu tố dục vọng to lớn đã quyến lấy Chu. Không phải là cặp mắt ấy, cánh tay ấy, mái tóc ấy, đôi môi ấy không có sức hấp dẫn. Đã có lúc Chu nghĩ rằng cuộc đời sẽ ngắn đi, hẹp đi nhiều lắm nếu anh không được dùng cơ thể mình làm kích thước đo chiều dài rộng của cơ thể Đạm. Như thế Đạm có thể là cánh cửa mở vào không gian lớn của cuộc đời? Đúng. Cuộc tình duyên này sẽ khác đi nếu thân thể Đạm khác đi. Yếu tố ấy thiếu sót thì

toàn thể cũng khác đi, cuộc sống cuồng nhiệt mà Chu đã sống cũng sẽ khác đi. Nhưng đấy không phải là những yếu tố quyết định. Những lời nói, cặp mắt nhìn đột ngột, mở toang như ánh sáng soi chiếu lên khuôn mặt thực của sự vật, đấy mới là yếu tố quyết định. Không có một sự e thẹn điều bộ, không có một sự che giấu khuôn sáo, không có những lời nói tình tự công thức nơi Đạm. Ánh sáng đến từ Đạm đã làm cho Chu hiểu tại sao có nhiều lần anh khó chịu trước sự hiện diện của những đàn bà giáp mặt anh trong một gian phòng. Chu nhớ nhất một đứa con gái đi làm không biết tên là gì đã nói với Chu bằng một câu văn cái lương:

– Cuộc đời em kể từ nay ở trong tay anh. Anh thương yêu em hết đời anh nhé.

Chu nghĩ tại sao nó có thể nói được những câu vô nghĩa lý như thế một khi nó biết chắc rằng cuộc gặp gỡ này chỉ hạn định trong một thời gian ngắn, nó ao ước rằng khoảng thời gian ấy rõ thật ngắn. Chu bàn với Thúc:

– Nó không phải là nó nữa, nó bị đóng khuôn bởi những ý nghĩ, cử động, lời nói của những nhân vật tiểu thuyết, những nhân vật kịch, cải lương, hát chèo.

Thúc nói:

– Thì chúng mình nhiều khi cũng không phải là mình. Mình chỉ mặc lấy những ý nghĩ của người khác, những tác giả Tây phương. Mình mặc lấy những lời hào nhoáng mà bạn bè xưng tụng mình bởi vì họ cũng mặc lấy những lời hào nhoáng mà mình xưng tụng họ. Trong sự tự lừa đảo và sự lừa đảo lẫn nhau ở

cõi đời này mọi người đều thích thú. Rồi nhăm những ý nghĩ của kẻ khác làm ý nghĩ của mình, lời xưng tụng lẫn nhau và sự kiêu hãnh làm chân lý. Minh hóa thân thành cái vỏ mà mình khoác lên tâm hồn mình, cái vỏ mà chúng mình khoác lên tâm hồn nhau.

✱

Chu muốn nói với bạn bè về khuôn mặt ấy, tâm hồn ấy của Đạm. Sự xa cách Đạm để trở về với bạn bè là vấn đề mà anh không đặt ra bao giờ. Nhưng anh cũng không muốn những mối liên lạc bạn bè nhạt đi, lỏng đi. Nhưng chẳng một lần nào Chu nói được lời nào cả. Có thể vì trong cái tình-bạn-đàn-ông, sự giải thích, sự sử dụng ngôn ngữ làm phương tiện biện minh cho một thái

độ, một kiểu sống dưới mắt Chu cũng như dưới mắt bạn bè anh Chu sẽ làm mất tính chất đàn ông của tình bạn ấy đi. Nên anh giữ sự im lặng nặng nhọc. Ngay cả hành động ra đi này của Đạm sau những ngày đêm mà Đạm chịu đựng Chu cũng sẽ không nói với bạn bè anh. Chu còn nhìn thấy Đạm đứng ở bên kia hè phố vụt chạy sang với đôi chân với cánh tay với khuôn mặt mừng rỡ khi Chu hiện đến. Chu còn nhìn thấy thân thể Đạm nằm sắp theo chiều ngang của con đường Gia Long. Gần bên là chiếc xe đã ném Đạm nằm xuống đấy. Và những vết băng bó kia trên thân thể Đạm, khuôn mặt Đạm im lặng trong bóng tối của gian phòng, trong bóng tối của những ngày tháng dài. Chu nâng đầu Đạm lên cánh tay, đưa vào đôi môi nhỏ, tái xám từng thìa sữa Chu bảo với đôi mắt buồn của Đạm:

– Em đừng nghĩ gì cả. Em thế nào đi nữa em vẫn là Đạm, anh là anh. Sẽ không có sự kiện gì có thể phân cách được chúng mình.

Sự « thế nào đi nữa » của Đạm, Chu biết tên nó là sự tê liệt toàn diện đôi chân. Đôi chân Đạm dài gần đến mắt cá chân Chu khi Đạm rúc vào nách Chu. Đạm cũng biết tên thật của sự « thế nào đi nữa » ấy. Chu đã dành cho Đạm sự săn sóc của một cánh tay dành cho một cánh chim yếu mỏng. Sự buồn bã có xâm chiếm lấy anh. Những viễn tượng đen tối có vây bọc lấy anh. Chu nghĩ đến sự chấm dứt vĩnh viễn của những cuộc đi dạo buổi chiều gió mát bờ sông và những bước chân gọn bước, những cánh tay sát gần. Nhưng không bao giờ ý nghĩ chấm dứt sự gần gũi Đạm đến với Chu. Vấn đề ấy không được đặt ra, hiện

ra một lần nào. Trái lại Đạm càng nổi lên, rõ ra trong Chu. Trong sự bận bịu chăm sóc Đạm, hình ảnh các bạn bè Chu và sự hờn giận của họ gửi về anh cũng tan biến đi trong ý thức anh. Chu không thể tưởng tượng rằng câu hỏi: « Anh lấy tiền đâu mà chữa thuốc cho em tốn đến thế. » « Anh lấy tiền đâu mà chữa thuốc cho em mãi. » của Đạm chứa đựng một sự toan tính ghê gớm.

Buổi sáng nhìn thấy Đạm nằm phẳng lạng với khuôn mặt hằn những vết nhăn đau phũ phàng Chu mới biết là Đạm đã đi. Chu mới hiểu là Đạm đã cắt đi mỗi đêm một viên thuốc ngủ. Mỗi viên thuốc ngủ buổi tối nhằm mục đích đem lại sự yên lặng của thân thể đau yếu Đạm đã gom góp lại thành số lượng cần thiết của độc dược. Chu không biết khi uống 20 viên thuốc ngủ ấy trong khi Chu

ngủ trong sự bình yên ngu độn Đạm đã sống trong sự buồn đau ray rứt khủng khiếp như thế nào. Nhưng những đêm thao thức không ngủ vì sự cần thiết dành dụm viên thuốc để làm liều độc được kia, sự ray rứt buồn đau có lẽ cũng không phải bé nhỏ. Mỗi viên thuốc dành dụm đều mang hình ảnh, sức mạnh của một giông tố. Sự đau đớn ghê gớm của quyết định từ bỏ cuộc đời đã kéo dài suốt 20 đêm trong tâm hồn Đạm. Những lời nói âu yếm nhắc nhở kỷ niệm mà Đạm đã nói với Chu trong 20 ngày ấy bây giờ hiện ra trước mặt Chu như những lưỡi dao nhọn đã dự phần trong chiến cuộc đã vò xé Đạm trong suốt 20 đêm. Cường độ của sự đau đớn vò xé trong Đạm tăng với độ âu yếm của lời nói của Đạm. Chu hiểu rằng tâm hồn sáng chói chân thành với những lời nói soi thẳng vào sự vật bằng tác dụng của ánh sáng đã thúc đẩy

Đạm quyết liệt. Đạm không muốn trốn tránh sự thật là Đạm sẽ là một gánh nặng cho Chu dù Chu chưa bao giờ nghĩ tới. Bây giờ mới chỉ là sự tổn kém về tiền tài. Tình cảm hiện tại còn đủ mạnh tạo dựng thành một bức màn dày để che sự tàn tật của Đạm Nhưng với thời gian chiếc màn sẽ mờ đi, nhạt đi, mỏng đi. Chắc Đạm đã nhìn về viễn tượng ấy. Đạm đã từ bỏ cuộc đời vì không muốn trốn chạy khuôn mặt thực sự nhất của cuộc đời. Trong nhiều tháng Chu đã chọn sự im lặng vì không biết phải dùng ngôn ngữ nào mà giải thích cho bạn bè về toàn thể Đạm. Bây giờ sự giải thích ấy cũng không cần thiết nữa. Có thể bạn bè sẽ vì sự từ bỏ cuộc đời của Đạm, sự trở lại cô đơn của Chu mà lại tìm đến anh, xí xóa dĩ vãng Chu – Đạm. Sự trở lại cũng không cần thiết. Sự xí xóa cũng không cần thiết nữa. Dưới mắt chúng nó anh

đã đi vào một vùng bóng tối. Chúng nó ở vùng ánh sáng. Chu đã nói với Đạm một lần nào đó:

– Mỗi con người thường vì ươn lười, bảo thủ, mặc cảm mà phân định cuộc đời ra làm hai phạm vi rõ rệt. Phải một bên, trái một bên. Thiện một bên, ác một bên.

Dưới mắt người trưởng giả thì lũ người văn nghệ như bạn bè Chu và Chu với cuộc sống phóng túng của họ bị gạt vào vùng bóng tối của sự hỗn loạn, xấu kém. Dưới mắt người đàn bà tốt số lấy chồng theo đúng lễ nghi thì lũ người đàn bà của cuộc đời hoan lạc ban đêm là hiện thân của tội lỗi. Với bạn bè Chu cuộc đời cũng bị phân định ra làm hai vùng mặt trời và bóng tối. Họ không cho sự sống phóng đảng bữa bãi của họ là xấu. Họ không lấy đạo đức của phong tục ra làm

tiêu chuẩn để phân định tốt xấu nữa. Họ không chấp thuận công thức cũ. Nhưng họ tạo ra những công thức mới; qui luật mới mà họ gọi là tự do. Họ đặt sự khôn ngoan lọc lõi và đại khờ ở hai bên ranh giới. Với họ Chu lấy một người đàn bà có dĩ vãng như Đạm không phải là xấu, nhưng là khờ, là ngốc. Chu đã bị loại vào vùng bóng tối của sự xấu xa tội lỗi được mang tên là khờ, ngốc ấy.

✱

Vùng bóng tối bây giờ tự nó đã đi mất. Chu nghĩ như thế khi nhìn lớp đất mới được đắp thành một mô nhỏ ở dưới chân. Lúc những người được thuê đưa Đạm đến đây đã đi về, Chu còn đứng như thế thật lâu nữa. Anh ngừng đầu lên khi bóng tối đã xâm chiếm ở xung quanh

và toàn diện anh. Chu không quay lưng lại nhưng anh biết rằng Saigon đã thấp sáng ở đằng sau. Anh chưa muốn quay lưng lại, chưa muốn trở về. « Vội làm gì. Ở bất cứ mặt trời nào mình vẫn mang theo bóng tối ấy. Không có mặt trời một bên, bóng tối một bên ». Đây là ý nghĩ cuối cùng của Chu.

NGUYỄN SA

Tìm hiểu lịch sử sân khấu

THÁI KHƯƠNG

Nghệ thuật sân khấu thế giới — và không cứ gì là ở Việt Nam — trong những năm gần đây có vẻ như đi vào một ngõ bí, hoặc lạc quan hơn, đến trước những ngõ rẽ chưa biết nên chọn hướng nào. Tất nhiên thỉnh thoảng có được một đôi vở kịch đạt tới một trình độ nghệ thuật cao, nhưng hiện tượng này đột biến cách bất thường không cho phép đặt một hy vọng dài hạn. Mặt khác sự chèn lấn và cạnh tranh của điện ảnh cũng làm khó cho cuộc sống vốn đã chật vật của nghệ thuật này rất nhiều.

Muốn tìm một lối thoát cho kịch nghệ đất nước, vấn đề thật là lớn lao, và có nhiều ràng buộc chặt chẽ với những yếu tố mà một cá nhân không thể nào gỡ nổi. Vậy chúng ta chỉ bàn đến một cách khiêm tốn và chân thành với tính cách của người thưởng thức hơn là sáng tác. Nguyên tắc « ôn cố nhi tri tân » may ra còn dùng được việc gì trong trường hợp này chẳng? Chúng ta đi về phần nguồn gốc lịch sử xa xưa của nghệ thuật sân khấu với hy vọng đó.

★

Trong buổi đầu của lịch sử, hầu như chưa có sự phân định giới hạn ranh mạch giữa thế giới thực thể và thế giới mộng ảo. Con người tin rằng mộng và thực vốn là một, hành động được trên mộng cũng là hành động được trên thực. Với mục đích đó, con người đã diễn lại những

động tác của sự săn bắn, chài lưới, gặt hái, hoặc bắt chước những động tác của thiên nhiên như mưa, gió, nắng v.v... hy vọng có thể điều khiển những động tác đó trong buổi nhảy múa với nhau quanh đồng lửa, trước tượng vật tổ, hoặc thần hoàng, cũng như sẽ có thể điều khiển những động tác khi động tác xảy đến thực sự vậy.

Kịch nghệ ra đời từ đó.

Nhưng là một kịch nghệ gồm cả phân vũ, nhạc, tế, văn. Nghĩa là hầu hết các động tác thông thường mà cao nhất của con người vậy.

Những bức họa ngày nay còn tìm lại được trên các vách đá (như động Altamir ở Tây ban nha; động La Mouthe ở Vèrèze, Pháp v.v...), trên các đồ gốm (Chàm và Batna ở Việt Nam, Suse ở

thượng cổ Mésopotamie..) các vật bằng đồng (mặt trống đồng Ngọc Lũ, Bảo tàng viện Hà Nội) cho chúng ta thấy những hình người đang nhảy múa theo những động tác cung kính nhịp nhàng và thành khẩn. Tay họ thường cầm những cây giáo dài và nhọn, hướng mũi về một đối tượng có thực hay tưởng tượng.

Những hình ảnh đó dầu sơ lược, cũng tạm đủ để chúng ta hiểu nghệ thuật, ca vũ nhạc kịch ở thời kỳ đó. Những nghệ thuật toàn triệt này không có mục đích giải muộn như ngày nay, mà có công dụng thực tế hoặc phụ vào một nghi lễ phù chú bùa yểm cầu vãi, hoặc khẩn nguyện sự trợ giúp của thần linh, nghệ thuật ở đây được coi là một hành động chế ngự và khắc phục sức mạnh thiên nhiên.

Chúng ta có thể coi thời kỳ nghệ thuật toàn triệt này như một thời kỳ phôi thai, và kết luận rằng nghệ thuật toàn triệt ca vũ nhạc kịch vốn thuộc bản năng tự nhiên của con người. Thực vậy, chúng ta có thể gặp và gặp hiện tượng này ở mọi chủng tộc, khắp mọi nơi, vào mọi thời đại. Tính cách phổ quát và quán thông của nó là một điều mà chúng ta phải chú ý đến đầu tiên. Nhân loại trải qua bao nhiêu giai đoạn lịch sử không bao giờ quên được điều đó: kịch nghệ, hay nói một cách khác, nghệ thuật ca vũ nhạc kịch bao giờ cũng chung sống với lịch sử của con người, chia sẻ mọi ngọt bùi, mọi thăng trầm của dân tộc. Nhưng càng đi xa nguồn gốc, thì tính cách phân định giới hạn giữa các bộ môn được xúc tiến rõ rệt hơn. Rồi đến một lúc, con người có một phần kịch ra kịch, nhạc ra nhạc, vũ ra vũ, ca ra ca! Điều này có lợi hoặc

có hại, nên hay không nên, lại là một vấn đề khác, mà chúng ta sẽ tìm dịp bàn lại với nhau.

*

Kho tàng thần thoại Nhật bản kể lại câu chuyện nguồn gốc của kịch nghệ như sau:

Thái dương thần nữ Amaterasu giận em là Susano nên lánh mặt vào trong một hang sâu. Ánh sáng biến mất trên các tầng trời cũng như trên mặt đất. Các thần tiên lấy làm buồn phiền và khó chịu vì chuyện đó mới nghĩ ra một mưu mô khôn khéo để mời thần nữ Amaterasu ra khỏi hang. Họ lấy những mảnh gương, những trân châu mã não và những đồ trang sức khác, cùng những giải lụa

tốt đẹp chẳng lên các cành cây ở trước cửa hang. Tất cả các thần tiên tụ tập lại xung quanh vừa khởi tấu nhã nhạc vừa vỗ trống mà ca hát. Nữ thần Ame-no-Uzume có một vòng dây lưng màu rêu sương và một tràng hoa, nhẩy múa ca hát theo điệu nhạc. Thần nữ Amaterasu tò mò, quên cơn giận mà đi ra khỏi hang để nhìn cảnh tượng đẹp đẽ ấy: Vũ trụ lại có ánh sáng.

Đó là phần thần linh, đối với nhân trần, kinh nghệ cũng vẫn có một nguồn gốc không kém linh thiêng:

Đời vua Heijo (trị vì vào khoảng đầu thế kỷ thứ 9), một vực sâu nứt ra dưới chân núi Nara, và một hơi khói thối tha hôi hám bay lên làm cho cây cối và loài người không còn sinh sống được trong vùng. Các tăng lữ ở một ngôi chùa gần đó mới nắm tay nhau múa hát quanh

tượng thần, theo một điệu múa trù yểm tai họa của lòng đất. Tức thì mặt đất gắn liền vào như cũ, và hơi khói không còn bay lên được nữa. Nhân gian lại sống an lạc mà ca hát. Để tưởng nhớ ngày may mắn đó, hàng năm các tăng lữ và dân chúng đến ngày kỷ niệm lại tụ họp mà nhảy múa vui ca theo điệu sambasho.

Như vậy, khởi thủy, những điệu múa hát có công dụng của một nghi lễ tôn thờ cúng vái đã thoát thai trong đạo Shinto. Dần dà các điệu múa hát lan rộng ra ngoài dân chúng, lúc đầu các tăng lữ vừa múa hát vừa kể những câu chuyện thần tiên hoặc lịch sử cho dân chúng nghe mà yêu mến đạo; họ làm những cử chỉ, những bộ điệu diễn tả các hành động và các tâm tình của thần tiên hoặc của các anh hùng dân tộc. Có khi hai người đóng

vai nhân vật chính trong câu chuyện phụ họa với nhau mà diễn lại câu chuyện cho linh động hơn. Đức vua khuyến khích sự phát triển của nghệ thuật này. Ngài cũng có một ban hát dùng trong những lễ cúng thờ, lại có một ban hát để diễn lại các tích chuyện thần tiên và lịch sử với mục đích nung nấu chí can trường của chiến sĩ và đem tin tưởng đến cho dân gian.

Dưới đời Shogun³ Ashikaya Vashim-iti, một thời đại thanh bình lâu dài làm cho dân chúng ưa thích những thú vui tao nhã; có một vài người nhạc công trong đền Shogun nghĩ ra cách diễn lại các chiến công oanh liệt của chủ mình. Dân chúng bắt chước. Bộ môn kịch nghệ

3 Có thời ở Nhật, bên cạnh hoàng đế, có một vị Shogun quán xuyến mọi việc. Shogun giống như tể tướng, hoặc chúa vào đời Lê trung hưng ở ta vậy.

theo như chúng ta quan niệm bây giờ bắt đầu phát triển. Người Nhật bản gọi đó là « Nôgaku », hay « nô »

Ở Ấn độ, theo tục truyền: trí khôn ngoan quán triệt của Brahman đã phú thác cho nhân trần bốn kinh veda (Rig, Sâma, Yajus, Atharva). Nhưng nhận thấy rằng bốn kinh đó trang trọng và khó hiểu quá, Brahman mới truyền một kinh thứ năm là Natya-Veda dạy cho loài người cách diễn lại đời sống nội tâm bằng những động tác của cơ thể, Đấng thánh Shri Bharata được sự soi sáng của Brahman mới thấu tóm các nguyên tắc của nghệ thuật này trong bài thánh ca Nâtya-Câstra. Mở đầu bài thánh ca, Bharata truyền: « ở đoạn Rig, Brahman múa nhảy điệu vũ của tuần hoàn, vào đoạn Sâma nó ca hát; đến đoạn Yajus nó làm các bộ điệu; sang đoạn Atharva

nó thể hiện tình tiết.»

Ở Việt Nam nghệ thuật này cũng có một nguồn gốc nghi lễ cúng thờ. Ngày nay có nhiều làng mạc miền quê và miền núi hàng năm đến ngày lễ thần hoàng thường có tổ chức diễn lại sự tích của thần làng. Dân làng Gióng (Bắc Ninh Bắc Việt) đến ngày tế thánh Gióng (tức là Phù Đổng Thiên Vương) chia tráng đinh làm hai phe, có những cách phục sức thích nghi: một phe làm quân thánh Gióng, một bên làm quân nhà Ân, cùng kéo ra khoảng đồng trống trước đình diễn lại tuồng chiến tranh giữa quân hai nước Việt, Ân.

Tại Tây Tạng, nghệ thuật sân khấu hoàn toàn là một nghi lễ tôn giáo và được các tăng tử trong các nhà tu giữ trách vụ trình diễn. Tuồng tích lấy ở những thần tích Phật giáo và địa phương.

Cựu ước Do Thái giáo tả tử mĩ những buổi vua David và Salomon chiến thắng trở về, đi theo kiểu « bia Thiên Chúa », vừa ca hát vừa nhảy múa những điệu thánh ca, giữa những đoàn nữ nhạc.

Và Ai Cập, một dân tộc có một nền văn minh sớm nhất thế giới, cũng đã có một nền kịch nghệ phôi thai ra đời rất sớm. Các thầy cả đóng vai các thần linh diễn lại tích thần Orisis ra đời, chết và phục sinh ngay trong chính điện các đền thờ.

Trong tôn giáo Mahomet (gọi là Hồi giáo) nghệ thuật sân khấu hoàn toàn là một nghi lễ, thoát thai từ truyền thống Do Thái giáo. Những buổi trình diễn như thế được gọi là « Tehasié » (có nghĩa là bí kịch). Tuồng tích lấy lại những thánh tích trong đạo, hay các giai thoại về đấng tiên tri Mahomet.

Nghệ thuật sân khấu, theo quan niệm của thế giới hiện đại — một thế giới khuôn mẫu theo căn bản tinh thần tây phương — thực sự bắt đầu ở Hy Lạp vào thời kỳ mà tất cả các bộ môn văn hóa trong các thị trấn Hy Lạp: Athènes, Corinthes v.v... phát triển một cách đồng đều.

Vào những dịp lễ trong năm, và nhất là vào lễ tế thần Dionysos, bao giờ cũng có tổ chức những hội vui trong đó trò chơi được ưa thích nhất là phần ca vũ nhạc kịch (dịp lễ thần Dionysos thường vào khoảng tháng giêng). Thành phần những người trình diễn đông đảo hợp thành hội đoàn kịch nghệ. Phần đông họ là những thanh thiếu niên ưu tú trong thị trấn, tụ họp vui đùa một vài mùa xuân để rồi tan rã. Bên cạnh có một ban hát

chuyên môn của đền thờ thần Dionysos, gọi là Orchestra.

Phần hài kịch thoát đầu do sáng kiến của cá nhân, những sáng kiến có tính cách rời rã và đột khởi. Vào buổi chiều ngày hội, khi rượu thấm vào bắt đầu ngà ngà say, một vài người lanh lợi nhảy lên đứng trên mui xe bỏ cho kéo đi khắp thành phố; họ múa may hò hét, đọc những bài thơ trào phúng và châm biếm; họ đóng một vài đoạn kịch buồn cười nhất đã học lỏm được đâu đó! Thông thường hơn, họ bắt chước các thú vật hoặc nhái những thói rởm của người đời.

Dần dà những trò chơi ấy có tổ chức hơn. Chính quyền và giới trí thức bắt đầu chú ý. Những kẻ có trách nhiệm tổ chức đại hội thể dục và lễ cúng tế trong ngày hội thần Dionysos muốn điều kh-

iễn những trò vui. Các thi sĩ lấy những đề tài bình dân rồi chế biến thêm thành những tích tuồng có thứ lớp và mạch lạc. Hài kịch đã thành hình.

Phần bi kịch, lịch sử của nó hòa lẫn trong lịch sử của những nghi lễ thờ thần Dionysos. Thoạt đầu nó diễn lại các sự tích của thần, với những dáng điệu những y phục thích ứng. Dần dà nó thoát quyền chi phối tuyệt đối của tôn giáo mà trở nên một bộ môn nghệ thuật biệt lập với tôn giáo nhưng vẫn giữ vai trò giáo hóa dân chúng. Tích tuồng vẫn lấy từ kho tàng thần thoại. Nhưng ở Hy Lạp các thần linh là những vị anh hùng dân tộc. Điều này giúp nó chóng thoát khỏi sự ràng buộc với tôn giáo để tìm một thể đứng biệt lập. Các tích tuồng dần dà có tính cách lịch sử.

Nghệ thuật sân khấu được khai sinh. Từ nay nó chỉ cần phát triển và củng cố địa vị của nó mà thôi. Trong đại hội thể dục thứ 64 và 67 (536–533 trước Tây lịch) hai thi sĩ Choerilos và Phryniscos giữ trách vụ sáng tác tích tuồng và điều khiển phần diễn xuất. Sự thành công mỹ mãn của hai thi sĩ đó cũng được xem như sự thành công của nền nghệ thuật sân khấu Hy Lạp.

Sang lần đại hội thể dục thứ 70 (500–497 trước Tây lịch) một sân khấu và một hí trường đại qui mô được xây cất lên dựa lưng vào đồi Acropole, thành Athènes. Những hàng ghế gỗ vây quanh sân khấu thành hình bán nguyệt, và quây thành thế lòng chảo, càng ra xa càng cao thêm. Như vậy khán giả có thể thấy và nghe các diễn viên một cách rành rọt. Ngay dưới sân khấu, trước mặt khán giả,

có một khoảng trống dành riêng cho ban nhạc (orchestra) và bàn thờ thần Dionysos. Tuồng tích đầu tiên phải là một thần tích ca tụng quyền phép đức độ của thần thánh. Sau đó các diễn viên mới có quyền diễn những tích tuồng phàm tục.

Ở hàng ghế khán giả đầu tiên, có các chức việc, các thầy tế lễ, và thầy thượng tọa trong đền thờ thần Dionysos ngồi ghế danh dự. Tượng thần Dionysos được đem đến đây từ đêm trước, trong một cỗ đèn rực rỡ, và ngự trị trên bàn thờ đá. Ở dưới chân bàn thờ, có những tuần đình giữ trật tự và sắp đặt chỗ ngồi. Mọi việc đều do thầy thượng tế điều khiển.

Mở đầu có những nghi lễ để xưng tụng công đức thần và cầu an cho thị trấn: thầy tế lễ giết một con heo, lấy máu dâng hiến và thiêu cháy trên bàn thờ.

Tiếp đó một hồi kèn báo hiệu vở kịch thứ nhất.

Sân khấu là một bục cao không có màn che. Đằng sau có những tấm vải làm bối cảnh. Thoạt đầu những diễn viên đi ra đọc lời tự giới thiệu vai trò. Tất cả con người, và các đặc điểm của vai trò được phóng đại thêm: mặt đeo mặt nạ riêng biệt cho từng vai trò, bụng và ngực được độn thêm cho lớn. Chân đi những đôi giày gỗ đế cao. Đó là phần hóa trang của các vai trò bi kịch. Những diễn viên của hài kịch dùng y phục thường, với vài nét kịch cồm quá đáng.

Sau màn bi kịch một ban ca vũ nhịp nhàng bước ra sân khấu, từng bọn ba hoặc năm người một. Đi đầu là một người thổi sáo. Ban vũ vừa ca vừa múa theo điệu nhạc, y phục của họ đơn giản và nhẹ nhàng hơn làm cho các cử động

của họ uyên chuyển ngoạn mục. Bài ca có trường khúc và điệp khúc xen kẽ nhau. Cuối cùng họ phân ra làm hai bè, mỗi bè đứng yên ở một góc sân khấu. Một vở kịch khác, hoặc một màn kịch khác lại tiếp diễn.

Đặc điểm của kịch nghệ Hy Lạp là sự điều hòa giữa các bộ môn ca, vũ, nhạc, kịch. Điều này đòi hỏi tác giả soạn kịch, và người đạo diễn (thường là tác giả) một hiểu biết phổ quát sâu rộng về hết thảy các bộ môn đó. Kẻ đã nổi danh nhất thời đó là Eschyle. Ở tổng tích của ông sự hòa hợp đạt một trình độ khắt khe và hoàn hảo hầu như lý tưởng. Cho đến những vế, những chân của một câu thơ cũng ăn khớp vào toàn thể.

Sự thành công của nghệ thuật sân khấu trong dân tộc Hy Lạp – nhất là trong thị trấn Athènes – làm cho người

dân hãnh diện và vinh dự về quốc tính của mình. Kịch nghệ có tác dụng nuôi dưỡng những lý tưởng, những thần tích, những hình ảnh tập thể tốt đẹp. Nó đem lại một tâm trạng phấn khởi, lạc quan, dần dà dẫn đến những thành công đáng kể trên mọi địa hạt văn hóa và văn minh.

Nguồn mạch đó cũng ươm mầm cho các vở kịch của Sophocle. Cũng như hình dáng thanh thoát của đền thờ trên đồi Acropole, những vở bi kịch này chứng tỏ một tâm trạng thẳng băng và tin tưởng trong cuộc hành trình tìm đến nguồn tuyệt đích của tâm hồn, và của tri thức. Những khuôn mặt sân khấu đã tìm được một vẻ sống động chân thành. Dầu vậy nó chỉ gạn lọc lại từ thực tế những nét có khả năng trường tồn và quán thông mà thôi. Kịch nghệ Hy Lạp đã đạt tới một cuộc tổng hợp đẹp đẽ giữa tính

chất thời đại và tính chất vĩnh cửu của nghệ thuật.

Euripide đã giải phóng tuồng tích Hy Lạp khỏi sự ràng buộc của nó với thần thoại. Với tác giả này thần linh chỉ ở cái tên, thực sự các nhân vật của ông lấy kiểu mẫu từ cuộc sống thực tế hàng ngày, cũng có những tình cảm, những đam mê, những đau khổ, những điên rồ. Mặc dầu hình thức vẫn là hình thức cũ, nhưng các tình tiết phong phú hơn, động tác mãnh liệt hơn. Ông lại không quên những máy móc, những lối kết, mở tân kỳ làm cho khán giả luôn luôn hồi hộp. Nhạc vũ dùng trong vở kịch cũng được đổi mới. Người đương thời nhiều kẻ không hiểu ông. Thái độ của Aristophane – đại diện cho phái truyền thống – chứng tỏ điều đó. Kịch của Aristophane có một giọng tha thiết và nhiệt

tình; Ông trách Euripide đã đem lại một sự hoài nghi và khinh miệt đối với thần linh.

Vào những năm 300 trước Tây lịch, nền nghệ thuật sân khấu Hy Lạp bắt đầu suy tàn. Những soạn giả được tôn sùng ái mộ nhất lại là những kẻ thiếu tài: một Theodore, Euryclide đã thành công vì biết chiều theo những thị hiếu hạ cấp của khán giả. Dần dà những buổi trình diễn kịch nghệ đại quy mô trở nên hiếm hoi, chỉ còn lại những tên đầy tớ của các gia đình giàu sang quý tộc chỉ có một mục đích là ca tụng công ơn chủ, nịnh hót và bộ đỡ những ai có thể cung cấp ấm no cho họ. Rồi đến một lúc, các bộ môn kịch nghệ tách rời hoàn toàn. Người thối sáo đòi một địa vị cao hơn người soạn kịch và đạo diễn. Cuối cùng sân khấu chúng kiến một quang cảnh hỗn tạp, bi kịch

hoàn toàn biến mất chỉ còn lại một loại hài kịch thô鄙 sống sượng sẽ có ngày truyền sang La Mã.

*

Nền kịch nghệ Hy Lạp có thể ảnh hưởng đến những nền kịch nghệ nước ngoài không? Đây là một thắc mắc hợp lý mà chúng ta không đủ thẩm quyền, vì không đủ tài liệu và chứng tá, để giải đáp. Chúng ta có thể đem ra một vài giả thuyết mà thôi.

Cuộc chinh phục viễn du của Alexandre đại đế vào thế kỷ thứ IV trước Tây lịch, đã đem nền văn hóa và văn minh Hy Lạp đi khắp nơi. Ảnh hưởng của điêu khắc Hy Lạp trên nền nghệ thuật điêu khắc Ấn độ không ai có thể

chối cãi được: có những bức tượng Phật Thích già với khuôn mặt và dáng điệu oai hùng của Alexandre đại đế. Cho đến bên Trung hoa, người ta tìm thấy những bức tượng, những bức ảnh Phật tổ, hoặc Phật Quan Âm với những nét đặc biệt của thần Appolon hay thần Venus Hy Lạp. Từ đó chúng ta có thể mạo muội kết luận rằng: hoặc ít hoặc nhiều thì nền kịch nghệ Trung Hoa nói riêng, và Á Đông nói chung có thể chịu ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp của kịch nghệ Hy Lạp.

Ở đây chúng ta thử bàn đến trường hợp Ấn Độ. Trong trường hợp này chúng ta có đủ thẩm quyền kết luận rằng đã có một cuộc trao đổi và ảnh hưởng hỗ tương sâu rộng về địa hạt kịch nghệ cũng như về mọi địa hạt văn hóa và văn minh khác ngay cả những danh từ dùng trong

sân khấu. Tiếng Ấn Độ yavanika chỉ những tấm nền bối cảnh, còn có nghĩa là « do Tây phương, từ các dân tộc Tây phương đem lại, thuộc về Tây phương ». Từ đó mà võ đoán rằng Ấn Độ đã chịu ảnh hưởng lớn lao của Hy Lạp trên địa hạt kịch, chúng ta tưởng không phải là làm một việc quá hồ đồ.

Nhưng từ ngày các tướng tá của Alexandre lập nên những quốc gia biên cảnh phía bắc cho đến ngày Ấn Độ xây dựng một nghệ thuật sân khấu, bảy tám trăm năm trôi qua. Ảnh hưởng từ trời Tây đem lại tất nhiên được gạn lọc, đồng hóa, và trở nên Ấn độ từ hình thức cho đến tinh thần.

Sau một thời gian im lìm, nền nghệ thuật sân khấu Ấn Độ được luồng gió mới của tinh thần Hồi giáo (từ thế kỷ thứ 7 sau Tây lịch) làm phấn khởi, lại bắt

đầu thịnh vượng. Mặc dù căn bản uyên nguyên vẫn là thần tích của cuộc ái tình giữa thần Krishna, và cô gái quê Rhâdhâ, nhưng hình thức được đổi mới. Có một sự hòa hợp đẹp đẽ giữa phần vũ nhạc và phần đối thoại, có một sự cân đối đặc biệt Hy Lạp. Mặt khác các tuồng tích trở nên phong phú hơn, bằng cách lấy thêm những tuồng tích từ lịch sử và đời sống triều đình. Ở các thành phố lớn, ở những đô thị, bên cạnh cung điện của các tiểu vương, bắt đầu dựng lên những nhà hát nguy nga. Có những đoàn kịch lưu động được thành lập đông đảo đi trình diễn khắp trong xứ. Họ dựng sân khấu ngay giữa trời, hoặc ở các đình chùa. Sân khấu là một bục gỗ cao gần bằng đầu người, một tấm màn chận ở phía sau, hai bên trống rỗng, không có bối cảnh hay nền sau gì cả. Các diễn viên ra vào bằng hai lối cửa trở ngay ở tấm

màn cuối sân khấu. Bao quanh bởi ban nhạc gồm các nhạc công sử dụng được độ năm bảy nhạc cụ, và vài ba ca sĩ, các diễn viên đứng ngay giữa sân khấu và ngâm nga những đoạn thơ rất dài, đều đều, nhịp nhàng. Cơ cấu kịch nghệ ở đây dựa trên ba yếu tố, lời nói, bộ điệu, nhạc. Chúng ta thấy rằng hầu hết nền kịch nghệ nhân loại lúc đầu đều như vậy cả. Đây hầu như là một khuynh hướng tự nhiên của bản tính con người.

Ở Trung Hoa, chúng ta vẫn gặp lại cơ cấu căn bản đó. Dưới triều các vua nhà Đường (từ thế kỷ thứ 7 đến thế kỷ thứ 10 sau Tây lịch) nền nghệ thuật sân khấu Trung Hoa bắt đầu phát triển khả quan. Sang đời Minh, (thế kỷ thứ 15–17 sau Tây lịch) nền kịch nghệ Trung Hoa đến độ cường thịnh nhất. Có một phần đối thoại chen lẫn vào những bài ca và

những cử động nhịp nhàng, đôi khi cả một vũ điệu. Một ban nhạc gồm có, trống chiêng đàn sáo đệm nhịp. Tuồng tích lấy từ những câu chuyện hoang đường hoặc những chuyện oanh liệt của các anh hùng dân tộc. Trong lúc các diễn viên múa may giữa sân khấu thì một nhân vật ngồi ở một bên hoặc một góc đọc những lời dẫn giải. Lối hóa trang thái quá tạo nên những thứ mặt nạ riêng biệt cho từng vai trò: mặt đen, râu xếch, lông mày chĩa ngược là quan võ, mặt trắng má tô hồng là quan văn... Như thế ở đây tinh thần hướng dẫn phân trình diễn không khác mấy với Ấn Độ và Hy Lạp (chúng ta biết rằng dưới đời Đường Thái Tôn có những cuộc trao đổi sứ thần thường xuyên với Ấn Độ). Sân khấu là một bụi gỗ có lan can bao xung quanh. Ở đằng cuối có một vách ngăn trở hai cửa ra hậu trường. Ban nhạc ngồi dựa lưng vào vách

đó. Các diễn viên đi vào phía phải và ra phía trái. Thoạt vào họ xưng hô danh tính có lúc kể hết câu chuyện của vai trò. Có những lối riêng chỉ những động tác đặc biệt: chân dang ra cầm một cái roi hai tay đưa về đằng trước giật giật. như dáng giật cương ngựa là một kỵ sĩ đang cỡi ngựa, nếu họ cầm ở tay hai bánh xe sơn trên vải tức là ngồi trên xe đó, nếu sau họ có một người cầm chèo tức là họ đang ở trên thuyền v.v... Họ dùng một lối nói với những lời lẽ giả tạo khuôn sáo thiếu tự nhiên lại có nhạc trống đệm nhịp cho lời nói. Y phục thì cổ lỗ nhưng thật là rực rỡ huy hoàng. Họ không quên dùng những phương pháp như để máu tươi ở trong lòng một chiếc gương có thể thu ngắn lại và tuôn máu ra trên áo quần người bị đâm v.v...

Như vậy Trung Hoa đã biết nghệ

thuật sân khấu rất sớm, tiếc thay óc bảo vệ truyền thống và nệ cổ tục đã ngăn cản mọi sự tiến hóa. Ngày nay kịch nghệ Trung Hoa vẫn còn nằm trong hình thức cũ; từ tuồng tích cho đến lối diễn xuất trình bày.

Ở Việt Nam chúng ta, nền kịch nghệ thượng cổ vẫn gồm cả bốn phần ca vũ nhạc kịch ăn khớp mật thiết, như ngày nay chúng ta vẫn gặp lại ở các dân tộc miền núi dân tộc Rhadé và Seidang đến ngày hội vui, tổ chức những buổi trình diễn một loại kịch rất đặc biệt mà cả dân làng tham dự. Tuồng tích kể lại nguồn gốc dân tộc, hay một thời oanh liệt nào nhất hay câu chuyện của một ông Chúa làng oai hùng nhất. Những màn trình diễn kéo dài bằng hai ba ngày, xen lẫn những buổi ăn uống say sưa. Nhạc thì có hát, tiếng khèn tiếng sáo, và nhất là

tiếng không, một nhạc cụ bằng đồng hay bằng gang hình tròn, hơi giống cái chiêng của ta. Nhưng với ảnh hưởng sâu rộng của văn hóa Trung Hoa, chúng ta đã bắt chước một cách hầu như sao y nguyên bản theo kịch nghệ Trung Hoa. Chúng ta có tuồng hát bội là phản ảnh trung thành của sân khấu Trung Hoa, Cái lương, đúng như danh từ đó, chỉ là một sự biến đổi ôn hòa và nhẹ nhàng cơ cấu kịch nghệ Trung Hoa cổ truyền mà thôi.

Nhật Bản đã dùng tất cả thông minh và tài biến chế của họ để phát triển nền nghệ thuật sân khấu. Ở đây cũng như ở Hy Lạp nghệ thuật sân khấu có một địa vị cao quý, có khi ưu tiên, trong các bộ môn văn hóa, Bởi vì « ở đây cũng như ở Hy Lạp, tất cả mọi hình thái cùng hiện trạng của vũ trụ đã được thu hẹp lại trong

một khoảng không gian bé nhỏ: núi non, sông hồ, rừng rậm, biển cả chen vào đến tận lòng xứ sở » (Elie Faure). Thoạt đầu có tuồng tích thần thoại (Saragaku) với mục đích ca tụng thần thánh và làm huy hoàng cho các buổi đại lễ trong đạo Shinto. Dần dà cũng như ở những nơi khác, thần tích được thay thế bằng những câu chuyện lịch sử hoặc thực tế. Đó là loại tuồng « nô » và « kiyôghen » (màn hài kịch ngắn). Loại tuồng « nô » buổi đầu chỉ có hai diễn viên, nhưng dần dà số các diễn viên tăng lên không ngừng, tùy theo sự đòi hỏi của câu chuyện. Lối bài trí bối cảnh cũng biến chuyển đến độ tinh vi hơn. Phương pháp dùng mặt nạ, những y phục rực rỡ và phong phú, lối bài trí bối cảnh giản tiện, những điều này có một tác dụng là làm cho nghệ thuật sân khấu Nhật Bản trở nên dễ hiểu, và bình dị, đi sát với trình độ thưởng ngoạn của

đại chúng. Khuynh hướng tổng hợp và đồng hóa đặc biệt của người Nhật đem đến một lối trau tượng hóa từ cách diễn xuất cho đến các tuồng tích. Sân khấu là một bức gỗ cao trống trải tứ phía, có một cái thang thông vào hậu trường; do thang đó mà diễn viên đi lên sân khấu. Khán giả bao vây xung quanh. Một góc dành cho các ca sĩ, ở cuối, đằng trước một bức vách thấp sơn màu sẫm tối là chỗ của ban nhạc cũng gồm có trống chiêng đàn sáo. Khoảng sân khấu hoàn toàn trống trải, không có một bối cảnh nào, và được chia ra từng ô như hình bàn cờ: mỗi ô vuông dành riêng cho mỗi nhân vật. Lời nói theo một lối thơ giản dị nhưng nhịp nhàng, ăn khớp với các động tác các bộ điệu, và hòa theo điệu nhạc để diễn tả những tình tiết éo le. Cũng như ở các nơi khác, càng đi xa thần tích tôn giáo, nghệ thuật sân khấu

trở nên thô lỗ; đó là loại tuồng « kabuki » phát sinh vào thế kỷ 17, được trình diễn bởi ban hát chuyên môn bị xã hội lễ giáo coi khinh (xướng ca vô loại?). Ở đây một đặc điểm là ba loại kịch « nô », « kiyôghen » và « kabuki » vẫn phát triển song song bên nhau cho đến ngày nay. Ảnh hưởng của nghệ thuật sân khấu tây phương vẫn không hạ bệ được loại tuồng « nô » thuần túy Nhật Bản.

✱

Với sự bành trướng của đế quốc La Mã, tất cả nền văn hóa và văn minh Hy Lạp được truyền sang tây phương, và lan khắp thế giới. Thực sự La Mã chỉ đem đến một trật tự chính trị, một nền hòa bình chính trị, còn cơ cấu văn hóa thì La Mã hoàn toàn thừa hưởng di sản

của Hy Lạp. Nhưng óc tổ chức, khuynh hướng giản dị hóa của La Mã đã làm cho kịch nghệ khó phát triển. Những hí trường vĩ đại được xây cất có mục đích xu mị dân chúng hơn là phụng sự nghệ thuật. Khi sân khấu và hí trường xây cất xong xuôi, thì phần nghệ thuật sân khấu đã tàn tạ. Cuối cùng khung cảnh dùng vào những trò chơi tàn bạo: đấu gươm, hành hình tội nhân, bắt tù binh chia phe chém giết nhau, ném tù binh hoặc nô lệ cho thú dữ vô xé. Chỉ còn một hình thức thô thiển của kịch nghệ được chấp nhận trong sân khấu La Mã: đó là kịch câm; một đôi diễn viên lên sân khấu, vừa nhẩy múa, vừa nhại lại một vài bộ điệu, một vài động tác của một vài nhân vật đặc biệt, kèm thêm một phần nhã nhạc ồn ào. (Carinus tổ chức một ban nhạc gồm 300 ca sĩ và 300 nhạc công).

Vào những năm cuối cùng của đế quốc La Mã, sân khấu biến thành một đấu trường tàn bạo, hoặc một gánh xiếc. Các trận đánh được diễn ra thực như trên chiến trường; những vụ gian dâm, cho đến những cuộc hành hình đầy đủ mọi chi tiết ly kỳ của phòng khuê và phòng tra tấn được diễn ra trắng trợn trên sân khấu. Trong vở kịch Laureolus, kẻ bị hành hình và xử quyết trên thập tự giá đã thực sự bị hành hình và chết: nhưng lúc ấy một tử tội được đem đến thay thế cho diễn viên. Khán giả bệnh hoạn, loạn não sau một thời kỳ ham mê lối diễn xuất trắng trợn đó cũng bắt đầu chán.

Sau thời kỳ suy đồi, nó lại trỗi lên với những tuồng tích lấy từ kinh Phúc âm Cơ đốc giáo. Bắt đầu nó phát triển ở Giáo hội Byzance, để lần lượt lan tràn

khắp thế giới tây phương. Một tuồng tích Chịu nạn của Chúa Giêsu được sáng tác, phỏng theo Phúc âm, bởi giáo chủ Gregoire thành Antioche, vào năm 572. Nhưng tuồng đó là một thất bại toàn diện vì đã bắt chước theo tuồng của Euripide, với tất cả các lẽ lỗi diễn xuất trước đó 1000 năm. Cũng một lỗi đó, cũng một kết quả đó, Ignace soạn vở kịch « Adam phạm tội » vào thế kỷ thứ VII. Sang thế kỷ XII Théodore Podrome soạn vở « Tình bạn sắp bị lưu đày ». Những vở kịch đó chỉ có giá trị những cố gắng, những thiện chí. Nó không có một điểm đặc biệt nào để mà thành công cả.

✱

Nhân loại — phần nhân loại Tây phương – tưởng chừng tận thế là ngày

cuối của năm 1000 sau Tây lịch. Mọi người sợ hãi lo lắng, bỏ bê mọi công việc, và ngồi yên chờ ngày tận cùng của vũ trụ.

Nhưng ngày tháng qua, năm tiếp thêm năm, địa cầu và vũ trụ vẫn yên hàn. Mọi người lạc quan, phấn khởi làm việc lại: các thánh đường đồ sộ được xây cất lên, các lâu đài mọc bên các bờ sông, các thị trấn sống thanh bình. Nghệ thuật sân khấu cũng chịu ảnh hưởng rộng lớn của trào lưu ham sống; ham hoạt động mới mẻ này. Bộ môn kịch nghệ phát triển đầu tiên là bi kịch. Bởi vì: “thầy cả, một diễn viên của một bi kịch, đóng vai chúa Giêsu trước mặt các giáo hữu, trên sân khấu của bàn thờ. Thực vậy, dân chúng tìm được trong thánh tích Phúc âm tất cả mọi yếu tố cần thiết của một bi kịch, và trong lòng thánh đường một không

khí kịch nghệ tha thiết và chân thành. Những bức tượng điêu khắc ở các cột, các vách, ánh sáng huyền ảo từ các tấm kính màu; ánh đèn nến hương hoa lung linh; ngấn ầy tạo nên một bối cảnh thuận lợi cho sự thưởng ngoạn. Các đại thánh đường là những rạp hát đầy đủ mọi điều kiện nhất.

Đến năm 1100 sau Tây lịch kỷ nguyên, tổng tích Cơ đốc giáo được cụ thể hóa trong một vở kịch của Hilarius: « Tổng thánh Nicolas » soạn theo chuyện tích « Chuyện thánh tích huy hoàng » (La Légende dorée) Ở đây hai phần thánh tích và phạm tục được hòa hợp trong một câu chuyện. Lúc đầu khi tổng tích viết bằng tiếng Latin, thì nhã nhạc theo điệu thánh ca (Chant liturgique) của lễ nghi. Dần dà có những biến chuyển tổng tích viết bằng một thứ ngôn ngữ pha tiếng

Latin và tiếng bản xứ, hợp thành một loại tiếng mệnh danh là roman. Những diễn viên lúc ban đầu là những tu sĩ của các nhà dòng, và sân khấu là chính nhà dòng đó, hoặc nhà thờ của nhà dòng. Y phục thì hoàn toàn theo y phục lễ nghi ở nhà thờ.

Đến một lúc tuồng tích và cả lối diễn xuất hướng về tả thực đôi chút; khuynh hướng này rõ rệt trong những vở kịch: « Phục sinh » và « bi kịch các thánh tiên tri ». Những nhân vật trong truyện được thay thế bởi những diễn viên có y phục thích ứng lời nói theo lối văn vẫn có nhịp điệu tiết tấu rõ ràng.

Nhưng dân chúng đã biết hát bản trường ca xưng tụng tài đức của Roland (chanson de Roland) đã biết sáng tác ra câu chuyện « con cáo » tất nhiên đủ khả năng sáng tác một nghệ thuật sân khấu

riêng cho mình. Tuồng tích đầu tiên nặng tính cách phạm tục là tích « những thiếu nữ dại với những thiếu nữ khôn » (les vierges sages et folles) phỏng theo một câu chuyện ghi lại trong một bản văn được giữ ở nhà dòng Saint. Martin & Limoges.

Các tuồng tích và các sáng tác trở nên phong phú vô cùng nhưng vẫn bắt nguồn từ các thánh tích của Phúc âm và Cựu ước. Các diễn viên vẫn còn là những đàn ông dù cần phải đóng vai đàn bà. Cho đến năm 1468 tại thành Metz mới bắt đầu có một diễn viên phụ nữ: Bà Latour. Từ trước các diễn viên chỉ là những thanh niên hợp thành những hiệp hội (confréries) không có tính cách chuyên môn, mỗi năm diễn một vài tuồng tích trong các dịp lễ để tăng phần long trọng cho cuộc lễ mà thôi Nhưng

một khi các thiên tài được công nhận tất nhiên những kẻ đó trở nên những diễn viên thường xuyên và chuyên môn. Tác giả thì phần đông là các người giúp việc ở thánh đường nếu không phải thuộc hẳn vào hàng giáo phẩm.

✱

Trong thời kỳ Trung cổ, các tuồng tích, và kể như cả nghệ thuật sân khấu Âu châu chỉ có thể sống được dưới bóng thánh đường mà thôi Sang thời Phục Hưng, ảnh hưởng của văn hóa Hy Lạp trở nên quan trọng hơn và tất nhiên bộ môn kịch nghệ cũng thấm nhuần ảnh hưởng đó. Từ trước tất cả nền văn hóa Hy Lạp, và nền văn minh La Mã, chỉ được xem như những phương tiện chuyển vận lời rao truyền của Thiên Chúa đến cho

nhân loại mà thôi. Người Âu châu trung cổ chỉ chú ý đến hình thức của văn hóa Hy Lạp, mà không thấu đạt tinh thần uyên áo của nó.

Cho mãi đến đời Phục hưng, tinh thần văn hóa Hy Lạp mới có cơ hội truyền đến người Âu châu. Thực ra chỉ có một số ít người tham bác hiểu và thưởng thức được những tinh túy của nền văn hóa đó. Một vài soạn giả kịch bắt chước kịch Hy Lạp (Euripide) một cách vụng về, Sự thành công giới hạn đó không lan rộng đến đại chúng. Dầu vậy nó cũng gây một ảnh hưởng: các thánh tích được giản dị hóa, trở nên sáng sủa và dễ hiểu hơn. Bi hài kịch cũng bắt đầu phát triển. Thịnh thoảng có những tác phẩm giá trị như « Daphné » của Ottavio Rinuccini và Jacopo Peri, vào năm 1597. Sau đó, cũng hai tác giả đó thành công hơn ở tác

phẩm Euridice. vở kịch này được trình diễn nhân lễ phong vương của vua Henri IV đánh dấu ngày khai sinh cho loại hài kịch này.

Dân chúng vẫn tiếp tục biến chuyển, và sáng tác một loại hài kịch mới phát tích từ Ý, loại « *commedia dell'arte* », tương tự như loại hài kịch cường độc diễn ở ta vậy. Dần dà loại hài kịch này bành trướng khắp Âu châu, và biến thành một vở hài kịch có qui mô.

Nền kịch nghệ Âu châu Trung cổ là một giai đoạn thu nhận và đồng hóa ảnh hưởng Hy Lạp La Mã, và Cơ đốc giáo đồng thời cũng là một giai đoạn thử thách và chuyển tiếp giữa một nghệ thuật sân khấu cổ điển Hy Lạp (La Mã đóng góp vào phần sáng tác rất ít, chỉ có công phổ biến mà thôi) và một nghệ thuật sân khấu cổ điển Âu châu.

Đến đây nghĩa là hết thời Trung cổ nghệ thuật sân khấu Âu châu đi vào một hướng mới: Ở Pháp dưới sự bảo trợ đầy hiểu biết mà rộng lượng của Richelieu và Louis XIV, phong trào cổ điển bành trướng toàn diện, và hùng mạnh nhất trong địa hạt kịch nghệ; Ở Anh triều đình Nữ hoàng Elisabeth đệ nhất là một khung cảnh thuận tiện cho sự trưởng thành của một kịch nghệ có giá trị toàn diện (Bi và hài kịch) và trường cửu.

Như vậy nghệ thuật sân khấu âu châu Trung cổ có thể được xem như kết thúc bằng những thành công rực rỡ của một bi kịch « Le Cid » mà soạn giả là Corneille, ở Pháp, và ở Anh thì vở kịch « Tamerlan » của Marlowe khai sáng cho một nền kịch nghệ cổ điển để chấm dứt thời đại Trung cổ hoang mang chập chững.

Trong lúc đó Đông phương say sưa trong một tâm trạng sùng thượng những giá trị cổ kính mà hầu như quên phần đóng góp vào công việc xây dựng cho thế hệ mình và những thế hệ tương lai một hướng mới trong nghệ thuật sân khấu.

THÁI KHƯƠNG

Bà Huyện Thanh Quan có phải là thi sĩ hoài Lê không

LƯU TRUNG KHẢO

Văn liệu 1 – Bà người làng Nghi Tàm nay thuộc huyện Hoàn Long, gần Hà Nội. Chính tên bà không ai rõ là gì. Chỉ biết hiệu bà là Nhàn Khanh, vì bà còn để lại một bộ Nhàn Khanh thi tập, lại biết chồng bà là ông Lưu Nguyên Uẩn, người làng Nguyệt Áng, huyện Thanh Trì (Hà Đông) sinh năm Giáp Tý đời Gia Long (1804) thi đỗ Tú tài năm Ất Dậu (1825) đỗ cử nhân thứ tư năm Mậu Tý đời Minh

Mạng (1828) làm tri huyện phó nhậm tại huyện Thanh Quan (tức là Thái Ninh, Thái Bình bây giờ) nên thiên hạ xưng tên bà là bà Huyện Thanh Quan. Quan huyện can án phải cách, bổ làm bát phẩm thơ lại bộ Hình, sau lại thăng lên chức Viên ngoại lang.

(Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc Nam thi hợp tuyển Vĩnh hưng long xuất bản Hà Nội 1927)

Văn liệu 2 – Chưa rõ chính tên là gì, người ta chỉ biết bà nguyên họ Dương, con gái một nhà túc nho, quê ở làng Nghi Tàm, huyện Thọ Xương (nay là huyện Hoàn Long, thuộc tỉnh Hà Đông) sau lấy ông Lưu Nghi, người làng Nguyệt Áng, huyện Thanh Trì, đỗ cử nhân khoa Tân tự (1821) đời Minh Mệnh. Có làm tri huyện ở huyện Thanh Quan. Bởi là con nhà dòng dõi, được đi học từ thuở

tấm bé, nên lúc ít tuổi, bà đã nổi tiếng một nhà nữ sử.

Hồi ấy, đàn bà còn ít học thức, vua Tự Đức muốn kiếm một bà để dạy cung nhân mà không có ai xứng đáng. Nghe tiếng bà có học vấn lại có đức hạnh, ngài mới cho đòi vào kinh, phong làm chức Cung Trung giáo tập.

Người ta nói rằng: Chính vua Tự Đức có ban cho bà nhiều thơ, Hán văn có, quốc âm cũng có, bà có họa lại nhiều bài. Tác phẩm của bà, về Hán văn nay thất lạc tất cả, về quốc văn, thì còn được mấy bài thơ toàn là Đường luật.

(Ngô tất Tố Thi văn bình chú quyển hai Tân Dân xuất bản Hà Nội 1943)

Văn liệu 3 – Những bài thơ nôm của bà còn truyền lại có ít phần nhiều là

thơ tả cảnh, tả tình, nhưng bài nào cũng hay và tỏ ra bà là một người có tính tình đoan chính, thanh tao, một người có học thức thường nghĩ ngợi đến nhà, đến nước. Lời văn rất trang nhã điêu luyện.

(Dương Quảng Hàm, Việt Nam văn học sử yếu Nha Học chính Đông Pháp xuất bản Hà Nội 1941)

Văn liệu 4 – Về bà Huyện Thanh quan, nên thêm tên hiệu của bà là Nhân Khanh vì những thơ của bà sách chữ nôm thường đề là Nhân Khanh thi tập. Theo Quốc triều hương khoa Lưu Nghi đồ cử nhân khoa Tân tỵ (1821) hiệu Minh Mạng thứ hai, trường Sơn Nam, người làng Nguyệt Áng, huyện Thanh Trì là em Lưu Diệu, cũng đỗ Cử nhân khoa ấy. Lưu Nghi làm quan đến Tri huyện rồi bị cách.

(Ứng hòa Nguyễn Văn Tố Tri Tân
tạp chí số 92 ngày 22 Avril 1943)

Văn liệu 5 – Bà sinh trong một gia đình nho giáo, lại lấy chồng khoa bảng, lẽ cố nhiên bà tưởng nhớ nhà Lê, triều đại « vãng long », thời kỳ « vương đạo » Trong sáu bài kể trên (Qua đèo Ngang, Cảnh thu, Thăng long hoài cổ, chùa Trấn Bắc, hai bài Chiều hôm nhớ nhà) ba bài biểu lộ tình lưu luyến ấy: Thăng Long hoài cổ, Chùa Trấn Bắc và Qua Đèo Ngang

Thăm chùa Trấn-bắc bà viết:

Chạnh niềm cố quốc nghĩ mà đau.

Vịnh Đèo Ngang, bà nói:

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc.

Nước đây không phải nước Việt

Nam mà là nước « Lê ». Trong Hoàng Lê nhất thống chí, tác giả gọi Tây Sơn là nước Tây Sơn, các nho sĩ Bắc hà và Bắc Bình vương gọi nhau cũng một rằng quý quốc, hai rằng quý quốc⁴

(Nguyễn tường Phượng Bùi hữu Sùng Văn học sử tiền bán thế kỷ thứ XIX Nguyễn Khuyến x.b. Hà Nội 1951)

Văn liệu 6 – .. Người ta cũng chỉ biết bà là con Nguyễn Lý (1755– 1837) một vị Đốc học Sơn Tây và Hải Dương...

...Bất cứ tả cảnh gì, tác giả cũng liên tưởng tới quê hương.

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.

4 Hai tác giả đã mượn ý và lời của Hoài Thanh trong cuốn « Quyền sống của con người trong truyện Kiều của Nguyễn Du » xuất bản ở Liên khu 3 vào năm 1949.

Nhưng với nho sĩ, quốc gia và nhà vua là một. Yêu nước đồng nghĩa với phụng sự một triều đại. Sống dưới triều Nguyễn, phu nhân vẫn luyến tiếc nhà Lê, tự coi mình là một kẻ mất nước. Những bài Chấn. quốc, Thăng Long hoài cổ, đều man mác một tình thương tiếc thời xưa thời oanh liệt của giống nòi, cái thời nước Nam lừng danh cả một phương trời.

(Thanh Lăng Văn chương chữ nôm Văn Hối tái bản Saigon 1957)

Văn liệu 7 – Bà Huyện Thanh–quan sống vào khoảng cuối Lê đầu Nguyễn. Cũng như phần đông văn nhân thi sĩ đương thời, bà mang lòng hoài vọng nhà Lê và về phương diện này, bà có thể xem như là « đồng bệnh » với Nguyễn Du. Tâm trạng ấy không phải là kết quả của một phong trào, mà rất thành thực vì thường hay trở lại trong thơ bà, dưới

những lời thơ đầy cảm động. Tình cảm của bà đối với nhà Lê rõ-rệt nhất trong bài « Thăng Long hoài cổ ». Kinh đô thời ấy không còn ở Thăng Long mà đã dời vào Thuận Hóa. Đi ngang qua thành cũ vắng vẻ hoang tàn bà không ngăn được nỗi niềm cảm xúc. Đứng trước một cảnh tang thương đau đớn như vậy bà cảm thấy trò đời như trò sân khấu, thay màn đổi lớp mau chóng dễ dàng, chỉ khổ cho kẻ nặng lòng với dĩ vãng...

(Hà Như Chi Việt Nam Thi văn giảng
luận Tản Việt Saigon tái bản lần thứ hai)

✱

Gán cho Bà huyện Thanh Quan khuynh hướng hoài niệm Lê triều. Khởi tự hai tác giả « Văn học sử tiền bán thế kỷ thứ XIX ». Từ đó, các nhà viết sách cũng như học sinh đều mặc nhiên công

nhận rằng Bà huyện Thanh Quan hoài Lê. Họ dựa vào bằng chứng nào để đi đến kết luận đó?

1) Họ cho rằng bà Huyện Thanh Quan xuất thân từ một gia đình nho giáo, lại lấy chồng khoa bảng, lẽ cố nhiên bà tưởng nhớ nhà Lê, triều đại « vông lọng » thời kỳ « vương đạo ». (Văn liệu 5).

2) Nhưng với nho sĩ, quốc gia và nhà vua là một. Yêu nước đồng nghĩa với phụng sự một triều đại. Sống dưới triều Nguyễn, phu nhân vẫn luyến tiếc nhà Lê, tự coi mình là một kẻ mất nước. (Văn liệu 6). Như thế có nghĩa là bà Huyện Thanh Quan hoài Lê vì tự coi mình là một người dân mất nước, nước « Lê », theo quan niệm quốc gia chặt hẹp của thời đại.

3) Căn cứ vào thi văn, những câu:

Chạnh niềm cố quốc nghĩ mà đau.

(Chùa Trấn Bắc)

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc.

(Qua Đèo Ngang)

Nước còn cau mặt với tang thương.

(Thăng Long hoài cổ)

chúng tỏ tâm sự hoài Lê đó – (văn liệu 5, 6 và 7)

Nếu nhận xét không tinh, chúng ta có thể bị lập luận trên lời cuốn để biểu đồng tình. Bình tĩnh mà xét chúng ta phải làm gì? Trước hết là vấn đề chính danh.

Bà huyện Thanh Quan là ái nữ của Nguyễn Lý (1755-1837) Đốc học Sơn Tây và Hải Dương. Trong văn liệu 2,

ông Ngô Tất Tố khai cho bà họ Dương là vì ông đã lầm bà với Nhàn Khanh nữ sĩ như những văn liệu 1 và 4. Thực ra thì Bà huyện Thanh quan và nữ sĩ Nhàn Khanh là hai người khác hẳn. Bà Nhàn Khanh là con quan Phó đô Ngự sử họ Dương, người làng Vân Đình, phủ Ứng Hòa tỉnh Hà Đông. Bà kết duyên với ông Trịnh Đình Kỳ, Cử nhân Hán học sau được bổ làm Tri huyện, và sinh hạ được hai người con: Trịnh Đình Rữ (Cử nhân Hán học) và Trịnh Thúc Hiến (văn sĩ). Bà Nhàn Khanh có giao du thân mật với bà Phủ Ba thân mẫu của Tản Đà Nguyễn khắc Hiếu (người làng Khê thượng huyện Bất bạt, tỉnh Sơn Tây). Cuộc giao du này còn để lại hai bài thơ sau đây làm chứng tích.

Thư của bà Nhàn Khanh gửi bà Phủ Ba:

*Ai lên Bát Bạt nhẩn nhe cùng,
Nhẩn hỏi ai rằng có nhớ không?
Nửa bước xa xa bằng mấy dặm,
Một ngày đằng đẵng ví ba đông.
Giọng thơ tri kỷ say mê mệt,
Ngọn lửa tương tư đốt cháy nồng.
Khắc khoải năm canh lòng luống
những,
Thơ tình mở mở lại phong phong.
Thư của bà Phủ Ba đáp lại:
Đêm qua vợ vẫn chốn thư đường,
Mong mỗi chung tình chẳng thấy
sang.
Sáu khắc mơ màng người hảo hữu,*

Năm canh tư tưởng chốn Đình giang.

*Trông trăng bát ngát thương người
ngọc,*

Thấy nước long lanh nhớ bạn vàng.

Hai chữ “tương tư” khôn xiết kể,

Khối tình chi để một ai mang.

Trong Văn đàn bảo giám (Trần trung Viên sao lục) còn chép sáu bài thất ngôn bát cú Hàn luật: Mừng em họ đỗ Tú tài, Vịnh nguyệt, Vịnh cảnh Sơn vi, Mừng bà Chiêu cải giá, Đề đền Phù Đồng, Mừng cháu đỗ Cử nhân, một bài lục bát: Tự tình và một bài hát nói: Cái mừng trượt⁵ của bà Nhàn Khanh.

Còn Bà huyện Thanh Quan? Bà kết duyên với ông Lưu Nghi (1804–?) tự

⁵ Bài này viết ra để diều ông Trịnh đình Kỳ khi ông này đi hát ả đào bị mất cắp ví tiền.

là Nguyễn Vân người làng Nguyệt Áng huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông. Không ai rõ bà sinh năm nào, nhưng căn cứ vào năm sinh của chồng bà, chúng ta có thể phỏng đoán mà không sợ sai lắm rằng bà cũng sinh sắp xỉ đồng thời với chồng. Sự chênh lệch có thể chỉ một vài tuổi. Như vậy bà sinh vào đầu đời Nguyễn và không bị ràng buộc gì với nhà Lê cả. Nên nhớ rằng giữa nhà Lê và nhà Nguyễn còn có triều Tây sơn bắc cầu. Triều thần nhà Lê nếu có oán thì oán nhà Tây sơn hơn là nhà Nguyễn. Và lại nhà Nguyễn đối với nhà Lê cũng không có gì là tệ: đón linh cữu của vua Chiêu Thống ở bên Tàu về dùng vương lễ tống táng cho vương phi Nguyễn thị Kim, khi bà này tử tiết theo Lê hoàng, trọng dụng các công thần của Lê triều. Chồng bà cũng như bà xuất thân trong một hoàn cảnh lịch sử minh bạch, tự nhiên không thể “coi mình là

một kẻ mất nước” được. Đến Nguyễn Công Trứ (1778-1858) ra đời trước bà hàng mấy chục năm đã không hoài Lê, lại còn đả kích thái độ mập mờ của một số di thần nhà Lê, thì chúng ta lại càng khó tin ở lòng hoài Lê trong tâm hồn của bà Huyện Thanh Quan.

Không những thế, chồng bà, ông Lưu Nghi đậu cử nhân khoa Tân tỵ (1821) niên hiệu Minh Mệnh thứ hai (theo Quốc triều hương khoa) làm quan đến Tri huyện rồi Viên ngoại lang. Bản thân bà cũng được vua Tự Đức triệu vào kinh phong làm Cung trung giáo tập. Như nếu bà có lấy chồng khoa bảng thì khoa bảng đó là khoa bảng của nhà Nguyễn ban cho và bà phải tôn phù nhà Nguyễn hơn nhà Lê mới đúng lý.

Vậy là cả hai vợ chồng bà cũng ăn lộc của nhà Nguyễn. Sự kiện này càng kh-

iến chúng ta khó tin rằng bà tưởng nhà Lê, triều đại “võng lọng” thời kỳ “vương đạo”.

Còn căn cứ vào bản văn? Bản văn của bà huyện Thanh Quan cũng theo thông lệ “tam sao thất bản”. Ba bài: Chùa Trấn Bắc, Qua đèo Ngang và Thăng long hoài cổ cũng cần phải được kiểm chứng lại. Ông Nguyễn Văn Tố mách rằng trong Quốc văn tùng kỳ và Việt túy tham khảo (sách chép tay bằng chữ nôm của trường Viễn đông bác cổ) thì bài Chùa Trấn Bắc, nhan đề chính là Qua chùa Trấn Bắc. Theo ông Ngô Tất Tố thì bài đó là:

Chấn (trấn?) quốc tự hoài cổ

Chăn (trấn?) quốc hành cung bỏ dải
dầu,

Khiến người qua lại trạnh lòng đau

Dưới hồ sen rớt hơi hương ngự.
Trên vách rêu in nếp áo châu.
Sóng lớp phế hưng coi đã rộn,
Chuông hồi kim cổ lắng càng mau.
Người xưa cảnh cũ còn đâu tá?
Ngơ ngẩn lòng thu khách bạc đầu.

Trong phần tham khảo, ông Ngô Tất
Tổ chép thêm hai bản khác:

Bản thứ nhất:

*Chấn (trấn?) quốc hành cung cỏ dãi
dầu,*

Trạnh niêm cố quốc nghi mà đau.

Một tòa sen tỏa hơi hương ngự,

Năm thức mây phong nếp áo châu.

Sóng lớp phế hưng coi vẫn rộn,

Chuông hồi kim cô lắng càng mau.

Người xưa cảnh cũ còn đâu tá!

Khéo ngăn ngơ thay lũ trọc đầu!

Bản thứ hai:

*Chấn (trấn?) quốc hành cung cỏ dãi
dầu,*

Khách qua đường đó tránh lòng đau.

Mấy dò sen ngát hơi hương ngự.

Năm thức mây phong vẽ áo châu

Sóng lớp phế hưng coi vẫn rộn,

Chuông hồi kim cô lắng càng mau.

Người xưa cảnh cũ, rầy đâu tá?

Khéo ngăn ngơ thay lũ trọc đầu.

Và ông Ngô Tất Tố lý luận rằng: chép như hai bài sau là không đúng. Ở câu thứ hai dưới đã có chữ « nghĩ » mà trên còn dùng chữ trạnh niềm ý nghĩa không khỏi trùng điệp. Vả chẳng trên nói Trấn quốc hành cung, dưới đến « khiến người qua đó » thì văn khí rất nhanh. Nếu đặt mấy chữ “trạnh niềm cố quốc” tức là văn khí không tiếp tục (Thi văn bình chú quyển II trang 61, 62). Vậy không thể căn cứ vào câu thứ hai này mà gán cho bà huyện Thanh Quan là thi sĩ hoài Lê.

Trong bài Qua đèo Ngang, hai câu sau này được nài ra để làm bằng cứ:

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc.

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia,

Và thường cho là hồn Thục Đế hóa làm con quốc nhớ nước kêu mãi không

thôi cũng như Bà huyện Thanh quan
nhớ “nước Lê” vậy. Sự thực điển Thục
Đế đã được dùng nhiều. Trong bài Cầm
sắt, Lý thương Ẩn đã viết:

Trang sinh hiếu mộng mê hồ điệp.

Thục đế xuân tâm thác đồ quyền,

Lúc nhà Tống mất nước, Văn thiên
Tường cũng đã mượn điển đó trong hai
câu thơ:

Tòng kim biệt khước Giang nam lộ,

Hóa tác đề quyền đái huyết qui.

Một thi sĩ đời Đường đã viết:

Đồ vũ than đầu minh quốc quốc

Giả cô giang thượng khiếu gia gia

(Chim quốc đầu ghềnh kêu quốc
quốc

Gà gô trên bãi gáy gia gia)

Hai câu thơ của Bà huyện Thanh quan là mượn tứ ở hai câu này. Hai câu đó tự nó không biểu lộ một tình ý chân thực mà chỉ là hai câu tả cảnh theo một khuôn sáo có sẵn. Bà huyện Thanh Quan ưa tả cảnh theo lối ước lệ. Chúng ta đã thưởng thức lối tả cảnh đó trong hai bài Chiều hôm nhớ nhà. Vậy không thể căn cứ vào đó mà bảo bà hoài Lê được. Bài thứ ba: Thăng Long hoài cổ cũng gây cho ta nhiều thắc mắc không kém. Thắc mắc đầu tiên là nhan đề bài thơ. Có bản chép bài này là Tây Kinh hoài cổ hay Tây đô hoài cổ (Tây đô là kinh đô cũ của nhà Hồ thuộc địa phận làng Yên Tôn, huyện Vĩnh Lộc tục gọi là Tây Giai tỉnh Thanh Hóa). Bà làm bài này khi được chiếu của vua Tự Đức triệu vào kinh đô nhận chức. Có bản lại chép là: Thanh Quan

hoài cổ và cho rằng bà sáng tác bài này khi qua phủ Thanh Quan nơi ông huyện Lưu Nghi nhậm lý và vì vậy mà bài thơ này còn mang một cái tên khác nữa: Quá phu quân cố lý: Dầu cho là Thăng Long hoài cổ, Tây đô hoài cổ, Thanh Quan hoài cổ hay Quá phu quân cố lý đi, thì nội dung bài này cũng không cho phép ta minh định được địa danh có thể gây cảm hứng cho bà huyện. Chính vì vậy mà những bản nôm cổ, theo Ứng Hòe Nguyễn văn Tố, chỉ ghi là Hoài cổ. Vậy ta cũng không nên quả quyết rằng bài này là bài hoài cổ nơi ngàn năm văn vật, kinh đô cũ của Lê triều.

Hơn nữa. dù cho đề tài cổ là Thăng Long hoài cổ đi chăng nữa, thì khi đọc toàn bài người đọc cũng chỉ nhận thấy lòng hoài cổ man mác mà thôi chứ tuyệt nhiên không nhận thấy tứ hoài Lê đâu

cả. Nếu có, tứ đó phải hẳn hiện ra, hoặc rõ rệt như thơ của Trần danh Ấn

Giá cô minh gia gia.

Đỗ quyền minh quốc quốc.

Vi cầm thượng hữu quốc gia thanh,

Cô thân đối thủ tình nan cực.

hoặc kín đáo như thơ Nguyễn Du:

Thiên niên cự thất thành quan đạo,

Nhất phiến làn thành một cổ cung.

Thơ hoài cổ không phải là một loại thơ mới mẻ gì. Nếu căn cứ vào đó mà bảo bà Huyện Thanh Quan hoài niệm Lê triều thì rồi có một ngày kia có lẽ chúng ta cũng sẽ bảo Nguyễn công Trữ nhớ tiếc nhà Lê vì Đức ngạn hầu Nguyễn công Tấn, thân phụ Uy viễn tướng công là

trung thần của Lê triều, vì Nguyễn công Trứ cũng có những tú hoài cổ như:

Hỏi năm nao vũ quán, diều dài?

Mà cỏ hoa man mác dấu thương dài,

Để khách rượu, làng thơ ngơ ngẩn.

Vịnh Tây hồ

và:

Đã mấy độ sao dời, vật đổi,

Nào vương cung, đế miếu ở đâu nao?

(Vịnh cảnh Hà Nội)

Căn cứ vào sự kiện tiểu sử, căn cứ vào văn phẩm của tác giả trong phần trên, chúng tôi đã cố gắng trình bày với những tài liệu có thể có được, để chứng minh rằng bà huyện Thanh Quan không phải là một thi sĩ hoài Lê. Một nhà văn

thời tiền chiến cho rằng “xem văn nôm khó, mà hiểu thấu văn nôm lại càng khó hơn”. Sự khó khăn đó ngày càng gia tăng vì chúng ta gặp rất nhiều trở ngại trên đường nghiên cứu: tài liệu, điều kiện khách quan, tình trạng đặc biệt hiện thời của dân tộc. Tuy nhiên, chúng tôi nghĩ rằng nghiên cứu một tác giả hay một tác phẩm cần phải tôn trọng những nguyên tắc thiết yếu của khoa văn học sử mới có thể tránh khỏi những sự ngộ nhận đáng tiếc. Đó là chủ ý của chúng tôi khi viết bài tiểu luận này.

LƯU TRUNG KHẢO

NHÌN BẢY BẢY CHÂN TRỜI

SĨ MỘC – THY LIÊN – LÝ TỬ –
TRẦN LINH

THẸN

Tôi trải trang giấy trắng trước mặt và không thấy đáng làm gì hơn là viết một chữ: THẸN lớn. Tôi cảm thấy hổ thẹn với những Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh của thời quốc văn phôi thai. Gạt bỏ ra ngoài những đặc điểm chính trị, tôi nghĩ tới những cây bút, tới lương tâm những người cầm bút như hai tác giả tôi vừa kể, trong số những người khác nữa.

Sự hổ thẹn của tôi có một nguyên nhân đang được phơi bày mỗi ngày trên thị trường sách báo và nghệ thuật ở quanh chúng ta đây. Tôi nghĩ tới những người cầm bút vào hàng con, cháu hay chắt của những Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh ngày xưa. Những người cầm bút có nhiều hay ít học vấn, kiến thức, họ đã trưng ra những mảnh bằng – bằng thật hay bằng giả — hoặc đang lén đi thi lấy cái Tú tài một trong khi lên tiếng dạy thiên hạ bằng những bài văn xỏ xiên, họ vung cao ngọn cờ gieo rắc văn hóa, tư tưởng và vỗ ngực tự nhận sống chết với văn nghệ. Bởi có những đao to búa lớn như vậy, sự hổ thẹn mới đau đớn.

Ngày xưa, trong một hoàn cảnh khác hẳn ngày nay, những Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh cũng hấp thụ được

nhiều hay ít những nền văn hóa ở ngoài, chẳng hạn như văn hóa Pháp.

Họ là những người đã say mê những ánh sáng phương xa, say mê cho họ trước hết và sau đó đã có can đảm cặm cụi làm công việc bực bẽ của người dịch văn. Tầm mắt của họ bao quát được chân trời nên họ nhận thức được sự nhỏ bé của họ. Bao nhiêu thế hệ đã được thụ hưởng những công khó của những người như Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh. Những người mở cửa đem ánh sáng phương xa đến cũng như những người đón nhận đều ở trong một không khí hồn nhiên thanh thản không bị hoen ố hay u ám bởi những đám mây vụ lợi, vụ lợi tinh thần mà thôi vì ta đã gạt bỏ ngay từ đầu những quan điểm chính trị, quyền lợi. Toàn bộ “Nam Phong” cũng như những sách đã in ra, chẳng hạn tủ sách Âu Tây

Tư tưởng, mặc dầu những biến cố, vẫn còn lại mãi.

Ngày nay, chúng ta có cái may mắn được thấy mở rộng trước mắt biết bao chân trời mới, bằng chứng là những cây bút có bằng cấp và thêm bằng cấp rất đông đảo ở quanh ta. Chúng ta được hấp thụ nhiều hơn nhưng thử hỏi đã làm được gì hơn người xưa. Chúng ta không có cái lương tâm, cái liêm sỉ ngời bút của người xưa nữa. Chúng ta đọc, chúng ta vội vàng tìm hiểu để cũng vội vàng chiếm làm của riêng. Cái đọc, cái hiểu nhiều khi vô cùng nông cạn. Tôi còn nhớ có một nhà đàn cảnh Pháp tới làm việc tại đây ít lâu, khi có người hỏi đã tiếp xúc với một vi “nhân tài” điện ảnh Việt Nam chưa và có ý kiến gì không, đã hết sức nghiêm chỉnh trả lời rằng có hân hạnh gặp những nhân tài “thoát thai từ

Aris và Cahier du Cinémas” rồi. Hỏi ra mới biết quý vị rất chăm đọc hai ba tờ báo Pháp và sẵn sàng tuôn ra bất kỳ ở đâu những ý kiến cóp nhặt trong báo đó. Với cái tài cái học như vậy và chương ra những vấn đề ghê gớm của điện ảnh ngoại quốc, làm sao những người nhỏ tuổi ở đây không sợ. Chỉ phiền một nỗi là viết ra chỉ thiệt cho những tác giả ngoại quốc có ý kiến, tư tưởng bị đánh cắp, còn nền điện ảnh Việt Nam chẳng được lợi gì. Tôi còn nhớ có một nhà xuất bản Pháp nhờ một vài người Việt ở Paris sưu tầm giúp một số thơ Việt Nam để in vào một tập thơ quốc tế. Người có nhiệm vụ sưu tầm trước hết đã gạn lọc và chỉ hướng sự lựa chọn trong một số nhỏ “bồ bịch”. Những bài thơ tiêu biểu cho thi đàn Việt Nam hôm nay khi đem dịch ra và đưa tới tay nhà xuất bản đã gây một chấn động khiến văn phòng

của nhà xuất bản kia muốn nổ tung vì những trận cười: những bài thơ dịch ra nội dung giống những bài thơ Pháp nổi tiếng như từng hai giọt nước. Đường như cho đến hôm nay những người có thơ được “bồ” chọn vẫn không hiểu tại sao nhà xuất bản Pháp kia lại bỏ ý định tuyển một số thơ Việt.

Hai thí dụ nhỏ đủ thuyết minh cho tình trạng vay mượn hiện tại trong văn chương và nghệ thuật, một tình trạng còn dọa bành trướng mạnh. Cần nói thêm rằng đó là một lối “vay xỏ” vì khó lòng tìm thấy những tấm lương tâm dám chỉ rõ nguồn gốc vay mượn. Hơn nữa, những người đi những người đi vay không trả lại có manh tâm lấy vốn của người để làm chiêu bài hãnh diện với những người nhỏ tuổi. Bởi vậy thêm vào cái thẹn đối với người trước lại còn mỗi

lo cho tương lai. Nền văn chương, nghệ thuật tương lai của ta sẽ ra sao nếu cuộc thi đua bịp bợm tiếp diễn với cái đà hôm nay!

SĨ MỘC

NHÂN ĐI XEM CHIẾU THỬ

“BẢY ĐIỀU GIÁO LỆNH⁶”

“Bảy Điều Giáo Lệnh” được đưa ra trình bày trong cái không khí oi bức của nền điện ảnh Việt Nam hiện tại như một cơn mưa bụi nho nhỏ, vừa vắn đủ tươi mát, dễ chịu trong chốc lát.

Trên những ghen tỵ nhỏ thấp có

6 Bảy phim ngắn cỡ 16 ly do Phòng Điện Ảnh Quân Đội thực hiện dựa trên đề tài bảy điều giáo lệnh của Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa.

tính cách muốn độc chiếm nghệ thuật thứ bảy về mình, trên những vô ý thức hèn cạn của sự so sánh vô lối giữa công việc đã thành bây giờ và cái — mộng ảo — sẽ thành của mình ở mãi tận tương lai, trên những cái bĩu môi tức tối nguy trang thành khinh khỉnh của sự lung lay rõ rệt cái gian mưu đầu cơ điện ảnh, trên tất cả những cái đó, “Bảy Điều Giáo Lệnh” nhẹ nhàng đứng lên nhìn nhận tất cả những lỗi lầm trong bước đầu sáng tác nhựa phẩm.

Những người quân nhân làm điện ảnh nhìn vào lòng mình, chịu đựng tất cả những lời nói mũi dùi khích bác vì họ thừa nhiều cố gắng và chân thành chưa đủ để xây dựng nghệ thuật nói chung và điện ảnh nói riêng. Khiêm tốn in trên từng nét mặt những người quân nhân làm phim, phảng phất trên mỗi thước

phim được chiếu lên màn ảnh và dàn đi trong không khí chiếu thử.

Một người bạn hỏi ý kiến tôi trong phút nghỉ chiếu giữa hai bộ phim. Tôi từ chối không trả lời. Lý do chính vì trong số khán giả nghĩa là khách được quân đội lịch sử và nhà nhận mời tới xem phim – có những kẻ đã mang thành kiến không đẹp từ khi bước chân ra khỏi ngưỡng cửa nhà riêng để mặt sát chứ không phải để phê bình, tôi không muốn những lời nhận sét – vụng về ... của tôi bị lẫn vào những lời thiếu thiện chí của thứ người vừa kể trên. Mặc dầu tôi cảm thấy cần nói cảm tưởng riêng của mình, tôi ước mong không khí trở nên thân ái anh em để tôi chê rất nhiều để tôi vạch ra những sai lầm căn bản, những vụng yếu kỹ thuật và nghệ thuật và sau khi được giải bày tâm sự, nhất định tôi sẽ không quên

nói câu này: “công việc của các anh làm chúng tôi hy vọng rất nhiều, đồng thời cũng làm chúng tôi tủi cực và hổ thẹn.”

Vì tôi cho rằng không thể bào chữa cho sự khoan tay bất động của những người làm điện ảnh ngoài quân đội bằng lý lẽ “các anh làm được điện ảnh trong giai đoạn hiện thời vì các anh có phương tiện nếu chúng tôi cũng có phương tiện như các anh thì...” Phương tiện rất cần thiết, nhưng phương tiện không thôi chưa đủ để làm một công việc có tính cách nghệ thuật. Phương tiện có tiếp tay cho người Quân nhân làm điện ảnh, nhưng phương tiện sẽ biến thành phí phạm vô nghĩa nếu thiếu vắng thiện chí muốn và quyết làm nếu không có can đảm mà e ngại trước những chướng ngại vật đen tối chặn trên lối đi và nếu không tin tưởng vào sự thành công dù bé mọn.

Người nghệ sĩ điện ảnh của Quân đội chúng ta không thập thò sau bức màn ngò vức để đo lường cái thích của khán giả – khán giả Quân đội không phải là không khó tính để viện tới cái lý không ăn khách, mà chùn lại.

Tôi đã làm những con tính nhân nhiều con tính cộng về sự lời lỗi của một bộ phim chiếu tại Việt Nam để rồi chua chát kết luận:

Nếu một bộ phim Việt Nam với tối thiểu tài chính và tối đa thiện chí thì sự mong muốn hòa vốn vật chất và lời lớn tinh thần không phải là một chuyện hoàn toàn viên vống... Tất cả nằm trong vấn đề “thành thực muốn làm nghệ thuật” hay “chỉ làm cái trò mệnh danh nghệ thuật để lừa bịp để có tên hoặc có tiền, thành thực muốn làm nghệ thuật nghĩa là có ý thức đứng đắn trong khi làm, không

phải đưa ra một thứ “nghệ thuật” lập dị ấu trĩ tự mệnh danh là khai phá, hay trâng tráo sao lại dập theo một cách ngu xuẩn — vì thiếu căn bản cần thiết — những sản phẩm nước người với dụng ý bịp bợm — do đó thành đầu độc những kẻ thiếu bản lĩnh tối thiểu để tự vệ.

Tôi chỉ muốn nói tới những người làm nghệ thuật chân thành và ý thức, những người lục lại vốn riêng, biết mười chỉ nói năm và cho rằng mình mới chỉ trình bày được hai, ba hay những người đi mượn cái mình cho là chủ quan – đẹp của bên ngoài, công khai nhận vai trò dịch thuật môi giới cho người thưởng thức ở đây và người sáng tác ở chỗ khác.

Những cuốn văn phạm điện ảnh — yếu lược — có tính cách làm giàu, cho buổi tiếp tân trưởng giả, những tập giáo khoa điện ảnh in rô-nê-ô mang nặng vai

trò chú thích cho sự thực tập của những sinh viên điện ảnh, những tờ báo phê bình nghệ thuật thứ bảy – dù đứng đắn đi nữa – từ phương xa gửi tới, héo theo thời gian chỉ là những tập tài liệu chứ không thể là cẩm nang thần thánh để dựa vào đó mà luận bàn, phẩm bình, chê bai những đứa con — dù què quặt, ốm yếu — thành hình bằng mồ hôi nước mắt của kẻ làm nghệ thuật — xấu số không phải là mình! — Ta thử đặt câu hỏi: với “căn bản” ấy có quyền dương dương tự đắc là một thứ điện ảnh gia chuyên nghiệp đã ăn to nói lớn với bạn đồng nghề không?

Văn phạm điện ảnh, kỹ thuật điện ảnh dẫn giải là do nơi kinh nghiệm góp lại mà thành chứ không phải là những pho sách để ra những định luật nhất định, bất di bất dịch có tính

cách toán học. Sự hợp lý của nghệ thuật là khởi điểm, từ điểm đó mà xuất phát, với ý thức trí thức, và vốn liếng hiểu biết trung đẳng kỹ thuật. ta đã có thể làm công việc thực hiện điện ảnh. Tuy nhiên không phải thực hiện điện ảnh là nhất thiết sáng tác nghệ thuật thứ bảy, nhưng với kinh nghiệm đón nhận được lần lần trong khi hành nghề lao khổ (yếu tố thời gian quan trọng và then chốt trong việc này) sẽ đưa ta tới thành công: thực hiện phim biến thành làm nghệ thuật bằng điện ảnh.

Người ta bảo: phim hãng Z bây giờ “đỡ tẻ” hơn trước, hãng Z cứ tiếp tục làm phim sẽ có ngày người ta bảo phim hãng Z khá, vẫn vẫn nhưng nếu hãng Z ngưng làm phim người ta sẽ nói vớ hết cả: phim hãng Z tồi.

Phim đầu trong của Quân đội may
dấu vết khuyết điểm nhưng nếu công
việc cứ tiếp tục, nếu người Quân nhân
làm điện ảnh vẫn muốn và quyết làm
thì nền điện ảnh quân đội sẽ sáng chói ở
ngày mai tới đây.

✱

Tôi nghĩ thêm điều này: Thực hiện
phim ngắn – 35 ly — dĩ nhiên phải rẻ
hơn thực hiện phim dài và có nhiều hy
vọng thành công về nghệ thuật, kỹ thuật
vì tất cả hiểu biết và cố gắng dồn vào
một phim ngắn sẽ đậm đặc hơn là rải lên
một bộ phim dài. Thành công tài chính
đặt trên nền tảng nghệ thuật và kỹ thuật.
Đặt câu hỏi:

Tại sao không nêu vấn đề hợp tác
làm phim ví dụ giữa năm hay sáu nhà
sản xuất ở đây?

Mỗi hãng “chơi” một phim ngắn bằng số vốn đầu được trong việc phụ đề, chuyển âm hay chuyện khác với phương tiện kỹ thuật tương trợ, với tài năng và khả năng riêng của mỗi hãng. Mỗi phim ngắn đều nằm trong đề tài chung mà họ đồng ý lựa chọn. Nếu được như vậy thì chúng ta có quyền lạc quan mà hy vọng một bộ phim giá trị, bộ phim đó sẽ chuyển nền điện ảnh qua giai đoạn mới, giai đoạn tô lại tin tưởng đã mờ nhạt trong lòng những người Việt nam tha thiết với nền điện ảnh xứ sở.

THY LIÊN

TÂN XUÂN TÙY BÚT,
CỦA LÊ VĂN SIÊU VÀ NHỮNG
BẢN KHOẢN VỀ CON NGƯỜI

Có những trái núi trông thì hùng vĩ;
có những con sông khi mới nhìn tưởng
là một dòng nước lớn không bao giờ khô
cạn.

Có những tên tuổi gọi lên được một
sự kính mến và trông chờ, và tin cậy.

Cầm một tập sách của Lê văn Siêu,
cảm tưởng đầu tiên của người đọc có thể
là như vậy. Nhưng kỳ vọng đặt càng cao,
tin tưởng càng nhiều, thì khi trèo lên
ngọn núi và đi vào dòng sông, lại càng
dễ dàng bị thất vọng.

Nói đến Lê văn Siêu, người ta tưởng
ngay đến một lòng nhiệt thành tận tụy

với văn hóa của dân tộc Việt Nam. Tập Tân xuân tùy bút, vừa mới xuất bản, gom góp trong 108 trang, 7 bài tùy bút đã lần lượt có mặt trên các tạp chí hoặc các tập san văn hóa và văn nghệ thủ đô. Bây giờ in thành sách, sắp đặt thành đề mục rành rọt, chắc hẳn ông Lê Văn Siêu có dụng ý khoác cho tư tưởng của mình một sự nhất trí, một vẻ quan trọng hơn là những bài báo rời rạc? Thực sự tư tưởng của ông Lê văn Siêu có một sự nhất trí rất mực gắt gao: tất cả mọi bài tùy bút trong tập sách đều xoay quanh một trục chính được tạo thành bởi ba tư tưởng nòng cốt: một ý thức hệ mới, một nền văn hóa mới, một trật tự xã hội mới. Ba tư tưởng này tự ràng buộc vào nhau chặt chẽ, nên chúng ta có thể nói: Một ý thức hệ mới để xây dựng một nền văn hóa mới cho một trật tự xã hội mới.

Bây giờ đi sâu hơn vào tư tưởng của tác giả, chúng ta sẽ thấy rằng ý thức hệ mới trước tiên là một ý nghiệp tốt, một thiện ý, bắt nguồn từ thiện tính căn bản của con người. Ý nghiệp tốt thay thế cho cứu cánh và phương tiện và giai đoạn để hướng dẫn con người trong hành động và trong cả cuộc sống trần thế để “hòa hồn mình vào với cái Đại Hồn của xã hội, vũ trụ” (trang 86 TXTB) và yếu tố cho phép sự hòa chung ấy (giữa con người, xã hội và vũ trụ) là lòng tin yêu, không phải là căm hờn thù oán

Chỉ lý thay những lời nói của ông Lê văn Siêu! Nhưng lòng tin yêu hay đẹp này làm sao cho nó có được và trưởng thành trong xã hội loài người? Đó là điều khó. Dựa lòng tin yêu của con người lên lòng yêu vô biên của Tạo hóa đã đủ để giải quyết ổn thỏa sự hiện diện

của tội ác trong nhân loại chưa? Chúng ta công nhận một Đức tin đặt vào một Thượng đế là cần thiết, nhưng không thể sung mãn cho căn bản tinh thần của con người; Bên cạnh tình yêu là một nền tảng thuần lý cho tương quan xã hội vũ trụ, cần phải có một nền tảng đức lý thực tiễn cho hành động và sinh hoạt: Nghĩa là một ý nghiệp tốt, cũng như một tình yêu cao đẹp chưa thể đủ mà cần phải có một phương pháp — hoặc phương tiện — để hành động và xử thế trong giai đoạn hiện hữu của con người, trước khi tìm được sự hòa đồng vào Đại hỗn của xã hội và vũ trụ. Phương pháp — hoặc phương tiện đó — là khoa học và kỹ thuật; vậy một thái độ hoài nghi và dè dặt quá đáng đối với khoa học, kỹ thuật có thực là hữu ích và hợp lý chăng? Hay chúng ta nên làm thế kỷ bằng một tâm tình cởi mở hơn, hồn nhiên hơn, và xem

khoa học kỹ thuật như một thành phần hợp tác dưới sự điều hòa và dung hợp của một tư tưởng Nhân bản.

Ông Lê văn Siêu, dù có nói đến và giải quyết được hay không thì cũng đã có công gợi lên những băn khoăn và đặt ra những vấn đề.

Những vấn đề và băn khoăn đó có một trọng tâm hầu như duy nhất, là văn hóa.

Và văn hóa, theo tác giả của tập Tân xuân tùy Bút là một ý thức hệ đối với tất cả mọi khía cạnh cuộc sống của con người.... Ý thức ấy thấu suốt những luật tắc thiên nhiên và nhân sự.... Cố nhiên ý thức ấy không từ bỏ khoa học là một trong những phương tiện...”(trang 96)

Như thế văn hóa còn có thể được

xem như toàn thể những lẽ lối nhận thức và hiểu biết sự vật, trên sự vật, qua “chân ngã” của con người “Chân ngã” theo quan niệm của ông Lê văn Siêu được chấp nhận như thế nào? Như một “Karma” Phật giáo? như một “Atman” Ấn độ giáo? hay như một “Dasein” hoặc một “le moi existential” của triết thuyết hiện sinh?

Và như thế “Chân ngã” con người trên căn bản siêu hình, được chấp nhận như một thực thể bất biến hay như một thực tại hiện hữu trước khi có bản thể (*l'existence précède l'essence*) và bởi đó luôn luôn có khả năng tự thể hiện và thực hiện?

Qua một vài dòng quá sơ lược và thiếu thốn đề cập đến vấn đề này – vấn đề “Chân Ngã” như căn bản siêu hình của con người – chúng ta có thể tạm

hiếu rằng ông Lê văn Siêu đã chấp nhận một quan niệm bản chất, bản thể, hay chân ngã Bất Biến:

“Mà như vậy thì loài người vẫn không dứt được nghiệp mà..... » (trang 15); “Bất cứ làm việc gì anh hãy phải nhận và chịu đựng những bản thể người... (trang 16); “ấy là cái ý nghiệp, khi bắt tay vào việc chính là ý nghiệp của con người...” (trang 18); “Phải đã có trở về cuộc sống nội tâm, tìm thấy chân ngã của mình...” (trang 85).

Như vậy con người vốn có sẵn một “bản thể,, “bản chất”, hay chân ngã, làm vốn liếng. Qua cuộc sống lịch sử (và lịch sử cuộc sống) con người đã đánh mất đi, làm hư hao đi phần vốn liếng đó, cho nên bây giờ phải theo lời khuyên của ông Lê văn Siêu mà trở về, tìm về căn bản đầu tiên ấy?

Trên một quan niệm như thế về con người nghĩa là “đã vương lấy nghiệp vào thân” như ông Lê văn Siêu nhắc lại câu thơ Kiều mà khuyên con người hành động để cải tiến cuộc sống của mình, thật chẳng khác nào hô hào tù nhân giải phóng, mà một mặt thì nháy mắt cho cai tù xiềng trói chặt thêm. Một khi đã vương lấy nghiệp vào thân nghĩa là mang ách vào cổ, xỏ chân vào cùm, lỡ làm kiếp người mất rồi – thì chỉ còn có thể sống theo dĩ nghiệp mà thôi. Mọi cố gắng giải thoát đều vô ích, thừa thải và phí phạm.

Phải đặt lại vấn đề con người trên căn bản khác – đúng hơn. trên căn bản hư vô –, thì con người mới có thể rảnh rang thoải mái tự mình đi lấy con đường của mình, tự mình làm lấy cuộc đời của mình, tự mình làm lấy lịch sử của mình,

Tự Mình Làm Lấy Và Làm Cho Mình.

Tuy nhiên trên con đường tự thể hiện và thực hiện. con người không phải là một ánh ma trời dật dờ theo sự đưa đẩy tình cờ của ngọn gió, nếu thế, tự do của con người trong hành vi tự thể hiện sẽ trở nên vô nghĩa. Con người có một ý hướng, tôi muốn nói có một chiều hướng, kết tinh từ những thế hệ trước, từ những nỗ lực không ngừng của con người qua thời gian.

Nhưng Ý Hướng đó, hay Chiều Hướng đó không có tính cách khắt khe cưỡng chế của một Nghiệp Dĩ. Con người có khả năng và quyền uy để thực hiện hay bỏ phứt Ý hướng hoặc Chiều hướng của đời người. Con người cũng có thể bồi dưỡng và hướng dẫn Nó. Bởi vì, dầu cho con người có một dĩ vãng đã thành thì con người còn có một tương

lai vô cùng tận trống rỗng trong sự chờ đón những thể hiện của con người; trong khoảng trống tương lai con người là tạo hóa toàn năng. Chúng ta có thể đồng ý với ông Lê văn Siêu về nhiều điểm: sự cần thiết phải đi vào cuộc đời và hành động bằng một tâm trạng cởi mở hơn, hồn nhiên hơn, với một sự “giác ngộ về bản thể của mình”, với một thiện chí lâu dài để tự thực hiện con người của mình bằng cuộc sống. Nhưng chúng ta phải giao trả cho con người toàn quyền sinh sống và thực hiện nhân tính của mình trên căn bản một khoảng trống siêu hình: có thể nói nhân tính chưa thành mà con người có trách nhiệm thực hiện nhân tính đó trong đời sống của mình bằng suy tưởng và hành động của mình. Nhân tính cũng chưa có sẵn để mà bỏ mất đi hay đi tìm lại. Nhân tính đó còn ở trạng thái tiềm tàng. trạng thái “có thể

mà chưa thành”, như hình ảnh một tác phẩm trong trí óc của người nghệ sĩ.

Chúng ta cần phải nói rõ thế nào là cái ý nghiệp – tôi ao ước cho nó có những tính chất rộng rãi như một ý hướng hay chiều hướng, để cho con người còn có đủ tự do và trách nhiệm thực hiện “lý tưởng con người” mà mỗi người ai cũng có ở một trạng thái tiềm tàng — chính cái ý nghiệp đó sẽ đóng vai trò dẫn đạo con người trên mọi nẻo đường, kể cả nẻo đường làm văn hóa.

Cái ý nghiệp đó có thể được phân làm hai loại tốt và xấu, thiện và ác, theo một lối chấp nhận chủ quan độc đoán. Nhưng dựa trên căn bản nào mà phân định giá trị của những ý nghiệp, khi ý nghiệp chỉ là một sự tác thành của chủ quan nhận thức thuộc về nội tâm? Người ta có thể đưa ra một số nguyên lý

tiên thiên và nói với thiên hạ rằng đó là tất cả căn bản của nhân thức con người, nhưng con người, nhưng con người có tin theo không, và tự nó những nguyên lý đó có giá trị gì không, và đối với con người thì nó có giá trị gì không. Đó là những nghi vấn mà chưa bao giờ có một hy vọng giải đáp nào tạm gọi là ổn thỏa. Cho nên khi nghe nói đến “tốt xấu”, bao giờ và ở đâu con người cũng có quyền dành cho mình một hoài nghi rộng rãi, và tự hỏi “tốt xấu” đối với cái gì? Nhân danh cái gì? Bởi đó chính những ý niệm tốt xấu cũng cần phải có lúc được xét lại và định lại giá trị cùng giới hạn. Trong dòng biến chuyển tiến hóa không ngừng của lịch sử và vũ trụ, không một sự vật nào có thể đứng im lìm ngưng đọng một chỗ. Vậy tốt xấu theo một quan niệm đứng đắn và phổ quát của nhân loại hiện kim sẽ như thế nào?

Và sự tốt xấu gán lên cho những ý nghiệp là những thứ vô hình thì còn khó phân định đến mực nào? Nhất là khi ý nghiệp đó chỉ có thể biết được bởi chủ quan?

Cho nên lấy ý nghiệp làm căn bản cho suy tưởng và hành động, khi mà ý nghiệp đó cũng chưa được hiểu biết thấu đáo (bằng suy luận hay thức giác) thì quả thực căn bản mong manh lắm, và cả công trình kiến trúc tạo thành trên căn bản đó cũng khó mà có thể gọi là vững chắc. Nguyên tắc mới lấy cái ý nghiệp làm cứu cánh, của cái cứu cánh, tuy tưởng như xa vời, mà thực thì chỉ nó mới có thể dùng được để làm tiêu chuẩn xét định giá trị những phương tiện”. Ý nghiệp theo như định nghĩa có thể gán lên cho danh từ, là một cái gì đã thành hình từ những cuộc sống trước, từ những yếu

tổ truyền thống, huyết thống, xã hội, sinh vật; con người từ những yếu tố đó cố gắng vượt lên mà không thể bằng lòng lấy nó làm cứu cánh. Có vậy thì con người mới có hy vọng thực hiện nhân tính, bằng không sẽ nằm im lìm trong thú tính. Vậy có thể nói rằng con người không bao giờ nhận một cứu cánh nào một cùng đích mà chỉ có thể hiểu được một hướng đi. Hướng đi đó mỗi người; mỗi thời đại, mỗi xã hội, tự sáng tạo cho mình từ những kinh nghiệm những bài học mà những con người những thời đại những xã hội đã qua truyền lại cho mình. Con người đứng trước tất cả những thứ đó và có toàn quyền chọn lựa một căn bản cho cuộc sống sắp đến của mình. Con người có thể từ chối sự chọn lựa đó bằng một hành động dứt khoát từ chối cuộc sống: hành động tự tử. (Mọi xã hội đều biết rằng tự tử là quyền năng cuối

cùng và tuyệt đối của con người cá nhân chủ quan cho nên bao giờ xã hội cũng lên án hành động tự tử một cách nặng nề).

Hướng đi ấy, có những người, những thời đại, những xã hội không ý thức được rõ ràng cho nên có cảm tưởng đi trong bóng tối, chập chững, vấp ngã. Nhưng cũng có những người những thời đại những xã hội đã tìm được ý thức tỉnh tường về hướng đi của mình.

Hiện nay con người chúng ta thời đại chúng ta, xã hội chúng ta, sau bao nhiêu đổ vỡ tàn phá, sau bao nhiêu hư hao mất mát đang mò mẫm tìm một hướng đi trong hỗn loạn hiện tại. Hướng đi đó, quá khứ chỉ giúp chúng ta một ý kiến, một kinh nghiệm, một bài học rất nhỏ mà thôi. Chúng ta chỉ có thể tìm thấy ở chúng ta, ở tương lai, ở một sự chấp

nhận những giá trị cho thế giới tương lai từ những khả năng, những “có thể” những tiềm lực của hiện tại.

✱

1960. Phần hai của một thế kỷ bắt đầu được một phần năm. Ở xứ sở chúng ta cơ cấu chính trị có thể được xem như tạm vững. Nhưng chúng ta hiện đang thiếu thốn một căn bản tinh thần, văn hóa, trí thức. Những cuốn sách khảo luận kế tiếp, nhau ra đời. Những tạp chí văn nghệ hay văn hóa. Những sách giáo khoa tất cả đều đang cố gắng cải tiến từ hình thức đến nội dung. Tất cả những nỗ lực đó dù không gặt hái được nhiều thành công, thì chỉ riêng sự có mặt của chúng cũng tỏ rằng thế hệ chúng ta đã ý thức tầm quan trọng phải đặt một nền

tảng tinh thần cho một trật tự nhân bản tương lai.

Không riêng gì xứ sở và dân tộc chúng ta đang thiếu những qui chuẩn tinh thần – đức lý, siêu hình — để đặt nền móng cho những công trình kiến trúc nhân bản mà hiện nay toàn thể nhân loại cũng đang lúng túng vấp ngã trên con đường làm cuộc sống và lịch sử của mình.

Con người đã quá chú tâm đến những danh từ, những khuôn mẫu, những hình dáng bề ngoài, mà quên mất chính mình như một thực thể thuần nhất. Tùy theo những “lão phù thủy cao tay ẩn” con người tưởng mình là một hình rơm, một hơi thở, một khối nước, một sự hỗn hợp những chất hóa học hữu cơ, mà con người chưa hề ý thức được mình như Một con người; nghĩa là một xuất

hiện đột khởi và đột biến, nhưng trong giai đoạn hiện hữu — giai đoạn góp mặt trong cuộc sống cộng đồng — thì con người có một tự do thực hiện mình theo ý hướng và khả năng của mình.

Vậy căn bản tinh thần cho mọi kiến trúc nhân bản tương lai phải là Con người được quan niệm như một thực thể thuần nhất, hàm chứa tiềm lực và khả năng tự tạo và tự thực hiện. (Phát huy khả năng và tiềm lực đó lại là một việc khác, nhưng có một ý niệm đúng đắn về con người là căn bản tinh thần cần thiết). Tất nhiên con người đây phải là con người toàn diện: có cơ thể, nhưng từ cơ thể cố gắng vượt lên để đạt tinh thần, thực hiện tinh hoa siêu thăng.

Những cố gắng tìm về con người, đặt ý thức hệ của người như một điều kiện tất yếu để hành động và xây dựng, hiện

nay biểu hiện phong phú trên địa hạt sinh hoạt văn hóa quốc nội và quốc tế, chúng tỏ rằng con người sau lúc đi cầu viện tứ phương, thấy không hiện quả gì, bây giờ đã biết trở về với mình. Đó là một triệu chứng tốt báo hiệu một thay đổi có thể là tốt đẹp trong tương lai. Nhưng xúc tiến triệu chứng báo hiệu đó cho đến chỗ phát huy rực rỡ, công việc không thể dễ dàng và mau mắn.

Tuy nhiên, nhìn những nỗ lực tinh thần hiện tại, chúng ta có đủ tin tưởng và lạc quan để hành động và chờ đợi. -

Tập “tân xuân tùy bút” của Lê văn Siêu, bìa màu xanh non tươi xinh, đã cho tôi những ý nghĩ, tình cảm lạc quan và tin tưởng đó. Tôi cảm ơn tập sách nhỏ và tác giả của nó.

LÝ TỬ

TIN THƠ

Tờ Journal des Poètes xuất bản tại Bỉ trong số tháng 5 đã phiên dịch một số những bài thơ của thi sĩ Vũ Hoàng Chương. Sự ấn hành thơ dịch của một tác giả Việt Nam ở ngoại quốc có một tác giả dụng tốt: giới thiệu với độc giả ở bốn phương thi ca Việt Nam. Tất nhiên giới thiệu một tác giả chưa phải là giới thiệu toàn diện tâm hồn thơ của dân tộc Việt nhưng việc làm này vẫn có ý nghĩa hàm xúc của bước đi khởi đầu. Bước đi này sẽ dẫn tới một sự tìm hiểu rộng lớn, vị tha, thông cảm sâu xa giữa những dân tộc mà vị trí địa dư hết sức xa cách. Vì những lý do này, tôi đã đọc những bài thơ Vũ Hoàng Chương phiên dịch sang

Pháp ngữ ẩn hành trên tờ báo kể trên
với một niềm vui.

TRẦN LINH

HỘP THƯ

Đã nhận được bài vở và thư giao dịch của các bạn:

Nguyễn Trùng Hanh – Đinh Khuông
– Thái Văn Ngữ – Hàn lệ Châu – Song
Linh – Mạc Quan Huyền – Đoàn Công
Đình – Mê Hồng Diệp – Đặng Truyền –
Võ Hàng – Diệp Linh Trang – Chu Trọng
Nguyên – Đoàn Vĩnh Thịnh – Triền
Thương Thái Nguyên – Trần Thanh
Liêm – Nguyễn Tấn Khanh – Trương
Thanh Sơn – Hồ Đình Nam – Lê Phi –
Nguyễn Phúc Tường – Phạm Văn Minh
– Thái Hồ – Nguyễn Phúc Viên – Kiều
Mai Hương – Nguyễn Đình Niên – Lưu
Hoàng Nguyên – Nguyễn Hà – Tân Lạc
– Tôn Thất Dứ – Nguyễn Phụng – Minh
Nhượng – Trần Huyền – Thu Hương –

Võ Tình – Nguyễn Trọng Nho – Thái
Anh Duy – Bích Hoài – Lê Văn Kiêm
-Huyền Dân – Phạm Huy Thái – Vân
Linh – Vân Phúc – Phạm Trọng Dụng...

HIỆN ĐẠI

